HÀ HOÀI DUNG
(Biên soạn)

(- Nghi lễ, tập tục, kiêng kỵ trong cưới hỏi
- Nghi lễ, kiêng kỵ trong thờ cúng gia tiên, lễ hội
- Các bài văn khấn nôm)

TÌM HIỂU NGHI LỄ CƯỚI HỎI, THỜ CÚNG TRONG DÂN GIAN



NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA
CÔNG TY VĂN HOÁ BẢO THẮNG

TÌM HIỂU NGHI LỄ
CƯỚI HỎI, THỜ CÚNG TRONG DÂN GIAN

HÀ HOÀI DUNG
(Biên soạn)

Tìm hiểu nghi lễ
CƯỚI HỎI, THỜ CÚNG
trong dân gian

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

LỜI NÓI ĐẦU

Văn hoá dân gian là một hệ thống bao gồm nhiều thành tố, trong đó tín ngưỡng, phong tục thờ cúng là một trong những bộ phận quan trọng trong đời sống tâm linh của nhân dân. Tín ngưỡng, tục thờ cúng không chỉ là một cách thức trợ giúp về tinh thần để con người vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống mà còn là sự biểu hiện của niềm tin, triết lí sống và truyền thống ân nghĩa của dân tộc ta từ xưa tới nay. Chính vì lẽ đó mà trong đời sống tinh thần của nhân dân ta hiện nay việc thờ cúng vẫn được duy trì: những phong tục thờ Mẫu, thờ cúng tổ tiên, thờ Thành Hoàng... là một nét văn hoá của dân tộc.

Để tìm hiểu các nghi lễ thờ cúng trong đời sống văn hoá, chúng tôi tổ chức biên soạn cuốn sách: "TÌM HIỂU NGHI LỄ CƯỚI HỎI, THỜ CÚNG TRONG DÂN GIAN" nhằm cung cấp cho bạn đọc một số kiến thức cơ bản về các nghi lễ thờ cúng của dân tộc, trừ một số nghi lễ quá

lạc hậu không còn phù hợp. Đồng thời giới thiệu một số bài văn khấn phổ biến dùng trong các ngày lễ trọng để bạn đọc tham khảo.

Sự phong phú của đời sống văn hoá dân gian và với tầm hiểu biết hữu hạn của mình, cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn.

Người biên soạn

Tín ngưỡng
VÀ NGHI LỄ THỜ CÚNG

Nghi lễ thờ cúng là sự biểu hiện bằng các hành động cụ thể của tín ngưỡng con người. Mỗi nghi lễ đều được xuất phát từ một niềm tin nhất định nào đó của một nhóm người, một cộng đồng người. Chính vì vậy, trước khi tìm hiểu các nghi lễ thờ cúng của Việt Nam, chúng ta cần hiểu rõ một số đặc trưng cơ bản trong khái niệm tín ngưỡng.

Tín ngưỡng là gì?

Tín ngưỡng một khái niệm trừu tượng phản ánh đời sống tâm linh của con người. Việc đưa ra một định nghĩa đầy đủ và duy nhất đúng cho không phải là vấn đề đơn giản. Theo tác giả Nguyễn Đăng Duy, trong cuốn "Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam": "Tín ngưỡng nảy sinh từ thực tế cuộc sống cộng đồng con người ý thức về một dạng thần linh nào đó, rồi cộng đồng con người ấy tin theo, tôn thờ lễ bái, cầu mong cho hiện thực cuộc sống, gây thành một nếp sống xã

hội theo niềm tin tín ngưỡng thiêng liêng ấy". (trang 22, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin; 2001).

Từ điển Tiếng Việt (trang 994 - NXB Đà Nẵng, 2001) giải thích: "Tín ngưỡng là niềm tin vào một tôn giáo nào đó".

Cuộc sống lao động và quá trình đấu tranh sinh tồn của con người là nguyên nhân trực tiếp của sự ra đời các hình thức tín ngưỡng. Trong thời kỳ nguyên thuỷ, con người đã sớm nhận thấy những yếu tố như: Đất, Nước, Trời, Cây... là những yếu tố quan trọng, ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự sinh tồn của con người, từ đó sinh ra tín ngưỡng thờ Thần Đất, Thần Cây, Thần Nước... Vai trò sinh nở, nuôi dưỡng và duy trì nòi giống của người phụ nữ hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu. Trong thực tế cuộc sống gia đình, cha mẹ có công sinh thành, nuôi dưỡng con cái nên được tôn thờ khi sống cũng như khi chết, tạo thành tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên sâu rộng ở người Việt và ở các dân tộc ít người. Trước những biến động thiên nhiên, giông bão, hạn hán, lụt lội, con người không giải thích nổi và cho rằng có một lực lượng siêu nhiên nào đó chi phối, hình thành tín ngưỡng thờ thần khá sâu rộng ở người kinh và các dân tộc ít người khác...

Tín ngưỡng của người Việt phản ánh khá rõ nét những đặc trưng của một đất nước thuộc nền văn minh nông nghiệp lúa nước, thể hiện ở các

mặt: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người, lưu truyền trong dân gian từ đời này sang đời khác nên tín ngưỡng Việt Nam chỉ tồn tại dưới hình thức niềm tin mà chưa chuyển thành tôn giáo.

Trên cơ sở đó, có thể hiểu tục thờ cúng là thói quen thể hiện lòng tôn kính thần thánh, tôn thờ vật linh thiêng hoặc linh hồn người chết bằng hình thức lễ nghi cúng bái. Nó đã trở thành một nghi lễ truyền thống lâu đời trong đời sống nhân dân, được mọi người công nhận và làm theo. Như vậy, chỉ những tín ngưỡng nào đã trở thành thói quen lâu đời và được một cộng đồng người thừa nhận và duy trì mới trở thành tục thờ. Người Việt Nam có tục thờ Thành Hoàng, thờ cúng tổ tiên, thờ Thánh Mẫu, thờ Thần Nước...

CHƯƠNG I

NGHI LỄ THỜ CÚNG TRONG CUNG ĐÌNH XƯA

I. LỄ TẾ NAM GIAO

1. Nguồn gốc.

Trời, Đất, Nước... là những yếu tố thiên nhiên có sức mạnh vĩ đại trong tâm thức con người Việt Nam từ ngàn xưa, đặc biệt là quyền năng tối thượng của Trời. Điều này thể hiện rõ trong ngôn ngữ và tập quán sử dụng ngôn ngữ của người Việt. Trời phạt, Trời sinh voi sinh cỏ, có Trời làm chứng, lạy Trời, cầu Trời... Như vậy Trời được coi như một đấng toàn năng biết bảo vệ, biết phán xét và trừng phạt, có thể làm chủ vận mệnh của con người.

Đây chính là nguồn gốc của sự xuất hiện lễ tế Nam Giao. Trong lễ nghi này, việc thờ tự mang một vẻ long trọng, oai nghiêm xứng với sự cao cả

được tôn sùng, phản ánh sự thuần khiết trong niềm tin vào Trời, nói lên những tâm nguyện sâu xa của con người. Vua được coi là người đại diện và thừa uỷ của nhân dân, nhân danh mọi người phủ phục, dâng tiến, tạ ơn, cầu xin... Niềm tin vào quyền năng tối thượng của Trời là đấng cao quý nhất, thuần khiết nhất trong toàn bộ tín ngưỡng của nhân dân nên tế Nam Giao biểu lộ sự long trọng của niềm tin này.

Lễ tế Nam Giao được tổ chức ba năm một lần. Ngày giờ tổ chức do bộ lễ chỉ định, vua trực tiếp tiến hành tế lễ tại đền Nam Giao.

2. Hình thức tiến hành.

a. Đám rước.

Đám rước là đoàn hộ tống Hoàng đế đến đàn Nam Giao. Đám rước gồm 3 đạo: Tiền đạo, Trung đạo và Hậu đạo. Đi đầu mỗi đạo là một bộ tham mưu, có nhạc khí điều khiển hộ tống: Trống đại, chiêng, loa. Nhờ có các dấu hiệu này mà người ta có thể phân biệt được các đạo với nhau. Trung đạo là đạo quan trọng nhất, vì nó hộ tống nhiều xe trong đó có vua cùng hoàng thân và các đại thần. Hậu đạo ít quan trọng hơn cả.

b. Nghi thức tế.

- Vua đến ngự và rửa tay.

Trước khi đến hành nghi lễ, Vua đến nhà Đại thứ và rửa tay.

- Thiêu nghé, chôn lông và huyết.

Việc thiêu nghé, chôn lông và huyết là một hành vi tế Thần Trời, Thần Đất và các vị giáng hạ.

- Thượng hương.

Nghi thức thượng hương là phần chuẩn bị cho phần dâng hương vốn không thể thiếu trong các phần tiến hành lễ.

- Chư thần giáng lâm.

Đây là lúc các chư thần trong triều đình tiến hành nghi thức.

- Điện ngọc bạch.

Đây là phần dâng ngọc và lụa.

- Tấn trở.

Hình thức dâng các con sinh và các thức ăn. Các thức ăn khác dâng cho thần gồm lòng và huyết các con sinh đã được xếp cẩn thận ứng với từng con: dê, heo, dồi, cơm, xôi, bánh trái... tất cả được đặt từ chiều ngày hôm trước trên hai bàn trung gian của mỗi án thờ. Chúng được dâng cùng lúc với con trâu và không được đụng đến trong suốt cả buổi lễ.

- Sơ hiến tửu.

Đây là phần nghi lễ dâng rượu lần đầu. Vua rót rượu vào chén, đưa lên ngang trán và thực hành cử chỉ hiến dâng.

- Đọc chúc.

Sau khi dâng rượu lần đầu, vua đọc lời cầu nguyện.

- Phân hiến.

Đây là nghi lễ phân chia các hiến vật.

- á hiến tửu.

Nghi thức dâng rượu lần hai được tiến hành tương tự như nghi thức dâng rượu lần thứ nhất.

- Chung hiến tửu.

Nghi thức dâng rượu lần thứ ba. Đây cũng chính là lần dâng rượu cuối cùng.

- Tứ phúc tộ.

Đây là phần chia rượu thịt phúc.

- Triệt soạn và phần hoá.

Sau khi đã tiến hành mọi nghi lễ, vua và quần thần tiến hành cất cỗ bàn và đốt một phần của lễ cùng chúc văn của các vị thần.

- Vua hồi loan.

Vua về cung sau khi kết thúc buổi lễ.

II. GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

Ngày giỗ tổ Hùng Vương hay còn gọi là lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hằng năm.

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.

Giỗ tổ Hùng Vương bắt đầu từ ngày 10 tháng 3 với lễ dâng hương của vua và các chức sắc, quan lại...lễ vật gồm cỗ tam sinh, bánh chưng, bánh dày, xôi màu. Sau lễ tế thường diễn ra hội rước truyền thống với sự tham gia của nhiều làng trong vùng. Ví dụ hội rước phần làng Cổ Tích, hội rước của làng Hy Cương, rước kiệu và vong thần. Đặc biệt trong hội có lễ rước voi với ý nghĩa muôn loài quy phục vua Hùng. Các lễ rước thường được tổ chức chu đáo với đầy đủ các nghi lễ như cờ quạt, võng lọng, trống chiêng...

Ngoài lễ tế và các đám rước, hội Đền Hùng còn tổ chức nhiều trò chơi dân gian độc đáo như: cờ tướng, đấu vật, đu tiên, hát chèo... trong đó nổi bật là các cuộc thi hát xoan, vốn là một nét đẹp văn hoá của vùng đất Phú Thọ.

Lễ hội Đền Hùng và ngày giỗ tổ là một ngày lễ quan trọng bậc nhất nước ta. Ngày giỗ tổ tồn tại từ xa xưa và được duy trì cho tới tận ngày nay.

III. LỄ TỊCH ĐIỀN

- Lễ tịch điền (hay còn gọi là lễ hạ điền, lễ thần nông) theo truyền thuyết là do vua Thần Nông đặt ra để khuyến khích việc cày cấy. Vào

ngày lễ nhà vua xuống ruộng cày một vài đường để bắt đầu một mùa canh tác mới. Lễ tịch điền được tiến hành lần đầu tiên tại Việt Nam dưới thời vua Lê Đại Hành. Sau đó các đời vua Lý, Trần, Lê... đều tuân theo phép tắc cũ và tiến hành lễ tịch điền rất trọng thể.

Địa điểm làm lễ tịch điền thường là ở những mảnh ruộng tốt gần kinh thành. Sau này khi nhà Nguyễn lên ngôi thì lễ tịch điền được tiến hành tại Huế.

- Nghi thức tiến hành

Trước ngày lễ một hôm, tại cửa Tả Đoan, sau thể đình là những chiếc bàn xung quanh có phủ lụa, được thiết lập. Các quan tỉnh Thừa Thiên sắp sửa sẵn cày bừa và một thúng thóc đặt trên các thể đình rồi nhà vua được rước ra ngự lãm. Cày bừa dành cho nhà vua được rước trên long đình mang tới, sở Tịch Điền có lính tráng, cờ quạt theo hầu. Tại đây, long đình được đặt tại gần chiếc chiếu của vua gọi là đế tịch.

Sáng hôm hành lễ, chiêng trống vang lừng, quân dân sắp hàng hai bên đường, vua đi tới nơi hành lễ - đường này cờ xí rợp trời, có voi ngựa đứng hầu...

Đúng giờ Mão, nhà vua từ trong cung đi ra, đầu đội mũ cửu long, mình mặc áo vàng. Bảy phát

súng lệnh được bắn lên báo hiệu vua đã khởi hành. Tới nơi hành lễ, nhà vua rửa tay rồi bắt đầu dự lễ, tế ba tuần rượu. Tế xong, phường nhạc nổi lên và nhà vua sang nhà cụ phục để thay áo, đội một chiếc khăn, mặc một chiếc áo chiến. Sau đó nhà vua ra cày ruộng.

Nhà vua cày bằng một chiếc cày sơn vàng, tay trái cầm roi. Có 4 vị bô lão, chức sắc giúp nhà vua cày và dắt hai con bò có phủ lụa vàng. Hai vị quan đi theo sau vua, người bưng thúng thóc, người vãi thóc.

Nhà vua cày ba đường, sau đó giao cày và roi cho hai quan theo hầu là quan phủ doãn Thừa Thiên và một quan bộ hộ. Cày và roi để lên long đình. Nhà vua đến nhà quan canh để dự xem nốt buổi lễ. Các hoàng thân các quan văn võ đều phải cày. Hoàng thân cày mười đường, quan văn võ cày mười tám đường. Sau cùng là các chức sắc và bô lão sở tại ra cày.

Cày xong, nhà vua trở về Đại Nội, các dụng cụ được cất vào kho, trâu bò giao cho làng sở tại Phú Xuân trông coi thửa ruộng cho tới mùa gặt.

Theo sử chép, vua Lê Đại Hành (980 - 1005) cũng thường trực tiếp ra đồng cày ruộng và làm lễ tịch điền. Đến thời Nhà Lý (1010 - 1225), Nhà Trần (1225 - 1400), nhất là đời Nhà Nguyễn (1802

- 1945) lễ tịch điền được coi trọng và tổ chức rất long trọng. Từ sau 1945, lễ này mất dần và đến nay không còn nữa.

IV. LỄ TẾ THẦN NÔNG

Theo truyền thuyết Thần Nông là vị vua đầu tiên đã dạy dân nghề làm ruộng, chế ra cày bừa và là người đầu tiên làm lễ tịch điền. Lễ tế Thần Nông nhằm cầu mong được mùa và nghề nông phát đạt.

Lễ tế Thần Nông hằng năm được cử hành vào ngày Lập Xuân, nên còn được gọi là lễ tế Xuân.

Theo chỉ dụ của vua Minh Mạng, hằng năm sau tiết đông chí, toà Khâm Thiên giám phải lo sửa soạn việc tế Thần Nông, tra cứu theo lịch để nặn tượng cho đúng với sự ước lượng về mùa màng và tô sắc trâu.

Trước Lập Xuân hai ngày, tại gần cửa Đông Ba ngày nay, trước là cửa Chính Đông, các quan khâm thiên giám cho lập đài Hướng Đông. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đưa tới lưu tại phủ Thừa Thiên để ngày hôm sau các quan trong phủ mới rước từ phủ tới đài tế. Các quan vận lễ phục, có lính vác gươm giáo, tàn lọng, cờ quạt đi theo.

Tới đài thì một lễ đơn giản được cử hành như có ý để trình với thần linh tượng và trâu. Sau đó trâu và tượng Thần Nông lại được khiêng về kho.

Hôm tế Xuân lại được rước ra đài tế, đi rước lần này là các quan bộ lễ và các quan tỉnh Thừa Thiên khi đám rước đi qua các cung, một viên thái giám vào tâu cho vua biết. Sau đó đám rước lại tiếp tục đi và khi đi qua bộ lễ, một viên quan đánh vào đít trâu, có ý thúc cho trâu chăm chỉ làm việc.

Tới đài tế các quan làm lễ tế Thần Nông theo như nghi lễ các cuộc tế khác.

V. LỄ TẾ TRỜI ĐẤT

Lễ tế Trời Đất là một phong tục có nguồn gốc từ Trung Hoa. Ở nước ta lễ tế Trời Đất được tiến hành lần đầu tiên vào năm 1403 dưới sự chủ trì của Hồ Hán Thương. Sau đó, cứ 3 năm tổ chức một lần theo truyền thống cho đến các đời vua sau.

Vào thời Lê, đàn tế Trời Đất (đàn Nam Giao) đặt ở đông nam Ô Chợ Dừa (nay là Xã Đàn). Mỗi lần tế, người ta lại tiến hành sửa sang lại. Thời Tây Sơn các vua cho lập đàn ở núi Ba Tầng, cách núi Ngự Bình 600m. Nhà Nguyễn đắp đàn tại làng Dương Xuân (kinh thành Huế). Các nghi thức của lễ tế Trời Đất mỗi thời một khác. Theo lệ cũ thì lễ tế Trời được tiến hành vào ngày Đông Chí còn lễ tế Đất thì được tiến hành vào ngày Hạ Chí. Sau này, người ta tổ chức lễ một lần vào mùa Xuân. Lễ tế Trời Đất ngày xưa được tổ chức rất trọng thể.

VI. TỤC DÂNG SAO GIẢI HẠN.

Người Việt xưa quan niệm rằng vào một tuổi nhất định người ta thường gặp vận hạn. Đây không hoàn toàn là quan niệm mê tín, xét ở một khía cạnh khác, những năm tuổi này thường tương đương với những chu kì biến đổi về sinh học của con người. Muốn giảm nhẹ điều này và để được trường thọ, các bậc vua, chúa đều làm lễ dâng sao giải hạn vào đầu năm hoặc hằng tháng. Lễ cúng dâng sao giải hạn được thực hiện tại cung đình với sự chủ trì của các nhà chiêm tinh. Con người mỗi năm đời người ứng với một sao hạn. Có tất cả 9 sao chiếu mệnh: La Hầu, Thổ Tú, Thuỷ Diệu, Thái Bạch, Thái Dương, Vân Hớn, Kế Đô, Thái Âm, Mộc Đức. Trong đó xấu nhất với đàn ông là sao La Hầu, còn đàn bà là sao Kế Đô (ứng với các tuổi 10, 19, 28, 37, 46, 55, 64, 73, 82).

La Hầu, Thuỷ Diệu kị tháng 4, tháng 8: sức khoẻ, khẩu thiệt.

Thái Bạch kị tháng 5: hao tổn tài sản, tiền bạc.

Thái Dương tốt tháng 6, tháng 10: phát tài.

Vân Hớn kị tháng 2, tháng 8: ốm đau bệnh tật.

Kế Đô kị tháng 3, tháng 9: nhiều hung tai, buồn phiền.

Thái Âm kị tháng 9, tháng 10: đau ốm, phát điền tài.

Mộc Đức tốt tháng 10, tháng chạp: may mắn.

Phép cúng Sao

Sao La Hầu cúng ngày 8, dùng 9 ngọn đèn, lạy về hướng Bắc.

Sao Thổ Tú cúng ngày 19, dùng 5 ngọn đèn, lạy về hướng Tây.

Sao Thuỷ Diệu cúng ngày 21, dùng 7 ngọn đèn, lạy về hướng Bắc.

Sao Thái Bạch cúng ngày 15, dùng 8 ngọn đèn, lạy về hướng Tây.

Sao Thái Dương cúng ngày 27, dùng 12 ngọn đèn, lạy về hướng Đông.

Sao Vân Hớn cúng ngày 29, dùng 15 ngọn đèn, lạy về hướng Nam.

Sao Kế Đô cúng ngày 18, dùng 22 ngọn đèn, lạy về hướng Tây.

Sao Thái Âm cúng ngày 26, dùng 7 ngọn đèn lạy về hướng Tây.

Sao Mộc Đức cúng ngày 25, dùng 20 ngọn đèn, lạy về hướng Đông.

CHƯƠNG II

NGHI LỄ THỜ CÚNG TRONG SẢN XUẤT

Lễ cấp thuỷ

Lễ cấp thuỷ thường diễn ra vào tháng 2 âm lịch với mục đích xin Mẫu Thoải (thần nước) hoặc xin vua Thuỷ Tề ban nước cho nhân dân. Lễ cấp thuỷ được diễn ra đồng thời tại 4 ngôi đền: Đền Lệ, đền Đầm, đền Xâm Dương, đền Xâm Thị thuộc hai xã Vân Tảo và Ninh Sở (Thường Tín, Hà Tây). Vào ngày lễ, người ta rước kiệu xuống thuyền rồi chèo ra chỗ có dòng nước trong nhất. Tại đây vị chủ tế làm lễ cúng thần linh rồi xin nước mang về. Sau khi xong phần nghi thức, các sinh hoạt văn hoá sẽ được tiến hành như múa lân, múa rồng.

Lễ cầu ngư

Cầu ngư là một lễ hội độc đáo của cư dân miền biển tỉnh Quảng Bình. Lễ hội này được tiến

hành từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 4 âm lịch tại xã Bảo Ninh, thị xã Đồng Hới. Tại xã Bảo Ninh có một ngôi đền linh thiêng thờ hai nhân thần và cá Ông Voi. Mở đầu lễ cầu ngư, người ta rước cốt Đức Ông từ làng về đình, trong khi rước cốt có thể diễn ra các trò hò khoan, chèo cạn, múa bông...Sang ngày hôm sau người ta tổ chức ngày hội xuống biển với các nghi lễ như thả thuyền giấy, thả cá giống... Mục đích của lễ cầu ngư là xin thần linh để dân làng có một mùa cá bội thu.

Lễ cầu đảo

Lễ cầu đảo là một tục lệ đặc sắc của đồng bào dân tộc Chăm được tiến hành vào dịp bị hạn hán đe doạ. Dân làng đóng góp để tổ chức một ngày lễ thật long trọng. Trong rất nhiều lễ vật đặc biệt con trâu trắng dùng để tế thần. Người ta chôn một cái cột vào giữa cái sân rộng rồi trang trí lên cột những hoa văn sặc sỡ hoặc những lá cờ xanh đỏ. Sau đó con trâu trắng được buộc chặt để chờ hành lễ. Khi tế lễ sẽ có một thầy mo cầm kiếm nhảy múa theo nhịp trống pômdnon. Vừa nhảy vòng quanh con trâu, thầy mo vừa cầu xin thần linh ban mưa xuống. Sau khi lễ xong người ta đưa con trâu trắng đi giết thịt để chia cho dân làng.

Lễ cầu mưa

Hằng năm, vào những ngày nắng hạn, người dân tỉnh Long An và một số tỉnh phụ cận thường tổ chức lễ cầu mưa, lễ tế Trời Đất, thần linh. Lễ cầu mưa được bắt đầu bằng các nghi thức cúng lễ và sau đó là cuộc đua ghe trên sông rạch. Đua ghe là một hình thức thể hiện lễ cầu mưa. Ghe đua được làm từ những cây tre già, thân ghe thuôn dài và được trang trí đẹp mắt, mỗi ghe đủ chỗ cho 20 - 25 tay chèo. Người ta có thể tổ chức đua ghe trong một làng hay trong phạm vi nhiều làng. Những cuộc đua ghe ở đây thường lôi cuốn hàng nghìn người tham gia và cổ vũ. Sau khi kết thúc cuộc đua người dân cùng nhau trở về đình làng để cúng tạ thần linh sau đó mới tổ chức vui chơi, ăn uống, múa hát...

Lễ ăn cơm mới

Lễ ăn cơm mới là một hình thức tế lễ diễn ra ở nhiều vùng với nhiều hình thức và tên gọi khác nhau.

a. Lễ ăn cơm mới của người dân tộc Ba Na đang sinh sống ở Gia Lai và Kon Tum được tổ chức ngay sau vụ thu hoạch để tạ ơn thần linh đã cho họ một vụ mùa bội thu và cầu mong cho ruộng vườn ngày càng có thêm nhiều lúa, ngô,

khoai. Người dân nơi đây thường dùng lợn gà để cúng lễ thần lúa rồi mới đem lúa để nấu ăn hoặc mang đi biếu. Ngày nay lễ ăn cơm mới được tổ chức thường xuyên nhưng theo hình thức gọn nhẹ hơn.

b. Tết cơm mới là một ngày lễ độc đáo của người Việt, được tổ chức sau khi bắt đầu vụ thu hoạch lúa mùa. Tết cơm mới còn được gọi là tết Thường Tân. Trong dịp này, các gia đình nông dân đem lúa mới vừa gặt về, giã sạch rồi thổi cơm cúng gia tiên, ông bà và đó cũng là thủ tục để bắt đầu ăn cơm mới. Nhân dịp tết này, con cháu thường đem gạo và các sản vật khác biếu ông bà để tỏ lòng kính trọng.

c. Tương tự như người Việt, đồng bào Mường cũng tổ chức lễ cơm mới như một sinh hoạt có tính chất truyền thống. Vụ mùa là vụ chính của người Mường nên lễ cơm mới được tiến hành khi vụ lúa mùa đã được thu hoạch. Trong dịp lễ này người ta thường chọn ra những hạt gạo mẩy nhất, thơm nhất để thổi cơm cúng ông bà, cúng vía lúa... So với tết cơm mới của người Việt thì lễ cơm mới của người Mường được tổ chức long trọng và quy mô hơn. Sau khi cúng lễ, người ta chia cho trâu bò, lợn gà để chúng cùng hưởng và để thể hiện lòng biết ơn công sức của chúng. Thông thường người Mường

hay chọn vài ba cây lúa tốt, nhiều hạt rồi đào cả gốc đem về treo ở cạnh bếp để giữ vía lúa.

d. Người La Hủ (Lai Châu) tổ chức tết cơm mới vào tháng 10, tháng 11 hằng năm. Trong dịp này người dân kiêng đi lấy rau, lấy củi, chặt cây, nhổ cỏ trong vòng 3 ngày để cầu mong lúa ngô tươi tốt. Tết cơm mới còn được kết hợp với các sinh hoạt văn hoá như múa xoè, thổi khèn sáo, đánh trống. Ngày tết cơm mới của đồng bào La Hủ thực sự trở thành những ngày hội màu sắc, âm thanh...

e. Tết mừng lúa mới của đồng bào dân tộc Mơ Nông được tiến hành vào đầu mùa thu hoạch lúa. Để chuẩn bị cho tết mừng lúa mới, người Mơ Nông tiến hành từ những ngày đầu mới tra hạt. Các đồ dùng của lễ tế như rượu cần, gà, vịt đều sẵn sàng chờ đến cuối tháng 7 đầu tháng 8 thì bắt đầu ăn tết. Tết mừng lúa mới được tiến hành ngay tại rẫy lúa với việc dùng các nghi lễ cắt nắm lúa mang về nhà để tượng trưng cho việc "rước lúa về nhà". Về đến nhà, người ta chúc tụng lẫn nhau và quây quần bên đống lửa để cùng ăn tết. Sau khi ăn uống nghỉ ngơi, mới lên rẫy gặt lúa. Khi thu hoạch xong người ta sửa soạn một bữa ăn nhỏ để cảm ơn mọi người, cảm ơn trâu bò đã giúp con người làm ra hạt lúa.

Lễ tế cá Ông Voi

Lễ tế cá Ông Voi là sinh hoạt văn hoá truyền thống của cư dân ở vùng biển Thanh - Nghệ - Tĩnh. Tương truyền, cá Ông Voi là cứu tinh của những người đi biển nên được thờ cúng. Mỗi khi cá Ông Voi bị nạn dạt vào bờ thì dân làng phải hậu táng, người đầu tiên gặp cá Ông Voi sẽ phải chít khăn đỏ trong 100 ngày.

Tang lễ cá Ông Voi cũng diễn ra như tang lễ con người. Hằng năm nhân dân ở trong vùng lấy ngày thứ 2 (tính từ ngày chôn cá Ông Voi) để bắt đầu chính lễ. Người ta thường tổ chức lễ tế theo nghi thức trọng thể. Sau lễ tế là các trò chơi, các sinh hoạt văn hoá quần chúng, tiêu biểu nhất là bơi trải và đua thuyền.

Tục giết sâu bọ

Theo quan niệm người xưa, trong cơ thể con người tồn tại một số loài sâu bệnh cần phải trừ khử do đó người ta tổ chức giết sâu bọ vào ngày mồng 5 tháng 5 là ngày chúng xuất hiện. Ngay trong sớm mồng 5, khi mới ngủ dậy, người ta sẽ ăn hoa quả hoặc cơm rượu (rượu nếp) để tiêu diệt sâu bệnh. Điều này có thể không có cơ sở khoa học song tập tục này đã trở thành tập quán lâu đời.

Lễ tổ nghề kim hoàn

Lễ giỗ tổ nghề kim hoàn là một tục lệ độc dáo của người dân làm nghề kim hoàn ở Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Nam Bộ. Lễ giỗ tổ diễn ra vào ngày 7 - 9 tháng 2 âm lịch. Người ta tiến hành làm lễ với hai nghi thức chủ yếu: 2 ngày đầu là tế giỗ còn ngày cuối tế các bậc tiên hiền, hậu hiền. Lễ vật được sử dụng để cúng lễ là lợn, vịt, hoa quả, bánh trái, hương đèn... Ngày giỗ tổ là dịp để những người làm nghề kim hoàn tụ họp, dâng hương tế tổ và trao đổi kinh nghiệm làm ăn. Cũng như các hội làng khác, giỗ tổ nghề kim hoàn là một tập tục đẹp được duy trì cho tới ngày nay.

Lễ nghinh ông

Lễ nghinh ông là một tục lệ truyền thống của những người dân sống vùng ven biển. Lễ Nghinh ông được tổ chức nhằm tạ ơn cá Ông Voi đã cứu giúp ngư dân qua những hoạn nạn giữa biển cả. Lễ được tổ chức tại nhiều vùng nước ta.

- Ở Quảng Ngãi, người dân tổ chức lễ nghinh ông tại các miếu thờ cá Ông Voi với các nghi lễ cúng bái nghiêm túc. Vào đúng ngày lễ, miếu thờ được trang hoàng long trọng, rực rỡ. Trong các nhà dân, người ta cũng sắp đặt bàn thờ và sửa soạn các

đồ tế lễ. Trong quá trình làm lễ, tất cả thuyền bè trong làng đều đậu ở bến. Sau khi làm lễ xong mới bắt đầu ra khơi.

- Ở Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) người dân tổ chức lễ nghinh ông vào ngày 16 tháng 8 âm lịch hằng năm. Vào ngày lễ, người ta trang hoàng miếu thờ, bài trí thuyền rất đẹp, sau đó tiến hành các nghi lễ. Sau khi tiến hành xong nghi thức, người ta còn tổ chức các trò chơi dân gian như kéo dây, đi cà kheo.

- Ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, lễ nghinh ông được tổ chức tại Lăng cá Ông Voi ở đường Hoàng Hoa Thám, thành phố Vũng Tàu. Tương truyền, ngày chính hội là ngày 16 tháng 8 âm lịch được coi là ngày mất của cá Ông Voi. Lễ diễn ra trong 3 ngày với các nghi thức cúng tế và các trò chơi đặc trưng của vùng.

Hội làng nghề Bát Tràng

Làng Bát Tràng thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đây là một làng nghề thủ công truyền thống. Tại đình làng Bát Tràng, người dân thờ cúng các vị Thành Hoàng quan trọng của làng như: Cao Ô Minh Chính Tự Đại Nước, Phan Đại Tướng, Thần Hồ Quốc, Thần Bạch Mã.

Hội làng Bát Tràng được tổ chức từ ngày 15 đến ngày 22 tháng 2 âm lịch để tưởng nhớ công lao của các vị thần linh.

Từ ngày 5 tháng 2 âm lịch, dân làng tổ chức lễ rước Nước từ giữa sông Hồng về sân đình để làm lễ mộc dục cho các bài vị được đặt ở ngôi miếu ven sông rồi rước bài vị về sân đình. Sau đó các họ lớn ở trong làng cũng rước bát hương của tổ tiên ra đình để phối hưởng.

Người ta cúng Thành Hoàng bằng một con trâu lớn đã được thui chín cùng với 5 mâm cỗ, 5 mâm xôi. Sau khi tế, lễ vật được chia cho mọi người tuỳ theo vai vế, tuổi tác. Sau khi tiến hành xong các lễ bài vị được rước về lại ngôi miếu ven sông và rước tổ tiên về nhà thờ họ.

Thờ Thiên Cương

Đồng Kỵ là làng nghề thủ công làm pháo nổi tiếng ở nước ta. Làng Đồng Kỵ thuộc xã Đồng Quang huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đây là một lễ hội pháo lớn nhất ở nước ta.

Để chuẩn bị cho nghi lễ và hội pháo, người ta tiến hành từ ngay sau tết với một số công việc như làm pháo thờ, làm lễ tạ Thiên Cương... Đến ngày chính hội, vào sáng ngày mồng 4 tết, người dân rước pháo về đình làng theo thứ tự từ lớn đến

bé. Đến quá trưa, người ta tổ chức châm lửa cho pháo và chọn ra tiếng nổ to nhất, an toàn nhất và trao giải. Kết hợp với thi pháo, hội làng còn tổ chức các trò chơi như đấu vật, đánh cờ, chơi đu và đặc biệt là hội thi bánh dày.

Tục đốt pháo vào dịp lễ, tết đã được bãi bỏ. Ngày nay hội pháo Đồng Kỵ không còn tổ chức nữa.

Hội làm nghề đồng sắt

Vùng đất thuộc xã Đức Thắng, Hiệp Hoà, Bắc Giang có một ngôi đền thờ Khổng Minh theo tương truyền là ông tổ của nghề đồng, sắt. Chính vì thế, hằng năm vào khoảng thượng tuần tháng 9 âm lịch người dân nơi đây lại mở hội để tưởng nhớ đến vị tổ sư. Hội này còn được gọi là Hội Thắng, ngoài dân làng tham gia vào lễ hội, hội còn thu hút người cùng làm nghề đồng sắt tham gia.

Vào ngày chính hội 7 - 9, trước hết người dân tổ chức rước tượng Khổng Minh từ nơi thờ tự ra quán Thái Bái và cử hành các nghi thức cúng tế tại đây. Sau cuộc tế là các trò vui chơi và các cuộc triển lãm sản vật, đồ gia dụng làm bằng đồng, sắt có chất lượng cao. Vì thế đây còn được coi là hội chợ của người làm nghề đồng sắt.

Lễ cúng biển ở Mỹ Long

Lễ cúng biển ở Mỹ Long (Sóc Trăng) được tổ chức từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 5 âm lịch tại miếu Bà Chúa Xứ. Đây là nghi lễ truyền thống của ngư dân vùng biển.

Trong ngày lễ, người ta thường tổ chức với nhiều nghi thức quan trọng như: lễ Nghinh ông Nam Hải, lễ rước Bà Chúa Xứ, lễ rước cậu, lễ Nghinh ông Cá Voi, lễ tế Thần Nông... Các lễ rước được tiến hành rất long trọng. Trong quá trình tổ chức lễ hội, người dân có thể tham gia vào các trò chơi như nhảy cao, kéo cờ, bắt cá, đua thuyền. Cuối cùng, để kết thúc lễ hội, người ta đưa tàu, thuyền ra biển, bắt đầu một vụ đánh bắt mới.

Lễ cúng Trăng

Người Khơ Me ở Nam Bộ có một tục lệ rất độc đáo, đó là lễ cúng Trăng (lễ Ok Om Bok). Theo quan niệm của người Khơ Me thì Mặt Trăng là vị thần bảo vệ mùa màng, bảo vệ đồng áng giúp con người được ấm no hạnh phúc. Lễ cúng Trăng được tổ chức vào ngày rằm tháng 10 (âm lịch) để tạ ơn thần Mặt Trăng, đã cho mùa màng tốt tươi, sông ngòi nhiều tôm cá. Để tiến hành nghi thức, người ta sửa soạn cỗ bàn, bày ra giữa sân nhà, chờ cho trăng lên thì làm lễ.

Cỗ cúng Trăng gồm có cốm giã dẹt, chuối chín, dừa tươi gọt vỏ, sắn... Người ta làm lễ cúng Trăng khi ánh trăng đã toả sáng. Cùng với lễ cúng, người ta thả những chiếc đèn giấy lên trời, những chiếc bè chuối có bày lễ vật trôi theo kênh rạch nhằm xua đuổi bóng tối và sự ẩm ướt. Trong ngày hội cúng Trăng, người Khơ Me tổ chức rất nhiều trò chơi nhưng độc đáo nhất là trò đua ghe độc mộc (Ngo).

Hội làng nghề đúc đồng

Nghề đúc đồng ở nước ta có mặt ở nhiều vùng trong đó làng Vó (tức làng Quảng Bồ, xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, Bắc Ninh) là một làng đúc đồng nổi tiếng. Hằng năm vào ngày mồng 5 tháng giêng âm lịch, làng mở hội trong 4 ngày để tưởng nhớ công ơn của nghệ sư nghề đúc đồng là ông Nguyễn Công Nghệ. Trong ngày hội, người ta tổ chức các nghi lễ cúng tế trọng thể. Phần lớn thời gian của lễ hội là dành cho các sinh hoạt vui chơi như: thi chọi gà, bơi thuyền, bắt vịt, tổ tôm, múa sư tử...

Hội xuống biển

Hằng năm vào ngày 4 tháng giêng âm lịch, ngư dân làng biển Trân Châu (Hải Phòng) thường tổ chức lễ hội xuống biển.

Vào ngày hội, người dân ở đây làm lễ tế Thuỷ Thần, tế Long Vương với các nghi lễ trang nghiêm và long trọng. Sau khi làm lễ tế, người ta tiến hành cuộc thi bắt cá cúng thần. Sau khi có lệnh, các trai tráng trong vùng chạy ra thuyền rồi chèo tới nơi quy định để đánh cá. Đến trưa, khi có hiệu lệnh thu quân thì các thuyền sẽ về trình cá. Người ta cử ra ban giám khảo để chấm cá, con cá ngon nhất, to nhất sẽ được dùng để tế thần, sau đó người ta chia cá cho mọi người.

Hội lễ Bà Thiên Hậu

Bà Thiên Hậu theo truyền thuyết có nguồn gốc tại tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc). Bà sống vào đời Tống, có tài tiên đoán gió mưa, bão lụt nên đã giúp cho người dân (nhất là ngư dân) tránh được nhiều cơn nguy hiểm. Vì vậy, bà được tôn thờ như một vị thánh. Sau này những người Hoa di cư sang Việt Nam đã lập đền thờ bà tại thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Lễ hội chùa Bà Thiên Hậu diễn ra vào ngày rằm tháng giêng hằng năm. Trong hội, có lễ rước kiệu bà, lễ cầu phúc, cầu lộc cùng với các trò chơi dân gian đặc trưng cho phong cách văn hoá độc đáo của khu vực Đông Nam Bộ.

Người ta tiến hành lễ hội chùa Bà còn nhằm mục đích cầu cho mưa thuận gió hoà, cầu cho mùa màng tươi tốt, tránh khỏi thiên tai địch hoạ.

Hội Đền Bia

Đền Bia được dân làng Phú Lộc, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xây dựng để thờ danh y Tuệ Tĩnh. Hằng năm, vào khoảng sau Tết Nguyên đán dân làng ở đây mở hội lễ để tưởng nhớ công đức của ông. Hội Đền Bia gồm có các nghi lễ cúng tế theo truyền thống và các sinh hoạt mang tính y học, dược học, giới thiệu các bài thuốc dân gian, thuốc gia truyền, đồng thời phổ biến kinh nghiệm trồng cây thuốc Nam trong gia đình.

Hội đền biển Dinh Cố

Đền Dinh Cố là một ngôi đền nằm trên bờ biển Long Hải, huyện Long Đất (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Ngôi đền thờ một cô gái rất tốt bụng không may bị nạn trên biển. Hội đền biển Dinh Cố được người dân Long Hải tổ chức vào ba ngày 10 - 11 - 12 tháng 2 âm lịch. Vào ngày lễ, các bậc cao niên làm chủ lễ và tiến hành những nghi lễ cúng tế long trọng để cầu mong cho mưa thuận gió hoà, dân chúng bình yên, cầu cho những chuyến đi biển an lành, một mùa cá bội thu. Sau khi tiến hành xong phần tế lễ, dân làng dùng thuyền kết hoa lộng lẫy để làm

thuyền Nghinh Ông ra biển. Lễ dền biển Dinh Cố được tổ chức khá long trọng nên đã thu hút được sự tham gia của đông đảo du khách. Sau ngày lễ hội, tàu thuyền trong làng sẽ chuẩn bị sẵn sàng cho những chuyến ra khơi.

Hội Nghề bói toán

Làng Bằng Lục (còn gọi là làng Chục) thuộc xã Thuỵ Hoà, Yên Phong, Bắc Ninh, hằng năm thường tổ chức một lễ hội đặc biệt để tưởng nhớ tới vị tổ sư của nghề bói toán. Hội làng được tổ chức vào ngày mồng 9 tháng giêng âm lịch. Vào đúng ngày lễ, những người làm nghề bói toán ở các nơi thường tập hợp về đây để dâng lễ vật, tưởng nhớ tới công ơn của vị tổ sư. Sau khi tiến hành cúng tế, những người xem bói thường trao đổi, bàn luận với nhau về nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm làm ăn.

Hội làng tranh Đông Hồ

Làng tranh Đông Hồ thuộc huyện Thuận Thành - Bắc Ninh là một làng rất nổi tiếng về nghề làm tranh dân gian - làng Đông Hồ.

Tranh Đông Hồ xưa nay là một sản phẩm không thể thiếu trong việc trang trí cho các ngày lễ

tết, hội hè. Ngày nay, tranh Đông Hồ không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn trở thành một mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao.

Hội làng Đông Hồ được tổ chức từ ngày mồng 4 đến mồng 7 tháng giêng âm lịch tại đình làng. Đây là ngày hội giới thiệu các tranh dân gian. Những sáng tác của các nghệ nhân trong làng. Lễ hội đồng thời còn là nơi các nghệ nhân giao lưu trao đổi kinh nghiệm và cũng là dịp để các thế hệ sau nhớ về truyền thống của cha ông.

Chọi Trâu ở Đồ Sơn

Việt Nam là một nước nông nghiệp lúa nước truyền thống. Trong sản xuất nông nghiệp, con trâu đóng vai trò không thể thiếu. Chính vì thế, hội chọi trâu bắt nguồn từ chính nền văn minh nông nghiệp lúa nước này.

Hội chọi trâu Đồ Sơn được tổ chức vào thượng tuần tháng tám âm lịch hằng năm. Hội có sự góp mặt của 14 giáp thuộc 3 làng là Đồ Sơn, Đồ Hải và Ngọc Xuyên. Người ta chuẩn bị cho ngày hội từ rất sớm và tổ chức các cuộc đấu loại từ những ngày đầu tháng tám, đến ngày mồng 9 tháng tám sẽ tổ chức cuộc đấu quyết định. Thông thường Trâu chọi được chuẩn bị kỹ lưỡng từ việc chọn giống đến chăm sóc. Khi đến ngày hội chính,

chọn ra 6 con trâu khoẻ mạnh nhất cho đấu từng cặp với nhau. Trước khi đấu, người ta tổ chức cúng thần linh và dâng lễ vật đầy đủ rồi mới bắt đầu vào cuộc đấu. Cuộc thi sẽ chọn ra 3 con trâu theo thứ tự nhất, nhì, ba và chủ trâu thắng cuộc được thưởng xứng đáng.

Lễ tống phong

Lễ tống phong là một tục lệ phổ biến của đồng bào người việt ở tỉnh Long An và một số vùng lân cận. Lễ tống phong nhằm mục đích đuổi những ngọn gió độc để bảo vệ sức khoẻ theo quan niệm của người dân, gió độc là nguyên nhân của mọi loại bệnh tật vì vậy việc đuổi gió độc sẽ giúp con người được khoẻ mạnh bình an.

Để làm lễ tống phong, người ta lấy thân cây chuối ghép thành một chiếc bè, trên bè có hình nộm, có lễ vật và có cả lá bùa của thầy phù thuỷ, khi chuẩn bị xong, bốn thanh niên khiêng bè theo thầy phù thuỷ ra sông rạch. Sau đó họ thả bè xuống nước với ý nghĩa để nước cuốn trôi đi các bệnh dịch.

Lễ đâm trâu

Là lễ hội văn hoá đặc sắc của dân tộc Tây Nguyên, có vai trò quan trọng và phổ biến nhất

trong sinh hoạt văn hoá của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên. Lễ đâm trâu không diễn ra định kì mà nó diễn ra trong những dịp đặc biệt, tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể mà lễ đâm trâu được tổ chức trong khoảng thời gian và không gian khác nhau như: mừng năm mới, mừng chiến thắng, mừng được mùa, mừng khánh thành nhà rông, trừ bỏ điềm xấu...Lễ cúng có thể chỉ do một gia đình đứng ra và tiến hành để tạ thần và toàn bộ cộng đồng cùng tham gia. Trong ngày này, sau lễ đâm trâu người ta thường tổ chức nhiều loại hình sinh hoạt như ăn uống, nhảy múa, ca hát, kịch, kể chuyện sự tích...

Hội đua thuyền Cát Hải

Hội đua thuyền Cát Hải được tổ chức ngày mồng 1 tháng 4 âm lịch để kỉ niệm ngày Hồ Chí Minh về thăm làng cá và cũng là kỉ niệm ngày truyền thống ngành thuỷ sản nước ta. Trong ngày hội dân làng Cát Hải, huyện Cát Hải, Hải Phòng tổ chức nhiều cuộc đua thuyền ngoạn mục với nhiều thể loại. Đây là dịp tranh tài, tranh sức của các tay chèo giỏi từ mọi miền. Đặc biệt nhất và quy mô nhất là cuộc đua thuyền rồng truyền thống, cuộc đua đã thu hút hàng ngàn người tham gia và cổ vũ.

CHƯƠNG III

NGHI LỄ THỜ CÚNG TRONG ĐỜI SỐNG SINH HOẠT

A. THỜ CÚNG TRONG GIA ĐÌNH

I. THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Việt Nam là một dân tộc lấy đạo hiếu làm đầu và trọng ân nghĩa. Trong quan niệm của dân gian thì thế giới người sống và thế giới người chết có một mối liên hệ vô hình. Việc thờ cúng là con đường thiết lập sự liên lạc giữa hai thế giới này. Người Việt Nam quan niệm chết chưa phải là đã kết thúc, cái chết chỉ chấm dứt phần hoạt động của thể xác còn linh hồn người chết thì luôn hiện hữu và có liên quan với các thành viên trong gia đình. Chính vì thế người Việt Nam lập bàn thờ để cúng lễ tổ tiên làm nơi trú ngụ cho linh hồn người chết đồng thời cũng cầu mong sự phù hộ bảo trợ của người chết cho con cháu. Trong việc thờ cúng tổ tiên, người Việt Nam quan niệm trần sao âm vậy,

theo đó mà nghi lễ và đồ lễ thờ cúng được chuẩn bị giống như các hình thức mô phỏng đồ dùng của người sống.

Việc thắp hương thờ cúng được tiến hành nhiều ngày trong năm: ngày sóc, vọng, ngày giỗ, ngày tết... với một số hình thức cơ bản sau.

- Cáo gia tiên.

Việc cúng bái tổ tiên trong gia đình bao giờ cũng do gia trưởng đứng đầu, mỗi lần cúng lễ đều phải chuẩn bị đồ lễ.

Đồ lễ thường gồm trầu rượu, hoa quả, hương vàng và nước lạnh, nhưng trong trường hợp đột xuất, vội có thể giảm xuống mức tối thiểu và chỉ cần một chén rượu là đủ, một nén hương thắp trên bàn thờ. Ngoài những đồ lễ tối thiểu này thì tuỳ mức độ giàu nghèo của các gia đình có thể chuẩn bị nhiều các đồ lễ khác như: xôi chè, oản chuối, hoặc cỗ mặn, hàng mã... Đồ lễ được đặt trên bàn thờ, chuẩn bị cho gia trưởng làm lễ.

Việc thắp hương trên bàn thờ bao giờ cũng thắp theo số lẻ: 1, 3, 5, 7...

Sau khi gia trưởng khấn lễ xong mọi người khác trong gia đình lần lượt tới lễ trước bàn thờ bốn lễ rưỡi. Ngày nay, người ta lấy vái thay lễ, trước khi khấn, người ta vái ba vái ngắn, khấn xong vái thêm bốn vái dài và ba vái ngắn nữa thay cho bốn lễ rưỡi.

- **Lễ Tạ.**

Sau khi mọi người đã lễ vái xong, chờ cho tàn một nửa tuần hương tức là những nén hương thắp lên đã cháy gần hết, gia trưởng tới trước bàn thờ lễ tạ. Gia trưởng thắp thêm mấy nén hương nữa. Lễ tạ xong gia trưởng lấy vàng mã trên bàn thờ đem đốt.

Lễ tạ nghĩa là tạ ơn gia tiên đã chứng giám lòng thành kính của con cháu và thụ hưởng những lễ do con cháu dâng lên. Con cháu cần phải lễ tạ, vì với việc cáo gia tiên, gia tiên đã phải về nhận lễ, tức là con cháu đã làm phiền gia tiên phải bỏ những việc khác để về chứng kiến việc cúng lễ này.

- **Thờ cúng trong ngày giỗ.**

Trong việc thờ cúng tổ tiên điều quan trọng nhất là con cháu hằng năm làm giỗ.

Người chết sau khi được an táng theo đúng phong tục, con cháu sau đó có thể trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng hằng năm khi đến ngày người chết qua đời, con cháu phải nhớ ngày để làm giỗ. Trong ngày giỗ, người ta làm cỗ bàn mời họ hàng thân thuộc. Ngày giỗ là một dịp để gia chủ mời lại những người đã từng mời mình đi ăn uống, người ta thường gọi là trả nợ miệng.

Trong việc làm giỗ, đáng chú ý là ngày cáo giỗ (ngày trước ngày người chết mất) và ngày giỗ

chính (chính ngày mất). Giỗ được tiến hành mỗi năm một lần song quan trọng nhất là giỗ đầu và giỗ hết.

Giỗ đầu

Ngày giỗ đầu còn được gọi là ngày tiểu tường là ngày giỗ đầu tiên sau ngày người chết một năm. Đây là một trong hai ngày giỗ thuộc kỳ tang. Những kỷ niệm về người dã mất vẫn đang rất sâu đậm trong tâm khảm những người còn sống. Thời gian một năm chưa đủ để làm khuây khoả mọi nỗi đau buồn, chưa đủ để hàn gắn vết thương trong lòng những người thân. Bởi vậy, vào ngày giỗ đầu người ta thường tổ chức trang nghiêm, con cháu đều vận tang phục, khi tế lễ cũng khóc như ngày đưa ma. Trong ngày tiểu tường, con cháu lại mặc những quần áo xô gai mũ gậy trong đám tang để lễ và đáp lễ khách khứa tới ăn giỗ lễ trước bàn thờ cha mẹ mình.

Người ta thường mua sắm rất nhiều đồ vàng mã, giấy, áo quần, nhà cửa... và có cả hình nhân. Theo họ, hình nhân bằng giấy đốt xuống cõi âm sẽ hoá thành người hầu hạ vong linh nơi âm giới. Từ rất cổ xưa, tục lệ đốt hình nhân này đã trở nên phổ biến. Theo một số hủ tục xa xưa khi chồng chết thì vợ cả, vợ lẽ đều tự sát ngay ở mộ. Những người đày tớ trong nhà cũng bị chôn theo. Về sau, người ta nghĩ tới cách lấy hình nhân để thế mạng. Sau buổi giỗ,

họ dem những đồ hàng mã ra ngoài mộ để đốt. Những đồ hàng mã đốt trong ngày giỗ đầu được gọi là "mã biếu". Người ta nghĩ rằng, để tránh sự quấy nhiễu người được giỗ phải mang những đồ mã này đi biếu các ác thần.

Ngày nay, nhiều người không tin rằng đốt vàng mã thì người âm sẽ nhận được nhưng họ vẫn làm theo tục lệ bởi nếu không làm e mang tội. Tin rằng có một thế giới khác của người âm, làm vơi đi nỗi xót xa của con người ở nơi trần thế và họ có điều kiện báo ân với người đã khuất.

Giỗ hết

Ngày giỗ hết còn gọi là ngày đại tường, là ngày giỗ sau khi người chết qua đời 2 năm.

Về thủ tục, giỗ hết gần giống với giỗ đầu. Trong ngày giỗ hết con cháu cũng vận tang phục xô gai để cúng và đáp lễ khách khứa lần cuối cùng. Sau ngày giỗ này, người nhà chọn một ngày tốt nhất để làm lễ trừ phục tức là lễ bỏ tang, người ta đem đốt hết những áo quần tang, gậy chống, mũ rơm, khăn xô... Lễ trừ phục xong, người đang sống trở lại cuộc sống thường nhật, nghĩa là họ có thể tham gia các tổ chức hội hè, đình đám và chỉ sau giỗ hết, theo quan niệm xưa, người vợ mới có thể đi bước nữa (nếu là người chồng bị mất).

Vàng mã được đốt cho người đã khuất trong ngày giỗ hết nhiều hơn ngày giỗ đầu. Người ta

thường cúng lễ và đốt mã ở ngay tại mộ người khuất. Có gia đình mời tăng ni tới cúng và tụng kinh niệm phật trước khi đốt mã.

Ngày giỗ hết thường làm cỗ bàn linh đình hơn ngày giỗ đầu. Con cháu nghĩ rằng, từ ngày mất đến nay hương hồn người đã khuất còn phảng phất trong nhà, nhưng sau lễ trừ phục, người khuất sẽ về thăm con cháu ít hơn, vì thế sửa soạn lễ thật thịnh soạn để dâng lên vong hồn người đã khuất. Có quan niệm ngày giỗ hết là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả những ngày giỗ đối với người qua đời. Bởi đó là ngày đánh dấu bước ngoặt trong cuộc sống của người còn sống cũng như đối với vong linh người đã khuất.

Giỗ thường

Ngày giỗ thường còn gọi là ngày cát ky, là ngày giỗ người quá cố từ năm thứ ba trở đi. Cát kị có nghĩa là ngày giỗ lành. Qua giỗ đầu, người chết còn nằm dưới huyệt hung táng, là táng lúc đầu tiên. Sau ngày giỗ hết con cháu làm lễ cải cát, sang mộ cho người quá cố. Người ta nhặt hài cốt của người chết sang tiểu nhỏ bằng sành, hình giống chiếc áo quan nhỏ đủ chứa hài cốt người chết để táng ở nơi khác. Việc táng này gọi là cát táng. Mặt khác ngày cát táng là ngày vui của con cháu nội, ngoại, là dịp để tề tựu, họp mặt đông đủ chính là điều tốt đẹp.

Người ta tin rằng, vong hồn người đã khuất trong thời gian hung táng hay bị trùng quỷ sách nhiễu nên trong nhà thường lục đục. Chỉ sau khi đã cát táng, người chết mới không bị trùng quỷ sách nhiễu nữa.

Ngày giỗ thường của người quá cố được duy trì đến hết năm đời. Họ cho rằng sau năm đời, vong linh người quá cố được siêu thoát hoặc đầu thai trở lại nên không cần phải cúng giỗ nữa. Tuỳ theo phong tục của từng địa phương, từng vùng và từng gia cảnh mà việc tổ chức ngày giỗ có sự khác nhau. Nhưng quan trọng hơn là con cháu còn tưởng nhớ đến người đã khuất, thể hiện lòng thành kính đến vong linh tổ tiên.

Cúng giỗ là nét đẹp trong đạo lý làm người của truyền thống văn hoá Việt Nam, thể hiện lòng "nhân" đạo "hiếu" của những người trần thế. Đó cũng là hành vi tín ngưỡng phổ biến trong sinh hoạt văn hoá của người Việt. Về cơ bản, ngày nay những ngày giỗ trên vẫn được duy trì, song có một số hủ tục bị xem là lạc hậu thì người ta đã bãi bỏ.

Gửi giỗ

Người đã mất có thể rất nhiều con cháu, nhưng theo tục lệ, chỉ cúng giỗ tại nhà con trai trưởng. Nếu con trai trưởng đã mất thì làm giỗ tại nhà cháu đích tôn. Đến ngày giỗ, con cháu tề tựu ở nhà con trai trưởng để làm giỗ. Nếu giỗ một người

vào hàng cao tăng tức cụ kỵ thì con cái, cháu chắt đến nhà người trưởng tộc để làm giỗ.

Tuỳ thuộc vào hoàn cảnh mỗi gia đình và mối quan hệ giữa người sống và người chết mà lễ gửi giỗ trọng hay mọn. Thông thường, con cháu là người đóng góp nhiều nhất để làm giỗ. Để giảm bớt gánh nặng về chi phí cho người trưởng chi, trưởng họ, con cháu hay gửi giỗ bằng tiền, cùng với những đồ lễ có giá trị: Thúng gạo, con lợn, gà... Một người cháu có thể gửi một vài cân hoa quả hay một bó hoa cùng vàng hương để cúng ông, bà, cô, chú... Một tằng tôn, huyền tôn gửi giỗ có thể chỉ là thẻ hương ngàn vàng. Có người nhớ đến sở thích của người chết mà gửi giỗ. Khi còn sống người đó thích uống trà mạn thì con cháu sẽ gửi vài lạng trà mạn thật ngon để dâng cúng. Những người ở xa không về dự giỗ được thì họ mua đồ lễ gửi người trưởng tộc. Đến ngày giỗ họ làm lễ cúng vọng mời ông bà, cha mẹ về hưởng giỗ.

Trong tục thờ cúng tổ tiên thì cúng giỗ là quan trọng nhất. Cúng giỗ thể hiện đạo hiếu, thể hiện tấm lòng thuỷ chung thương tiếc của người đang sống với người đã mất. Có những người mặc dù đã cúng vọng nhưng họ vẫn áy náy khi không về dự giỗ được. Những đồ lễ được gửi đến làm giỗ, người trưởng tộc đem cúng hết trong ngày giỗ. Khi

ăn giỗ về, các con cháu đều được người trưởng tộc chia lộc của ông bà tổ tiên.

Thờ vọng

Những con cháu ở xa quê, ít có điều kiện để về quê vào dịp giỗ tết, họ lập bàn thờ vọng để thờ ông bà, cha mẹ tổ tiên.

Ngày xưa, lập bàn thờ vọng chưa trở thành phong tục phổ biến bởi đa số người nông dân đều sinh cơ lập nghiệp tại quê hương, chỉ có một số trường hợp đặc biệt mới đi nơi khác làm ăn sinh sống gọi là biệt quán, li hương.

Đến thời phong kiến, khi triều đình có những điểm lễ lớn, các quan trong triều tập trung trước sân rồng để làm lễ vọng bái Thiên tử tức là vái lạy từ xa. Các quan Tỉnh, huyện và những tướng lĩnh ở nơi biên ải thiết lập hương án hướng về kinh đô quỳ lạy. Họ cũng thiết lập hương án hướng về quê làm lễ khi nghe tin cha mẹ hoặc ông bà mất mà chưa kịp về quê chịu tang. Họ lập bàn thờ tạm rồi cáo quan xin về cư tang ba năm.

Từ đó, bàn thờ vọng được hình thành và chỉ có những người sống xa quê mới lập bàn thờ vọng. Những người ở gần quê cha đất tổ thì dù có giàu hay nghèo, sang hay hèn thì cũng phải có trách nhiệm đưa lễ đến nhà thờ họ hay nhà con trưởng làm lễ vào dịp giỗ tết. Người ta không lập bàn thờ vọng đối với đời thứ ba ngay tại quê nhà. Nếu

trưởng họ hay con trưởng đã mất hoặc ở xa quê thì người con thứ kế trưởng được lập bàn thờ chính, còn bàn thờ tại nhà người con trưởng là bàn thờ vọng. Đó là một phong tục rất có ý nghĩa. Ngày giỗ ông bà tổ tiên cũng là ngày sum họp của gia đình, gia tộc.

Trước khi lập bàn thờ vọng, phải về quê báo cáo tổ tiên tại bàn thờ chính rồi xin phép chuyển một lư hương phụ hoặc một vài chân hương đến bàn thờ vọng. Bàn thờ luôn đặt cao hơn chỗ tiếp khách, nếu có điều kiện thì đặt ở một phòng riêng. Bát hương thờ gia thần đặt cao hơn bát hương thờ Gia tiên, bàn thờ hướng về quê chính.

Ngày tiên thường.

Ngày tiên thường là ngày hôm trước ngày giỗ. Vào ngày tiên thường, con cháu cúng cáo giỗ để báo cho người đã khuất hôm sau về hưởng giỗ, đồng thời xin phép Thổ công cho phép hương hồn người đã khuất và vong hồn nội, ngoại cùng về hưởng giỗ. Người ta chỉ cúng cáo giỗ vào những ngày giỗ trọng còn những ngày giỗ mọn chỉ cúng ngày chính giỗ. Giỗ ông, bà, cha, mẹ, chồng, vợ được gọi là giỗ trọng.

Cúng cáo giỗ bao gồm cúng tại gia và cúng ngoài mộ. Người gia trưởng mang lễ ra mộ người được hưởng giỗ để mời vong hồn về. Nhân dịp này, con cháu thường đắp điếm, sửa sang lại mộ phần.

Ngày tiên thường, bàn thờ được dọn dẹp lau chùi từ sáng để chuẩn bị cúng cáo giỗ vào buổi chiều. Mọi người gửi giỗ vào ngày tiên thường và sửa soạn làm giỗ ngày hôm sau. Trong ngày tiên thường cũng làm giỗ, trước cúng Gia tiên sau con cháu ăn uống với nhau. Cúng cáo giỗ phải cúng Công thần thổ địa trước, cúng Gia tiên sau.

Ngày giỗ chính.

Ngày giỗ chính là ngày mất của người được giỗ. Kể từ lúc cúng cáo giỗ, bàn thờ lúc nào cũng khói hương nghi ngút.

Điều bắt buộc trong cỗ cúng giỗ là phải có bát cơm úp và một quả trứng luộc (ngày nay không nhất thiết phải có). Gia chủ có thể mời khách khứa trong làng đến dự. Những nhà hào trưởng trong làng có khi mời cả làng đến ăn giỗ. Nhà thầy giáo thì cả học trò đến ăn giỗ, nhà quan lý thì cả tổng lý tri huyện đến lễ giỗ. Khách khứa khi đi ăn giỗ đều mang trà, cam, rượu... đến lễ giỗ. Con cháu khi khách khứa đến thăm thì phải đón đồ lễ đặt lên bàn thờ trước khi khách lễ. Sau khi khách lễ xong gia chủ phải đứng để đón đáp lễ rồi mời khách ăn trầu, uống trà.

Cỗ được sắp thành từng mâm đặt ở chiếc cũi tầm. Một mâm cỗ thường sắp cho bốn người ăn. Chủ nhà lựa chọn những người cùng lứa tuổi, ngôi vị để mời vào một mâm. Đàn bà và đàn ông không

ngồi chung. Cỗ giỗ thường mời vào buổi trưa rồi lai rai đến chiều.

Sau khi khách ra về, chủ nhà thắp thêm một tuần hương nữa rồi lễ tạ xin hoá vàng.

Tuỳ theo phong tục của từng địa phương, từng vùng, từng gia cảnh mà việc tổ chức giỗ có sự khác nhau. Nhớ đến ngày giỗ của ông bà tổ tiên là điều quan trọng, thể hiện lòng thành với vong linh tiên tổ chứ không căn cứ vào việc làm giỗ to hay nhỏ. Chỉ với chén nước, nén hương, bát cơm, quả trứng, đĩa muối mà tâm thành thì cũng giữ được đạo hiếu.

- Bàn thờ tổ tiên.

Bàn thờ tổ tiên được lập ở giữa nhà chính, nếu không có một nhà riêng để làm nhà thờ.

Bàn thờ truyền thống gồm hai lớp.

* Lớp trong gồm:

- Chiếc rương thật lớn, cao khoảng 1m, dài 2m, rộng 2m. Mặt trước của rương chia làm 3 ô, ở mỗi ô có một chữ đại tự. ở một số gia đình, rương được thay thế bằng một chiếc bàn to, giống như một cái sập sơn son thếp vàng, kê trên chiếc mễ cao khoảng 1m. Đằng trước thường có một tấm rèm bằng vải đỏ che những mâm thau, đồ đồng và bát đĩa.

- Có ít nhất hai chiếc mâm nhỏ chân quỳ mặt hình chữ nhật. Chiếc mâm thứ hai nhỏ hơn và kê đằng sau chiếc mâm thứ nhất. Mâm to dùng để bày cỗ, mâm nhỏ dùng để bày hương hoa trong ngày tết, giỗ.

- Bên trong của lớp này là thần chủ đựng trong lòng khám kê trên một chiếc bệ. ở các gia đình không thờ thần chủ thì chỉ kê ở đây một chiếc ỷ (chiếc ngai) tượng trưng cho ngôi vị của tổ tiên.

- Trên chiếc mâm nhỏ kê bên trong, ở trước thần chủ hay trước ngai thường có một cái tam sơn, một đồ thờ để đặt đĩa trầu, chén rượu, ly nước, hoa quả.

* Lớp ngoài.

- Hương án cao.

- Bình hương bằng sứ để cắm hương khi cúng lễ.

- Hai bên bình hương là hai cây đèn, cao khoảng 4 tấc chân tiện và lưng chừng có vành rộng ra gọi là đĩa đèn.

- Gần hai bên bình hương, ngoài hai cây đèn có thể còn có hai con hạc chầu hai bên. Trên đầu hai con hạc thường có chỗ để thắp nến.

Ngoài ra tuỳ thuộc mỗi gia đình bàn thờ tổ tiên còn được trang trí bằng các đồ vật khác như hoành phi, câu đối...

Với người Việt Nam, thờ cúng tổ tiên không phải là một tôn giáo nhưng đây là một phong tục lâu đời, một nét đẹp văn hoá thể hiện lòng biết ơn của con cháu đối với ông bà, cha mẹ, tổ tiên.

- Bàn thờ bà cô ông mãnh

Những người chết trẻ, chưa lập gia đình, dân gian gọi đó là bà cô ông mãnh. Người ta tin rằng, vì chết trẻ nên các bà cô, ông mãnh thường rất linh thiêng. Nếu "hợp" ai sẽ phù hộ độ trì rất nhiều. Nếu cháu chắt sơ ý, thờ cúng bà cô, ông mãnh không đến nơi đến chốn sẽ bị quở phạt.

Bà cô, ông mãnh lẽ ra cũng nên thờ cùng với bàn thờ tổ tiên, nhưng người ta quan niệm rằng trần sao âm vậy, các bà cô, ông mãnh tuổi còn nhỏ nên không thể về hưởng hương hoa cùng các cụ được. Cũng như trên dương thế, trẻ con thường ngồi riêng một mâm nên các bà cô, ông mãnh cũng sẽ được thờ riêng ở một bàn thờ.

Thường thì người ta đặt bàn thờ bà cô, ông mãnh ở dưới gầm hương án bàn thờ tổ tiên. Cũng có gia đình đặt cùng trên bàn thờ tổ tiên nhưng phải đặt bát nhang thấp hơn bát nhang thờ gia tiên một bậc, hoặc lập riêng một bàn thờ nhưng bàn thờ đó phải thấp hơn bàn thờ thờ tổ tiên.

Bài trí ở bàn thờ bà cô, ông mãnh cũng rất đơn giản. Thường thì người ta chỉ đặt bài vị, bát

nhang, chén nước, bình hoa, ngọn đèn. Người ta cúng bà cô, ông mãnh vào ngày kỵ và những dịp sóc vọng, giỗ tết.

Khi cúng bà cô, ông mãnh, nếu là người ngang hàng với bà cô, ông mãnh, người trưởng gia chỉ lâm râm khấn mà không lễ. Còn những người thuộc hàng dưới như cháu chắt thì khi cúng sẽ khấn và lễ.

Trong quan niệm của một số người những lúc gia đình gặp chuyện lo lắng về sức khỏe, vật chất của cải...người ta thường khấn bà cô, ông mãnh để xin được chở che, phù trì cho mọi sự được hanh thông.

- Bàn thờ người mới chết

Những người mới chết thường không bao giờ được thờ chung với bàn thờ tổ tiên mà thường được lập một bàn thờ riêng tại gian thờ hoặc ở một gian nhà ngang.

Bàn thờ người mới chết được bài trí tương đối sơ sài: Một bát nhang, một bài vị (hoặc ảnh), một lọ hoa, một chén nước.

Hằng ngày, tính từ ngày đã an táng xong, người ta đều đặn thắp hương cơm canh vào các bữa chính, trước khi gia đình ăn cơm, hoặc những món ăn mà lúc còn sống người đã chết thích ăn, mời người mới chết về thụ hưởng. Có lẽ do quan niệm dân gian, lúc này người mới chết, phần vì quyến

luyến người thân, phần vì "hồn vía vẫn còn nặng" nên chưa thể siêu thoát được nên còn luẩn quẩn quanh nhà. Hơn nữa, những người còn sống cũng không muốn tin vào sự thật là họ vừa mới mất một người thân nên làm vậy để dịu đi nỗi đau đớn trong lòng. Ngày nay, do điều kiện công việc hoặc do quan niệm mới, tục lệ này chỉ còn tồn tại rải rác một số nơi ở nông thôn.

Việc thờ cúng như thế cho đến sau 49 ngày, người ta sẽ làm lễ rước bát nhang lên bàn thờ tổ tiên. Có nơi tập tục lại quy định phải sau một 100 ngày (thậm chí, có gia đình lại để sau giỗ đầu) mới rước bát nhang người chết đặt lên bàn thờ tổ tiên.

Những người con, cháu khác phải sau 49 ngày mới lập bát nhang thờ người mới mất trên ban thờ tổ tiên ở nhà mình. Trước khi lập, sẽ thắp hương ở nhà người con trưởng rồi khấn xin rút ba chân nhang ở bát nhang của người mới mất đem cắm vào bát nhang ở nhà mình.

II. THỜ THỔ CÔNG

Song song với việc thờ phụng tổ tiên, các gia đình Việt Nam thường có tập tục thờ phụng Thổ Công được coi là vị thần trông coi gia cư, định đoạt hoạ phúc cho các gia đình.

a. Bàn thờ

Bàn thờ thổ công thường được đặt ở gian bên, cạnh bàn thờ tổ tiên. Nếu gia đình không có bàn

thờ tổ tiên, bàn thờ thổ công được đặt ở gian chính giữa nhà. Bàn thờ thổ công bao gồm hương án kê liền với hậu tường gian nhà.

Trên hương án có chiếc mâm nhỏ tương tự như trên bàn thờ gia tiên. Đằng sau chiếc mâm này là bài vị thổ công hoặc được thay bằng ba chiếc mũ đàn bà đặt ở chính giữa và, hai chiếc mũ đàn ông hai bên.

b. Bài vị Thổ Công

Tại bàn thờ thổ công người ta không chỉ thờ một vị thần mà ở đây là ba vị thần với ba danh hiệu khác nhau: Thổ Công trông nom việc trong bếp, Thổ Địa trông nom việc trong nhà, Thổ Kỳ trông nom việc chợ búa cho đàn bà hoặc việc vườn đất, cây cối.

c. Mũ Thổ Công

Cỗ mũ Thổ Công gồm ba chiếc (một mũ đàn bà, hai mũ đàn ông) hoặc một chiếc mũ đàn ông. Cỗ mũ được đặt trên chiếc kệ bằng giấy. Mỗi chiếc mũ có kèm theo chiếc áo và một đôi đũa dính vào bệ giấy. Dưới mỗi chiếc mũ thường kê một vài trăm vàng thoi.

Mũ, áo và lụa Thổ Công mỗi năm một màu, màu ăn theo ngũ hành: mỗi năm có một hàng riêng và mỗi hàng:

Ngũ hành là Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ.

Năm hành Kim mũ màu vàng.

Năm hành Mộc, mũ màu trắng.

Năm hành Thuỷ, mũ màu xanh.

Năm hành Hoả, mũ màu đỏ.

Năm hành Thổ, mũ màu đen.

Tương tự như bài vị thổ công, hằng năm mũ được đem hoả thiêu vào ngày tết táo quân và được thay thế bắng cỗ mũ khác và được thờ cho đến 23 tháng chạp năm sau.

d. Cúng Thổ Công

Người Việt Nam cúng Thổ Công vào những ngày tết, sóc, vọng... có thể cúng chay hay cúng mặn.

Thường là trong ngày sóc, vọng người ta cúng đồ chay, đồ cúng chỉ có giấy vàng, giấy bạc, trầu nước, hoa quả. Cúng mặn phải có rượu, đồ lễ và xôi, gà hoặc chân giò hay có khi cúng cả mâm cỗ.

Lễ cúng thổ công hằng năm quan trọng nhất là tết Ông Công vào ngày 23 tháng chạp âm lịch. Ngày 23 tháng chạp, khi cúng Ông Công người ta hoá vàng đồng thời cả cỗ mũ năm trước, gồm có mũ, áo, hia và vàng. Người ta mua tặng Ông Công một con cá chép, con cá này là ngựa Ông Công cưỡi, được phóng sinh ra sông hoặc ra ao sau lễ cúng, con cá sẽ hoá rồng đưa Ông Công lên chầu trời.

III. THỜ THẦN TÀI

Thông thường các gia đình chỉ cúng táo quân trong những ngày sóc vọng, trong những dịp giỗ tết nhưng Thần Tài thì người ta cúng quanh năm.

Bàn thờ Thần Tài không được thiết lập trên cao hoặc những nơi quang đãng trong nhà như bàn thờ tổ tiên, Thổ Công hoặc Thánh Sư... mà được thiết lập ở các xó xỉnh, góc nhà hay hàng hiên. Kích thước bàn thờ cũng không cần to rộng mà thường chỉ là một chiếc sập nhỏ có sơn son thếp vàng...

Phía trong khám thờ dán bài vị của Thần Tài, viết trên cùng loại giấy màu đỏ.

Ngũ phương ngũ thổ long thần

Tiền hậu địa chủ tài thần.

Hai bên bài vị cũng có câu đối:

Thổ địa sinh bạch ngọc

Địa khả xuất hoàng kim.

Câu đối bao giờ cũng phải trình bày từng đôi một. Trước bài vị là một bát hương có hai cây đèn nhỏ, đủ thắp sáng mà không bốc cháy lên khám thờ. Trong khám có thể đặt ly đựng nước, đựng rượu.

Trong những ngày sóc, vọng, giỗ tết lễ cúng Thần Tài cũng như cúng Táo Quân trong những

dịp đó, nghĩa là có khi cúng mặn và có khi là cả một mâm cỗ. Ngày thường Thần Tài chỉ được cúng rất đơn giản, chỉ có trầu nước và trái cây.

Buổi chiều, lúc chuông chiêu mộ, bàn thờ Thần Tài được thắp hương, có khi gia chủ khấn vái có khi chỉ khấn thủ trước bàn thờ.

IV. THỜ THÁNH SƯ

Thánh Sư là ông tổ nghề, là người truyền nghề cho đời sau.

Bàn thờ tổ tiên được thiết kế giữa một bên là bàn thờ Thổ Công, bên kia là bàn thờ Thánh Sư. Chính giữa hương án bàn thờ Thánh Sư có kê bài vị của Thánh Sư gồm có họ, nghề nghiệp sáng tạo của thánh. Bài vị này có khi được thay bằng một bức chân dung của Thánh Sư.

Hằng tháng vào những ngày sóc vọng, tuần tiết và cúng Thổ Công, gia chủ cũng cúng Thánh Sư với đồ lễ tương tự như đồ cúng Thổ Công.

Trong năm, lễ cúng Thánh Sư quan trọng nhất là ngày kị của Thánh Sư. Ngoài việc được cúng tế ở từng nhà, Thánh Sư còn được cúng tế ở các phường nghề, phường công.

V. THỜ CÚNG TRONG TANG LỄ

Việc sinh tử là lẽ tự nhiên đối với con người. Trong gia đình người Việt Nam, con cái ngoài việc

sống tròn đạo hiếu với cha mẹ lúc sinh thời thì khi cha mẹ mất việc ma chay cũng cần được tiến hành theo một số lễ nghi nhất định. Ngày nay nghi lễ trong tang lễ vẫn tuân thủ theo những quy ước nhất định. Song những gì là hủ tục lạc hậu hoặc gây phiền phức cho tang chủ, người ta đã bãi bỏ. Hầu hết các nghi thức đều thực hiện theo nếp sống văn hoá mới.

1. Lúc hấp hối

Ai cũng mong mình được ra đi một cách thanh thản, nhẹ nhàng. Người già lâm trọng bệnh, biết mình khó qua khỏi thì rất mong được đón nhận cái chết. Lúc này, cái chết với họ là một sự giải thoát, nó chấm dứt mọi nỗi đau khổ mà họ phải chịu đựng. Vì vậy, cả họ và người thân đều mong cho người ốm mau được giải thoát. Người ta làm nghi thức, nghi lễ; xoay lại giường người đang hấp hối nằm, dỡ ngói nhà, hoặc nóc nhà phía bên trên nơi người ốm nằm. Có gia đình mời nhà sư cùng các đệ tử đến cầu kinh niệm phật mong cho người ốm được ra đi nhẹ nhàng, cũng có người mời thầy cúng đến cúng bái.

Những người theo công giáo, khi sắp chết được công đoàn tín đồ đến cầu kinh để thú tội, ăn năn. Người sắp chết xưng tội với linh mục, họ được chịu phép thánh.

Sự có mặt của người thân ở xung quanh khi sắp qua đời là một niềm an ủi rất lớn, khiến cho người ốm có thể ra đi một cách thanh thản.

Con cháu có nghĩa vụ hỏi han xem người sắp mất có dặn dò gì không, nguyện vọng của họ là gì? Đặt tên thuỵ rồi thưa để họ biết.

Đưa người sắp mất sang phòng chính tẩm, đầu hướng về phía Đông.

Con cháu thay nhau túc trực ở bên cạnh

Ghi nhớ thời gian người chết tắt thở

Nắn chân, tay cho thẳng, và vuốt mắt cho người chết

Sau khi người nhà mất, gia đình cần lập tang chủ. Tang chủ là con cả, nếu con cả đã mất thì thay bằng cháu đích tôn của người chết. Cha còn mà con có tang mẹ hay vợ thì người cha đứng ra làm tang chủ.

2. Lập ban lễ tang.

Lập người hộ lễ: Người hộ lễ là người thay mặt tang chủ và gia đình điều hành những công việc cần thiết trong tang lễ. Vì thế, phải chọn người có tuổi, có uy tín và kinh nghiệm, là người họ hàng thân thuộc làm hộ lễ.

Lập người chấp sự: Người chấp sự là người quán xuyến hướng dẫn tang chủ thực hiện đúng những nghi thức lễ tang: Lễ mộc dục, lễ Thành

phục... Thường thì người chấp sự viết cả văn cúng, văn tế, bài vị, long trượng, cáo phó.

Người thu lễ: Là người tiếp khách, đặt lễ trên bàn thờ, ghi tên, tuổi, tiền lễ của những người phúng viếng sau đó báo cho tang chủ biết để tạ ơn.

Người chấp hiệu: Là người chỉ huy việc đưa quan tài từ nhà ra xe, kiệu, việc lên kiệu, đi đứng, hạ huyệt... làm thế nào để giữ quan tài được ngay ngắn.

3. Lễ mộc dục

Người ta dùng nước ngũ vị hương để tắm rửa cho người chết. Khi tắm thường để sẵn một con dao nhỏ, một cái lược, một cái thìa, một vuông vải. Cha mất thì con trai tắm, mẹ mất thì con gái tắm. Lúc tắm quây màn kín, tang chủ quỳ xuống khóc và thưa xin tắm gội để sạch bụi trần. Người ta tắm rửa, chải đầu, cắt móng chân, móng tay cho người chết. Móng tay được gói lại để phía trên, móng chân để phía dưới quan tài cùng với lược, thìa và muối. Sau đó, rước thi thể đặt lên giường.

Đặt tay người chết ở trước bụng như đang nằm ngủ, buộc hai ngón tay cái và hai ngón chân cái lại với nhau. Bụng người chết được bó bằng vuông vải rồi mặc quần áo cho người chết. Trên mặt người chết phủ một tờ giấy bản.

4. Lễ phạm hàm

Sau khi làm lễ mộc dục, bỏ một nhúm gạo nếp và ba đồng tiền vào miệng người chết để tránh tà ma ác quỷ đến quấy rối vong hồn. Nhà phú quý thì dùng ba miếng vàng sống, chín hạt châu trai gọi là ngậm hàm. Có nơi thì lại dùng gạo nếp rang nhỏ gọi là thính rang thay cho gạo nếp.

Sau đó, đặt người chết xuống chiếu được trải ở đất một lát rồi lại đem lên giường. Hy vọng người chết có thể sống lại nếu chỉ bị choáng, ngất, bất tỉnh. Người con cầm chiếc áo của người đã tắt thở trèo lên mái nhà hú ba lần "ba hồn bảy vía" hoặc "ba hồn chín vía" ở đâu thì về nhập xác. Nếu người chết không hồi lại thì làm lễ nhập quan.

5. Khâm liệm

Sau khi đã chuẩn bị xong đồ khâm liệm, tang chủ quỳ xuống, khóc và phủ phục, sau đó có 4 - 6 người tới khiêng thi thể đặt lên cái khâm, đặt ngay ngắn, chèn quả chèn vào bên mang tai rồi gấp 2 bên khâm lại, bên trái trước, bên phải sau, cuối cùng buộc đai ngang. Xong việc tiểu liệm thì đến lượt buộc đại liệm. Liệm xong, trải tấm tạ quan ra rồi đặt thi hài vào chính giữa.

6. Nhập quan

Việc nhập quan cho người chết tốt nhất nên có sự chứng kiến của con cháu trong nhà. Sau khi trát sơn quan tài thì đậy nắp, đóng đinh và khiêng

quan tài quay về phía Nam. Sau nhập áo quan mới là lúc phát tang, nổi kèn trống cho họ hàng, làng xóm đến phúng viếng.

7. Đặt linh sàng, linh toạ

Khi linh cữu đã đặt yên thì đặt linh sàng (tức bàn thờ của người qua đời lúc chưa chôn cất). Nếu nhà rộng thì đặt linh toạ. Nếu không có thể để bài vị bằng giấy, có ảnh chân dung. Vật phẩm để cúng phải tinh khiết, hoa quả phải tươi, cạnh linh sàng, linh toạ có đặt chậu nước cho tang chủ rửa tay trước khi thắp hương, đặt đồ cúng.

8. Lễ thành phục

Lễ thành phục được thực hiện sau 3 hoặc 4 ngày. Cầu thần trong ngày này, con cháu phải mặc tang phục, đàn bà thì xoã tóc, đứng sắp hàng và khóc. Con trai đội mũ vấn bện bằng bẹ chuối khô, mặc áo vải xô, thắt lưng dây tước từ bẹ chuối khô. Cháu nội chít khăn trắng, đội mũ mấn, mặc áo thụng trắng. Ngày nay, nghi lễ của lễ thành phục vẫn còn được duy trì, song thời gian đã được rút ngắn nhiều, đảm bảo vệ sinh đồng thời cũng là thực hiện theo nếp sống văn hoá mới.

9. Tang phục

Từ khi làm lễ thành phục thì vợ con cùng những người thân thích của người chết phải mặc tang phục. Cha mẹ mất thì con cái mặc áo trảm

thôi. Áo trảm thôi là áo vải sô chặt bằng dao chứ không dùng kéo để cắt. Thắt áo trảm thôi bằng sợi dây chuối hai vòng ở lưng, ngoài choàng một cái áo rộng bằng vải sô. Trên đầu đội một chiếc khăn bằng vải sô có múi ở sau gáy. Con trai đội thêm mũ vành bằng bẹ chuối và chống gậy tre vót tròn nếu là tang cha, chống gậy vông đẽo vuông nếu là tang mẹ. Con gái thì đội mũ nhọn to bằng vải che hết cả mặt. Nếu mẹ mất trước cha thì con cái mặc đồ ti thôi. Đồ ti thôi được may giống kiểu trảm thôi, chỉ khác nhau ở chỗ có viền gấp qua loa. Tang ông bà, anh em, cô dì, chú bác thì tuỳ theo mức độ thân sơ mà may đồ cơ phục (trở một năm) giống đồ ti thôi, đồ đại công (trở chín tháng) bằng vải thô, đồ tiểu công (trở năm tháng) bằng vải hơi thô và đồ ti ma (trở ba tháng) bằng vải sợi nhỏ. Đó là năm hạng tang phục gọi là ngũ phục.

10. Chuyển cữu

Lễ chuyển cữu là lễ xoay quan tài vào trước hôm đưa ma hoặc ban đêm, hoặc buổi sớm. Thường thì người ta làm lễ chuyển cữu vào trước 12 giờ đêm ngày hôm trước.

Để báo với tổ tiên có người thân về chầu tổ, người ta đưa linh cữu hoặc có thể thay bằng hồn bạch, nhà giàu có, gia giáo thì rước áo mũ đại trào sang nhà thờ họ. Những nhà không có nhà thờ họ riêng thì xoay quan tài đi một vòng rồi đặt vào chỗ cũ.

11. Phát dẫn

Ngày phát dẫn chính là ngày đưa tang. Trong lễ dưa tang, con trai trưởng phải chống gậy, con trai thứ chống gậy sau con trai trưởng. Nếu con trai nào vắng mặt thì phải treo mũ, áo, gậy lên dầu đòn của xe tang. Người thân thích đi 2 bên xe tang hoặc ngồi hai bên linh cữu.

12. Điếu văn

Tất cả các đám tang đều có điếu văn. Điếu văn có thể do người chấp sự hoặc một người có khả năng viết thực hiện. Trong bài điếu văn nói rõ thân thế và sự nghiệp của người qua đời.

Người cao tuổi có vị thứ trong họ tộc với người qua đời đọc điếu văn. Nếu tang lễ tiến hành ở cơ quan thì người có chức vụ đọc điếu văn.

Khi đọc điếu văn, con cháu người quá cố đứng ở hai bên quan tài, những người đến dự tang lễ đứng nghiêm hướng về người đọc điếu văn.

13. Nghị trượng đi đường

Nghị trượng đi đường được sắp xếp theo thứ tự sau:

Đầu tiên là hai thần phương tướng được làm bằng giấy, có bốn mắt, dáng vẻ dữ tợn cầm đồ qua mâu đi dẫn đạo.

Tiếp theo là thể kỳ, có hai người khiêng một bức hoành vải trắng đề bốn chữ "Hổ sơn vân ám"

nếu là tang cha. "Dĩ lĩnh vạn mẽ" nếu là tang mẹ. Hai bên treo hai chiếc đèn lồng đề chức tước huý hiệu của người mất.

Sau nữa đến minh tinh. Minh tinh được làm bằng lụa hoặc vóc nhiễu đỏ, dài khoảng bảy, tám thước, trên có đề chức tước, họ tên thuỵ hiệu người đã mất bằng phấn trắng treo vào một cành tre để vào ban độc cho người khiêng.

Kế đến là hương án bày giá hương, độc bình, đồ tam sự và mâm ngũ quả.

Tiếp nữa là thực án bày tam sinh rồi linh xa rước hồn bạch. Theo sau là phường bát âm và đồ minh khí: Đèn giấy, biển đan triệu: Đàn ông đề hai chữ "trung tín", đàn bà đề hai chữ "trung tiết" cùng với trướng, câu đối của con cháu và người phúng viếng.

Sau đến cờ công bố, đèn chữ á, nhà phú quý có nghi trượng sứ thần, cờ, tán, đồ bộ lộ, kiệu phong áo mũ đại trào, nến sáp hai dãy, chiêng, trống, võng, lọng và trống cà rùng. Nhà bình dân thì chỉ có phường kèn trống thổi nhạc đưa ma mà thôi.

Cuối cùng là đại dư rước linh cữu, trên linh cữu có nhà táng giấy. Con cháu đưa tiễn theo sau linh cữu.

Ở nông thôn, lễ nghi đơn giản hơn song lại có các vãi cầm phướn đi hai bên tụng kinh niệm Phật cầu nguyện cho linh hồn được về nơi Tây phương cực lạc.

Trên đường đi, có tục rắc vàng giấy làm lộ phí cho ma quỉ.

14. Nhà trạm.

Đám tang nhà phú quý thì ở giữa đường có làm nhà trạm trung đồ để dừng linh cữu mà điện tế. Nhà trạm được lợp bằng lá hoặc bằng cót, căng vải xung quanh. Bên trong kết hoa, treo đèn, treo liễn, bài trí lịch sự. Đến chỗ huyệt lại có một trạm tế hạ huyệt. Người có chức tước danh giá đề chủ và một người phủng chủ làm lễ tế trạm. Lúc tế thì người phủng chủ ra đặt trên án, người đề chủ chấm một nét bút trên đầu chữ chủi và sổ một nét. Sau đó, nhà chủ có lễ hậu tạ người đề chủ.

15. Hạ huyệt.

Người ta thường chọn giờ hoàng đạo để hạ huyệt. Trước lúc hạ huyệt tiến hành lễ tế thổ thần. Lễ cúng thổ thần gồm có trầu rượu, vàng hương và đĩa xôi hoặc thủ lợn, chân giò... Sau khi đã lấp đất xong, mỗi người cầm một nắm nhang đi quanh mộ, vừa đi vừa ném một hòn đất xuống mộ, cuối cùng đắp mộ thành vồng và trồng cỏ.

16. Lễ ba ngày.

Sau 3 ngày chôn cất, con cháu tiến hành đắp sửa lại mộ phần và sửa soạn cỗ bàn mời họ hàng thân thuộc. Việc đi viếng mộ trong ngày này không

nhất thiết phải đi đầy đủ con cháu tang gia, chỉ cần vài ba người cũng được nhưng bao giờ cũng phải có trưởng nam hay thừa trọng tôn. Từ ngày này, ngày nào cũng phải cúng cơm trên bàn thờ một hoặc hai buổi cho tới trăm ngày.

17. Lễ cúng 49 ngày.

Lễ cúng 49 ngày (gọi là lễ chung thất hay tứ cửu) theo thuyết Phật giáo: Âm hồn sau khi chết phải qua bẩy lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua 1 điện ở âm ty, sau 7 tuần vong hồn mới được siêu thoát. Tuần chung thất do đó rất quan trọng, là tuần đưa hồn người chết lên nương nhờ của Phật.

18. Đàm tế.

Sau ngày giỗ hết hai tháng, đến tháng thứ ba chọn một ngày làm lễ trừ phục gọi là đàm tế. Sau lễ này, con cháu mới bỏ hết đồ tang phục, trở lại mặc đồ thường phục.

19. Lễ 100 ngày.

Khi người chết được 100 ngày tức là đã đến tuần tốt khốc. Bắt đầu từ tuần này trở đi, con cháu không khóc nữa. Tuần tốt khốc hay còn gọi là tuần bách nhật con cháu cũng làm lễ cúng người chết. Sau lễ trăm ngày, hằng năm con cháu lấy ngày chết là ngày làm giỗ. Ngày giỗ đầu gọi là lễ Tiểu Tường,

con cháu vẫn mặc đồ xô gai chống gậy, mũ chuối đáp lễ khách trước bàn thờ cha mẹ. Trong ngày giỗ thứ hai, là Đại Tường cũng được tổ chức chu đáo. Sau ngày này, mọi người trong gia đình mới từ bỏ những đồ hung phục như gậy, mũ, đồ xô gai...

20. Tiểu tường.

Sau ngày người chết qua đời một năm thì làm giỗ đầu gọi là lễ tiểu tường. Đến kỳ lễ này mới trừ bỏ đồ hung phục như xô gai, gậy, mũ... nhưng người thân vẫn mặc đồ tang chế đến khi hết ba năm.

Ngày lễ này, người ta thường mua sắm nhiều đồ vàng mã để dâng cúng rồi đốt cho người cõi âm có cái để dùng.

21. Đại tường.

Sau ngày người chết qua đời hai năm thì có một lễ giỗ nữa gọi là lễ giỗ hết hay đại tường.

Ngày hôm ấy, tang chủ cùng con cái rước thần chủ người mất đem hợp vào bàn thờ tiên tổ, triệt bỏ linh toạ cùng những đồ thờ riêng của người đã mất. Ngày nay gọi là trừ linh.

22. Lễ cải táng.

Người chết mới được chôn cất gọi là hung táng, sau 3 - 4 năm, người ta đem hài cốt táng ở nơi khác gọi là cải táng, hay bốc mộ, cát táng, cát cải.

Để cải táng phải chọn ngày thích hợp, không xung khắc với người chết. Trước hôm cải táng phải làm lễ cáo vong và cáo gia tiên. Ngày cải táng cần làm lễ cúng khấn Thổ Thần Thiên địa nơi đào mả lên và cúng Thổ Thần nơi sẽ đem đến chôn cất. Sau khi cải táng thì rước bát hương và thần chủ sang gian giữa thờ chung với tổ tiên hoặc có thể thờ riêng tuỳ theo từng gia đình.

23. Nghi thức chôn cất đối với người là tín đồ công giáo.

Những người theo công giáo quan niệm cái chết là sự an bài của Chúa, là chặng đường đầu đời người, chết được gọi là sinh thì, người chết nếu sạch tội, đến ngày Chúa tái lâm sẽ được sống lại cả hồn, xác và được lên thiên đàng. Vì vậy, nghi thức tiễn biệt người chết của đạo Công giáo có nhiều nét khác biệt với người bình thường. Thông thường người ta tiến hành theo các nghi thức sau:

Khi hấp hối, Cộng đoàn tín đồ đến cầu kinh. Nội dung là thú tội và hối lỗi. Trong nhà có người sắp qua đời, người thân đón linh mục đến cho người đó xưng tội, họ được chịu phép Mình thánh, lấy đó làm "của ăn đường". Nếu người đó qua đời thì cộng đoàn tín đồ đọc kinh, cầu cho người qua đời, đọc kinh tẩm liệm trước giờ tẩm liệm.

Người chết được mặc áo các phép, được tẩm liệm, cho vào quan tài và đưa đến nhà thờ xứ. Người ta tổ chức thánh lễ cho người qua đời. Trước

đó, khi được tin có người qua đời nhà thờ rung chuông gọi là chuông sầu. Chuông được rung theo nhịp ba, chậm rãi, buồn tẻ. Đàn ông thì rung ba hồi bảy tiếng (theo quan niệm ba hồn bảy vía). Cũng có nơi lại rung bảy tiếng hoặc chín tiếng rồi mới rung chuông hồi.

Thánh lễ được cử hành tương tự như thánh lễ thường. Mở đầu bằng ca nhập lễ, sau là ca tâm niệm, ca dâng lễ, làm phép mồ, bài ca từ biệt.

Sau khi cử hành thánh lễ xong, người ta đưa người chết từ nhà thờ ra bãi tha ma. Dẫn đầu đoàn lễ là chiếc cờ tang màu đen, nếu sinh thời người quá cố có tham dự hội đoàn thì có cờ tang của hội đoàn đó. Quan tài được đặt trên kiệu hoặc xe tang, có dòng chữ:

Xin nhớ đền tội

Sinh ra từ cát bụi, trở về với cát bụi.

Tiếp theo là vòng hoa, sau là thấp giá bằng gỗ ghi tên tuổi người quá cố, rồi đến kiệu quan tài, sau nữa là thân nhân người quá cố và cuối cùng là những người đưa tiễn.

Khác với những đám tang khác, ở đám tang của tín đồ người công giáo người ta khiêng chân của người chết đi trước. Người Công giáo không có linh xa, người chết, nếu sạch tội, linh hồn được về với Chúa. Trước đây, đạo công giáo không chấp

nhận thờ cúng tổ tiên, không cho phép giáo dân lập bàn thờ tổ tiên. Mãi sau này, giáo hội La mã mới xoá bỏ quy định này.

Người công giáo không có tục cải táng, chỉ chôn một lần, sau đó có thể xây mộ kiên cố.

Ngày trước, người Công giáo còn làm lễ chồng mồ ở nhà xứ để kỉ niệm ngày người thân qua đời. Sau này, người ta xin lễ ở nhà thờ, buổi tối gia đình tập đọc kinh, cầu cho linh hồn người quá cố.

24. Nghi lễ đối với một số trường hợp qua đời khác.

** Con cái chết trước bố mẹ.*

Tang phục thể hiện tình nghĩa, lòng thương xót đối với người đã khuất. Vì thế, nếu con cái chết trẻ chẳng những bố mẹ để tang con mà ông bà và cụ kỵ cũng để tang hàng cháu, hàng chắt. Điều này được quy định rất rõ trong sách "Thọ Mai gia lễ".

Tuy nhiên, ở một số nơi thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, người ta quan niệm "Phụ bất bái tử" tức cha không lạy con. Con chết trước cha là một nghịch cảnh, là bất hiếu, trốn nợ đời nên bố mẹ không lạy con. Chẳng những thế, khi khâm liệm, người ta còn quấn trên đầu người con một vòng khăn trắng, nếu là phụ nữ, hai bên bố mẹ đều còn cả thì phải quấn hai vòng nghĩa là phải để tang báo hiếu sẵn cha mẹ đang còn sống.

** Đối với người chết vì những căn bệnh nguy hiểm.*

Trước kia, những người chết do dịch bệnh hoặc chết vì mặc bệnh hủi người ta thường tổ chức đưa đám ngay chứ không để lâu ở trong nhà. Đám thường đưa vào ban đêm. Khi làm lễ an táng những người này, phải đào huyệt thật sâu, đổ vôi bột xuống huyệt để ngăn ngừa mầm bệnh và uế khí.

** Đối với người chết bị sét đánh.*

Theo quan niệm dân gian những người chết vì bị sét đánh là người chết không bình thường. Người ta làm lễ an táng như những người chết bình thường khác chỉ có điều mộ người chết thường được canh phòng trong ba tháng đầu. Bởi bọn trộm cắp thường tìm mọi cách để đào trộm mồ người bị sét đánh chết rồi chặt lấy cánh tay trái nếu người chết là nam và cánh tay phải nếu người chết là nữ để đi ăn trộm. Bọn chúng tin rằng làm như vậy sẽ tránh được sự phát giác của chủ nhà.

** Đối với người chết mất xác.*

Những trường hợp chết mà không tìm thấy xác: Bị đắm tàu, tai nạn máy bay, hổ, báo ăn thịt... người ta vẫn đóng quan tài cho người quá cố. Bởi không có xác người quá cố nên người ta làm hình nhân để khâm liệm. Thân của hình nhân được làm bằng thân dâu, đầu làm bằng gáo dừa. Sau khi

làm xong hình nhân, tang chủ mời pháp sư về làm lễ "chiêu hồn nhập cốt" rồi tiến hành các nghi lễ tiếp theo.

Riêng những trường hợp chết ở dưới nước, thày pháp còn làm cầu dẫn bằng một vuông vải thả từ dưới nước lên bờ rồi làm lễ chiêu "hồn" dưới nước lên. Khi hồn đã lên, thày dùng kéo cắt cầu để hồn không còn đường về cõi âm.

Những nghi lễ này hiện nay vẫn được thực hiện ở nhiều nơi.

* *Đối với trường hợp chết trùng.*

Theo quan niệm dân gian, một gia đình có nhiều người chết trong một thời gian ngắn gọi là chết trùng. Tất nhiên đó bị coi là điềm gở. Tang chủ mời thày pháp đến cúng bái, yểm bùa... để ngăn không xảy ra những cái chết tiếp theo.

VI. LỄ MỪNG THỌ, YẾN LÃO

Lên lão: Ngày xưa, đến 50 tuổi đã được coi là lên lão. Ngày nay, tuổi lên lão thường là từ 70. Tuy không phải là một tục lệ bắt buộc song khi cha mẹ già đã đến tuổi 70, 80, con cái sẽ làm lễ khao lão hay còn gọi là lễ mừng thọ bố mẹ. Trước hôm ăn mừng, làm lễ cúng gà, xôi hoặc tam sinh hoặc lợn nhầm tạ ơn thánh thần đã phù hộ cho cha mẹ được sống lâu. Đi kèm với lễ này thường có việc tổ chức tế sống cha mẹ. Để tế sống cha mẹ, người ta

thường làm văn chúc thọ với ban tư văn hành lễ, trợ tế. Cha mẹ ngồi phía trong, con cháu dâu rể theo thứ bậc mà ngồi quây quần bên cạnh.

Yến lão: Yến lão là tiệc rượu do làng đứng ra tổ chức để mừng thọ các vị đến tuổi lên lão nhằm tỏ rõ truyền thống "kính lão đắc thọ" của nhân dân ta. Mỗi năm cứ đến dịp làng mở lễ hội hoặc các ngày đại lễ có định kỳ, các quan lão tụ hội ở chùa hay nơi công quán hoặc nhà đương cai, làng sẽ mang cờ quạt và phường bát âm rước ra đình. Những nhà giàu có thường sắm đủ võng lọng rước lão; lão 100 tuổi được đi võng điều che 4 lọng xanh: lão 90 tuổi được đi võng điều 2 lọng xanh; lão 80 tuổi đi võng xanh (đòn ống 1 lọng). Trai tráng cầm cờ khiêng võng đều đội nón dấu, mặc áo nẹp. Tại đình làng, nơi gian giữa thiết lập bàn thờ tiên lão, các quan lão ngồi 2 bên theo thứ tự tuổi tác. Nếu làng yến cả lão bà thì gian trái lão ông ngồi, gian phải lão bà ngồi. Tuỳ theo lệ làng, có nơi lão 90 tuổi hoặc lớn hơn nữa ngồi một mình chiếu trên nhất.

Tế lão cũng đủ nghi thức như tế thần, 3 tuần rượu với văn tế tiên lão, văn chúc thọ quan lão, có ban tư văn hành, phường bát âm tấu nhạc.

Tuỳ theo khả năng của làng mà yến lão được làm khác nhau. Có nơi mỗi cỗ yến lão gồm 2 bánh dầy, 2 bánh chưng với giò nem và nhiều thứ bánh

khác làm rất công phu. Cỗ này sau khi dự tiệc rượu ở đình thì được đem về nhà.

Yến lão là một tục lệ đẹp, bắt nguồn từ đạo hiếu mà ra, có ý nghĩa rất trọng hậu, trẻ vui đạo trẻ, già vui tuổi già.

VII. NGHI LỄ CƯỚI HỎI

Việc cưới xin xưa thường được tiến hành với rất nhiều nghi lễ. Vì quan niệm cưới hỏi là một trong ba việc lớn của đời người nên tập tục cưới xin cũng được tổ chức khá rình rang, tốn kém, phải tuân thủ theo nhiều lễ giáo phong kiến rất khắt khe. Ngày nay, nhiều đám cưới tổ chức theo nếp sống mới, giúp cho đôi vợ chồng trẻ và hai họ không phải vất vả, không tốn kém tiền bạc mà còn đem lại niềm vui, hạnh phúc thật sự cho vợ chồng mới.

Tập tục cưới hỏi được chúng tôi giới thiệu dưới đây với mục đích giúp mọi người tham khảo, hiểu rõ hơn về tập tục của cha ông xưa.

1. Kén dâu, kén rể.

Xưa, nam nữ không có quyền tự quyết định hôn nhân của mình, đặc biệt là con cái những gia dình danh gia vọng tộc. Họ luôn phải chịu sự sắp đặt của cha mẹ - "Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy"- Theo quan niệm về hôn nhân của người Việt Nam xưa thì đó là việc "hai họ" dựng vợ gả chồng cho

con cái. Việc hôn nhân tuy là của hai người nhưng lại kéo theo việc xác lập quan hệ giữa hai gia tộc. Vì vậy, đó không phải là việc lựa chọn một cá nhân cụ thể mà là lựa chọn một dòng họ, một gia đình xem có "*môn đăng hộ đối*" không.

Theo quan niệm đó thì hai nhà phải có sự tương đương nhau về vị trí xã hội, về đời sống, về kinh tế. Người ta không quan tâm đến tình cảm của đôi trai gái chỉ miễn sao hai họ ngồi cùng nhau cho xứng chỗ là được. Nhiều cặp vợ chồng đến ngày cưới mới gặp mặt nhau. Sau đó, nếu hai vợ chồng chung sống không hoà hợp thì đành phải chịu đựng.

Để kén con dâu, các cụ thường dựa vào tiêu chuẩn "tam tòng, tứ đức". Trong đó, "tam tòng" qui định ba điều mà phụ nữ phải theo: Ở nhà thì phải theo cha, lấy chồng phải theo chồng, chồng chết phải theo con. Luật tam tòng đòi hỏi người phụ nữ phải ý thức được vai trò phụ thuộc của mình, phải biết chịu đựng, tuân theo mọi sự quyết định của đàn ông. Còn "tứ đức" gồm: Công, dung, ngôn, hạnh. Công là khéo léo, đảm đang, biết lo toan các công việc trong gia đình của người con gái. Họ phải biết chăm lo đến cái ăn cho mọi người trong gia đình từ bữa ăn hàng ngày đến mâm cỗ ngày giỗ, ngày Tết. Ngoài ra, họ còn phải biết

trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, vá may cho bản thân và gia đình. Dung là nhan sắc. Thời xưa, các cụ quan niệm "cái răng, cái tóc là góc con người". Hàm răng đều, nhuộm đen như hạt na. Mái tóc dài, vấn đuôi gà. Còn quần áo thường may bằng vải lụa hoặc tơ tằm cùng với những chiếc thắt lưng hoa lý. Con nhà khá giả có ống vôi, bình sáp, khuyên tai và xà tích bằng vàng. Tất cả cộng với chiếc nón quai thao tạo nên một vẻ đẹp hoàn hảo. Ngôn là lời nói. Người con gái nói năng phải biết giữ lễ, khúc triết, điềm đạm. Phải cứng rắn nhưng thật mềm mại, lễ độ nhưng không nhu nhược. Hạnh là đức tính tốt đẹp. Người phụ nữ phải hiền dịu biết đường ăn ở, biết cách cư xử đúng mức lễ phép với hai bên bố mẹ, anh chị em, hàng xóm láng giềng. Ngoài những tiêu chuẩn trên còn một tiêu chuẩn không thể thiếu là khoẻ mạnh, không bệnh tật. Với các cụ thì khoẻ mạnh tức là có khả năng sinh đẻ nhiều, đem lại cho nhà chồng con đàn cháu đống. Khoẻ mạnh còn là để gánh vác công việc nhà chồng để chồng có thể yên tâm lo việc lớn.

Ngày xưa, tuổi kết hôn chưa được quy định. Những nhà giàu có thường lo cưới vợ cho con trai rất sớm để có cháu nối dõi tông đường hoặc là để có người làm. Có những cuộc hôn nhân mà vợ hơn chồng hàng chục tuổi, cô gái mười lăm, mười sáu tuổi

phải về làm vợ thằng bé lên năm, lên sáu. Sau khi được gả bán xong, các cô gái đó chỉ có thể than vãn:

Mẹ em tham gạo tham gà
Đem em gả bán cho nhà cao sang
Chồng em thì thấp một gang
Vắt mũi chưa sạch ra đường đánh nhau
Nghĩ mình càng tức càng đau
Trách cha trách mẹ tham giàu tham sang.

Nguyên nhân của những chuyện ép gả trên, hầu hết là do tham giàu sang mà cha mẹ đã ép duyên con cái. Từ cảnh hôn nhân ép uổng ấy, cuộc đời người phụ nữ chỉ toàn những đắng cay tủi nhục:

Thân em mười sáu tuổi đầu
Cha mẹ ép gả làm dâu nhà người
Nói ra sợ chị em cười
Ba năm chuyện thảm, chín mười chuyện cay
Tôi về đã mấy năm nay
Buồn riêng thì có, vui vầy thì không
Ngày thì vất vả ngoài đồng
Tối về thì lại nằm không một mình
Có đêm thức suốt năm canh
Rau heo cháo chó loanh quanh đủ trò.

Sự tủi nhục đắng cay của người con gái là nỗi niềm duyên không đẹp, phận không ưa. Thế nhưng, các ông bố bà mẹ nào quan tâm gì đến nỗi

khổ của con cái, họ chỉ tìm cách để đặt con vào chỗ sang giầu, lắm tiền nhiều của:

Trách cha trách mẹ rằng nhầm
Đem con mà đẩy xuống đầm sao đang
Cha ơi cha khéo vội vàng
Cha nghĩ rằng vàng cha ép duyên con.

Đôi khi họ bất chấp những tiêu chuẩn kể trên, bất chấp tuổi tác chỉ vì tham giàu hay cốt để thoả mãn nhục dục, để bòn công sức lao động.

Trên đây là những tiêu chuẩn kén dâu, còn khi kén rể các cụ trọng nhất là người tài trí. Có thể chàng trai là con nhà nghèo nhưng có học vấn thì sẽ không thiếu điều kiện để vươn lên. Chính vì vậy, nhiều gia đình đại quý tộc sẵn sàng gả con gái cho những chàng trai đó.

2. Tục mai mối

Khi muốn tìm vợ cho con trai, gia đình nhà trai nhờ ông *mai* hay một bà *mối* sang nhà cô gái để ngỏ ý thăm dò trước.

Ông mai, bà mối phải là những người có tuổi, tính tình vui vẻ, hoạt bát, được láng giềng kính nể, và quan trọng hơn là đã có gia đình, sinh con đẻ cái nhiều, có nếp có tẻ, trong nhà hoà thuận.

Bên nhà trai ghi tên họ và tuổi của người con trai rồi nhờ bà mối sang trao cho nhà gái, nếu nhà gái bằng lòng thì cũng cho biết tuổi, ngày

sinh... của con gái mình. Người mai mối là người có công rất lớn trong việc chắp mối lương duyên cho đôi trai gái nên vợ nên chồng. Nhiều dôi trai gái nên vợ nên chồng chỉ qua môi giới của ông mối, bà mối, mãi đến lễ vu quy họ mới thực sự biết mặt nhau.

Sau khi biết được tuổi của đôi nam nữ, nếu họ hợp tuổi nhau thì hai họ quyết định tiến hành lễ cưới, nếu tuổi xung khắc thì thôi. Người ta tin rằng, tuổi tác quyết định hạnh phúc gia đình, đường con cái, có khi là cả tính mệnh của hai vợ chồng. Vì thế, việc tính tuổi tác trước khi kết hôn là một việc quan trọng không thể bỏ qua.

3. Nộp cheo

Trước khi, trai gái muốn lấy nhau, nhà trai phải nộp một số lễ vật cho nhà gái gọi là nộp cheo. Cheo là số tiền công ích nhỏ, hoặc năm bảy chục, một trăm viên gạch, đóng góp cho làng để làng làm giếng, xây đường... Đây là lễ buộc phải có, không có cheo đám cưới không thành. "*Có cưới mà chẳng có cheo, nhân duyên trắc trở như kèo không đanh*". Trai gái trong làng lấy nhau, nộp cheo ít hơn. Trai ngoài làng lấy gái trong xã, nộp cheo nhiều hơn.

Lệ nộp cheo bắt nguồn từ tục "lan nhai" tức là tục chăng dây ở dọc đường hoặc ở cổng làng. Trước

kia, khi có đám cưới, người trong làng tổ chức đón mừng hôn lễ. Họ chăng một giải lụa đỏ ngang đường, có nơi còn đốt pháo để chúc mừng cô dâu chú rể. Để đáp lễ, đoàn đưa dâu mời họ ăn trầu cau, tặng quà tiền. Dần dần, những người cơ hội đã lợi dụng tục lệ này để vòi tiền, sách nhiễu. Để thay thế tục lệ đó, triều đình cho phép làng xã được phép thu tiền cheo. Khi đã nộp cheo cho làng, tức là đám cưới đã được công nhận, có giấy biên nhận của làng. Xưa, giấy biên nhận đó được coi như một tờ hôn thú.

4. Dạm ngõ hay xem mặt

Đây là lễ cho người con trai và người con gái được công khai gặp mặt và tìm hiểu nhau. Trong lễ này, người ta chỉ đem một chùm cau và vài lạng chè đến nhà cô gái . Trong quá trình trò chuyện, nhà gái thường cho cô gái bưng cơi trầu, nước mời khách để tạo cơ hội cho chàng trai và cô gái gặp nhau nên lễ này còn được gọi là lễ xem mặt.

Dạm ngõ chỉ là bước đầu của hôn nhân. Sau khi đã nhận lễ dạm ngõ, nếu có bất kì thay đổi nào thì việc hôn nhân cũng có thể thay đổi.

5. Lễ ăn hỏi.

Sau lễ chạm ngõ là lễ ăn hỏi. Nhà gái có con gả chồng, theo truyền thống là phải có miếng trầu báo tin cho họ hàng, làng xóm, nội ngoại biết. Do

đó nhà trai phải sắm sửa lễ vật để kính biếu mỗi nhà một lễ, có thể gồm: cau tươi, bánh mứt, thiếp báo hỷ, trầu, chè, thuốc.

Lễ vật được bầy vào quả sơn son thếp vàng, hay mâm đồng đánh bóng nhoáng. Người nhà chú rể mang lễ vật tới nhà gái. Gia trưởng nhà gái cho đặt lễ lên bàn thắp đèn hương và cáo tổ tiên (4 lạy rồi quỳ khấn bài khấn ngày lễ ăn hỏi, khấn xong, thêm 4 lạy một vái). Chàng trai và cô gái cùng vào lạy.

Nhà gái lưu lại một phần lễ để nhà trai mang về gọi là "lại quả"

Văn khấn ngày lễ ăn hỏi:

Ngày ... tháng ... năm ... chúng con là ... cùng vợ ... nhận con gái (cháu) ... đã nhận lời gả cho ... làm vợ. Nay nhà trai đã dẫn lễ ăn hỏi, lại dâng lên bàn thờ, cúi xin tiên tổ, ông bà chứng giám, thấu tấm lòng thành, phù hộ cho đôi lứa vợ chồng sau này duyên may phận đẹp, bách niên giai lão.

Cẩn cáo.

6. Báo hỉ

Sau khi lễ Gia tiên xong, người ta chia buồng cau, mứt sen, chè thành nhiều phần nhỏ: mỗi phần một lá trầu, một quả cau, mười hạt mứt sen, một dúm chè. Tất cả được gói vào một túi giấy màu hồng rồi đem biếu họ hàng, hàng xóm để bà con biết nhà mình có con gái sắp đi ở riêng.

Hai gia đình bắt đầu mời khách. Nhà nghèo thì mời miệng, nhà giàu thì đưa thiếp mời. Thiếp là một tờ giấy đỏ, có ghi chữ hỷ (vui mừng). Có hai loại thiếp: một loại chỉ báo tin vui, không mời tới dự cưới, còn một loại là thiếp mời tới dự cưới. Ngày nay, thiếp báo hỷ rất ít thấy, chỉ có những người ở quá xa nhau mới dùng loại thiếp này.

7. Gửi rể

Sau đám hỏi, vài ngày cô dâu phải qua nhà trai đáp lễ bằng cách mời trầu cau, quà bánh cho bà con hàng xóm để họ biết sắp tới mình sẽ về làm dâu gia đình này. Còn chú rể phải thường xuyên đi lại thăm hỏi gia đình nhà cô gái khi có người ốm đau, giúp công giúp sức khi nhà có việc... giống như nghĩa vụ của một người con trong gia đình. Vào những ngày giỗ, Tết, cơm mới hoặc ngày mà gia đình nhà gái có việc hệ trọng như ma chay, cưới xin... chàng trai đều phải đến và mang theo lễ vật. Ngày giỗ thì lá trầu, quả cau, chai rượu. Ngày Tết thì mười cân đường gói mỗi cân vào một bao màu vàng buộc lạt đỏ, bày lên mâm đồng mang sang nhà gái. Tết Đoan ngọ tức ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch lễ thường là một cặp ngỗng đặt trên mâm đồng, cổ buộc lụa đỏ. Khi đội đến đầu ngõ nhà cô dâu, nhà trai ý tứ cấu con ngỗng kêu quang quác báo tin khách quí

đến. Vào mùa cơm mới, tức ngày 25 tháng 10 nhà trai thường biếu nhà gái cặp gà, thúng gạo hoặc đôi cá trắm, cá chép thật to.

Thông thường, chàng trai phải qua lại gia đình nhà gái như vậy hai ba năm. Đó là thời gian thử thách trước khi trở thành thành viên chính thức của gia đình. Bố vợ kén rể khoẻ để giúp sức cho gia đình, cô gái theo dõi tính nết của chàng trai từ dáng người, lời ăn tiếng nói xem có đúng khuôn phép không. Nếu chàng trai có điều gì đó về cô gái thì lặng lẽ bỏ cuộc, không qua lại nữa. Nếu cô gái chê chàng trai thì nhờ bà mối có lời với nhà trai xin "trả của". Cũng có khi vì chàng trai quá nghèo, nhà gái nuôi cho ăn học bốn, năm năm. Nếu thi đỗ thì bố vợ được tiếng thơm là nuôi con rể nên người, làm nên danh giá cho gia đình, làm mát mặt cô gái, mang lại vinh dự nhiều bề. Thông thường thì người đi ở rể không thật thoải mái vì luôn giữ ý tứ, phải cố gắng để vừa lòng bố mẹ vợ và cô gái. Chàng trai phải sẵn sàng làm việc không tiếc sức, lại phải khiêm tốn, vui vẻ, thậm chí phải bỏ qua nhiều chuyện ngang tai trái mắt.

Thời gian gửi rể quá dài, gây nhiều phiền hà trong các mối quan hệ xã hội. Vì thế, người ta đã cải tiến, sau khi nhà gái nhận lễ thì hai gia đình chọn ngày cưới.

8. Lễ dẫn cưới *(hay còn gọi là thách cưới)*

Lễ này còn gọi là lễ nạp tài, xin cưới. Nhà trai phải nộp một số lễ vật gọi là "thách cưới".

Lễ thách cưới thường có 4 khoản.

- Yêu cầu sắm sửa nữ trang y phục cho cô dâu.
- Yêu cầu dẫn một số tiền mặt để lo liệu lễ nghi.
- Yêu cầu đặt một số bàn tiệc tại nhà trai để đón nhà gái đưa dâu.
- Ngoài ra còn một số lễ vật dâng lên tổ tiên.

9. Rước dâu

Sau khi nhà trai đến, chàng rể được mời đến trước bàn thờ lễ 4 lạy, một vái và được dẫn ra chào quan viên hai họ nhà gái. Người ta dẫn cả cô dâu và chú rể đến trước mặt cha mẹ vợ lạy hai lạy và chào cô bác để cho cô gái về nhà chồng. Bố mẹ vợ thường dặn dò con cái phải ăn ở có đức, có lễ.

Thứ tự đám rước dâu: đi đầu là một cụ già đạo mạo, có danh vọng, vợ chồng song toàn, đông con cháu có đủ nam nữ. Cụ mặc áo thụng xanh cầm nắm hương đốt cháy, trịnh trọng đi trước tiếp đến là các vị thân thích nhà trai và nhà gái. Tiếp đến là chú rể và phù rể, sau đó là cô dâu và phù dâu.

Khi đám rước dâu về đến nhà trai, nhà trai sẽ đốt pháo đón mừng (ngày nay người ta không

còn đốt pháo nữa). Khi cô dâu sắp vào phòng cưới, người tốt vía đã được chọn trước sẽ bước vào trải chiếu ra giường để cô dâu là người đầu tiên được ngồi lên đó.

a. Lễ tế tơ hồng

Sau khi quan viên hai họ đã an toạ, cô dâu được dẫn đến trước bàn thờ làm lễ tế tơ (lễ lạy 4 lạy, một vái) và bái kiến cha mẹ họ hàng nhà chồng.

b. Nghi lễ tế tơ hồng

Lễ bày một chiếc bàn trên phủ khăn hồng, giữa đặt bát hương, hai bên là cặp nến đỏ. Lễ vật thường có một con gà trống luộc, một đĩa xôi gấc màu đỏ, một be rượu hồng cùng với hoa đỏ và hương. Ngoài ra còn có một cơi trầu đã têm sẵn.

Người hộ lễ vào dâng hương, rót rượu rồi khum tay đưa lên ngang trán, xướng:

- Tân lang tửu vị (chú rể đứng bên trái)

- Tân nương tửu vị (cô dâu đứng bên phải)

- Thượng hương (chấp sự lấy hương đưa chú rể đốt và cắm lên bát nhang).

- Tiến tửu (chấp sự lấy rượu rót ra chén để chú rể dâng lên bàn thờ)

- Nghinh thần cúc cung bái (rể và dâu cùng xá 5 xá)

- Đọc chúc (chấp sự hay hộ lễ mang bản chúc văn đặt sẵn trên bàn thờ, dâng lên ngang trán và đọc).

c. Chúc Văn

Niên hiệu ..., năm, tháng, ngày, tỉnh ... họ nhà trai là x tên y kết hôn cùng họ nhà gái...

Nay hôn sự đã thành, kính bày vật phẩm dâng lên.

Tơ hồng nguyệt lão thiên tiên.

Chí công, chí chính chẳng lệch chẳng thiên.

Gương ngọc sáng soi hay việc thế. Chỉ hồng xe chặt kết nhân duyên.

Sớm vừa chạm cá vuốt nanh, vui phận vầy duyên kén chọn vâng theo phụ mệnh.

Nay uyên ương đã gắn bó, đẹp đôi xứng lứa cũng bởi Hoàng Thiên.

Bằng phẳng cầu ô đã bắc.

Thuận hoà đạo cả vừa nên.

Kính xin đại đức .

Cúi chứng lòng hiền.

Khang cát phù trợ cho hai họ.

Xướng tuỳ toại nguyện bách niên.

Sinh gái, sinh trai, sớm ứng điềm lành tốt đẹp.

Vui nhà vui cửa trăm năm cảnh phúc lâu bền.

May mắn xây nền đạo cả.

Tài bởi nhờ đức thiên trên

Cẩn cáo.

d. Hộ lễ xướng

- Hợp cẩn giao bôi (chấp sự lấy rượu rót ra chén rồi san ra làm hai, đưa cho chú rể và cô dâu uống làm phép)

- Phần chúc văn, tạ lễ ngũ bái (chấp sự đem chúc văn đi đốt. Rể dâu cùng xá 5 xá).

- Lễ tất (xong lễ).

10. Lễ nhập phòng.

Lế Gia tiên xong, cô dâu, chú rể chào bố mẹ chồng và họ hàng bên nội, rồi theo ông cầm hương vào buồng riêng (tức buồng cưới). Trong buồng cưới, chiếu gấp để ở đầu giường, ông cầm hương trải chiếu ra giường thật vuông vắn, phẳng phiu, không để xô lệch. Sau đó, người nhà bưng cỗ đặt lên giường. Ông cầm hương rót rượu ra một cái chén, sẻ vào hai chén, đưa cô dâu và chú rể, nói lời chúc mừng cô dâu chú rể hạnh phúc rồi lui ra ngoài khép cửa buồng lại một cách ý tứ.

Đây là bữa cơm đầu tiên vợ chồng ngồi chung một mâm. Tục lệ không quy định nghi thức ăn uống nên ăn uống thế nào là do vợ chồng tự sắp. Ăn cơm xong có thể rửa bát ngay nhưng cũng có thể để đến hôm sau mà không bị bố mẹ trách mắng.

11. Làm cơm mời bố mẹ chồng.

Nếu là dâu trưởng thì sau đêm động phòng hoa chúc, nàng dâu phải làm một mâm cơm dành riêng mời bố mẹ chồng thể hiện rằng mình đã bắt đầu công việc cơm nước trong nhà, và phụng dưỡng bố mẹ chồng.

Nàng dâu cần sắp một mâm cơm tươm tất, tinh khiết mà không cần phải là của ngon vật lạ, điều quan trọng hơn là "cơm dẻo, canh ngọt".

Sau khi đã chuẩn bị xong, nàng dâu mời bố mẹ ra xơi cơm, đứng trước mặt bố mẹ lạy hai lạy rồi hầu rượu, hầu cơm chu đáo. Chỉ khi mẹ chồng hoặc bố chồng miễn lễ mới lạy tạ rồi đi ra.

Bố mẹ chồng có thể nhận biết được phần nào "công", "hạnh" của con dâu mới qua bữa cơm đầu tiên này.

12. Lễ lại mặt.

Sau ngày cưới là ngày lễ “lại mặt”. Cô dâu và chú rể trở lại gặp mặt bố mẹ vợ. Lễ này tự nhà trai sửa biện: có xôi gà, rượu bánh, hoa quả... đặt lên bàn thờ tổ tiên, sau khi đèn nhang, chủ nhân vào lạy 4 lạy, rồi quỳ khấn, đại khái:

Hôm nay ngày ... hôn lễ đã xong, dâu rể về thăm nhà, gọi là lòng thành kính dâng lễ vật lên bàn thờ.

Cúi mong tiên tổ chứng giám.

Cẩn cáo.

Khấn xong, tạ lễ 4 lạy, 1 vái, cô dâu chú rể cũng vào lễ 4 lạy và 1 vái (hay 4 xá).

Khi hạ lễ, bố mẹ vợ thường bày cơm rượu mời vợ chồng trẻ cùng họ hàng, thân quyến trong gia đình ăn uống vui vẻ.

VIII. *NHỮNG ĐIỀU KIÊNG KỊ TRONG TẬP TỤC CỔ TRUYỀN*

1. Trong cưới hỏi

Cưới xin ở nước ta được coi là việc hệ trọng của cả đời người. Vì vậy, đi đôi với thái độ thận trọng còn có những điều kiêng kị mà ít nhiều người ta vẫn thực hiện theo tập quán truyền lại.

Các lễ nghi về cưới xin của ta bắt nguồn từ Trung Quốc nhưng khi vận dụng đã giảm từ 6 lễ (nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp tệ, thỉnh kỳ, thân nghinh) sang còn ba lễ: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi và lễ cưới. Trước đây, cưới xin do cha mẹ định đoạt, nhờ mối lái, còn con cái không được quyền quyết định. Nay con cái được quyền lựa chọn người yêu, song song với các lễ kể trên còn phải làm thủ tục đăng ký tại cơ quan hành chính. Cùng với sự thay đổi tận gốc về cưới xin, những điều kiêng kị trong cưới xin cũng không còn giữ nguyên như một số tập quán kể dưới đây. Chúng ta nên "gạn đục khơi trong" và vận dụng tùy theo hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Điều phổ biến nhất trong cưới xin là người ta phải chọn "ngày lành tháng tốt" để chuyện vợ chồng được hoà thuận. Với lễ cưới đôi khi chọn cả mùa và cả năm nữa. Việc chọn ngày trong mỗi lễ kể trên được tính theo âm lịch (định các ngày trong tháng theo mặt trăng và định các tháng trong năm theo mặt trời) và hệ đếm can chi. Người ta kiêng tổ chức lễ cưới vào những ngày: Tam chi, thụ tử, sát chủ, vãng vong, nguyệt kỵ, tam nương, không phòng, quả tú... Họ cho rằng nếu cưới vào những ngày này sẽ không có con, vợ chồng không ở với nhau được bền lâu.

Khá phổ biến trong cưới xin là tục so đôi tuổi. Người ta cho rằng vợ chồng có hợp tuổi nhau thì gia đình mới hoà thuận, hơn nữa hợp tuổi còn ảnh hưởng đến việc sinh con và việc sống chết của nhau. Những tuổi hợp nhau giữa nam và nữ căn cứ theo bảng:

1. Dần, Ngọ, Tuất

2. Tỵ, Dậu, Sửu

3. Thân, Tý, Thìn

4. Hợi, Mão, Mùi

Những người tuổi xung khắc nhau thì kiêng lấy nhau:

1. Tý, Ngọ, Mão, Dậu

2. Dần, Thân, Tỵ, Hợi

3. Thìn, Tuất, Sửu, Mùi

Đã không ít trường hợp vì tin theo thầy số mà nhiều đôi lứa tuy hợp nhau về tình cảm, văn hoá, sức khoẻ mà đành không lấy nhau vì "tinh" của hai người xung khắc.

Dưới thời phong kiến, người ta coi trọng "môn đăng hộ đối" nên kỵ lấy vợ cho con trai, hoặc gả chồng cho con gái thuộc gia đình làm mõ, thường là nghèo khổ nhất; gia đình ngụ cư, bị buộc phải rời bỏ quê hương mình tìm đến sinh sống ở nơi khác.

Do thành kiến xã hội, người ta kiêng không lấy cô đầu, gái nhảy, ca hát hoặc con của kẻ trộm cướp, lừa đảo, tù tội và con hoang.

Do trình độ y học còn hạn chế, người ta kiêng không lấy con của gia đình có người mắc bệnh hủi, bệnh lao, bệnh phong cũng như kiêng không lấy người bị dị tật như sứt môi, khoèo chân, khoèo tay, mắt lác, nói ngọng, méo mồm, nghễnh ngãng... Người ta cho rằng người bị dị tật sau này sẽ ảnh hưởng xấu đến con cái.

Khi tìm vợ cho con trai, người ta kị chọn con gái mắc tính xấu như lăng loàn, ăn cắp vặt... Khi gả chồng cho con gái cũng kỵ con trai cờ bạc, rượu chè, hung bạo...

Điều kiêng kị nữa trong cưới xin là người chung huyết thống không được lấy nhau. Trong dân gian, nếu cùng họ ba đời mà lấy nhau thì họ

hàng không chấp nhận. Luật pháp nước ta ngày nay cũng qui định cùng chung huyết thống ba đời, kể cả bên bố lẫn bên mẹ, đều không được lấy nhau.

Trước đây, trong cưới xin người ta cần chọn người mối lái người đại diện họ nhà trai, đại diện họ nhà gái. Việc chọn người thường nhằm vào vợ chồng song toàn, đông con cháu, gia đình sung túc, hoà thuận, kỵ người goá vợ, goá chồng, ít con hoặc sinh con một bề, gia đình lục đục, túng thiếu. Ngay việc trải chiếu lên giường cưới cũng cần chọn người đủ tiêu chuẩn như trên.

Theo tục xưa, cha mẹ kiêng đưa con gái về nhà chồng. Sở dĩ có tục như vậy là do trong chế độ phong kiến cũ, hôn nhân cưỡng ép, thường là cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Nên ngày vu quy đáng lẽ là ngày vui nhất trong đời của người con gái thì họ lại khóc lóc buồn tủi vì sự ép buộc, người thì sợ cảnh làm dâu, làm vợ, từ tấm bé chưa rời mẹ nay mẹ con phải xa nhau, còn mẹ của cô dâu thì vì thương con nên khóc sụt sùi. Có nhiều trường hợp sau khi tiệc tan thì đã thấy hai mẹ con cô dâu trốn về tự bao giờ. Vì vậy, rút kinh nghiệm người ta đặt ra tục mẹ cô dâu kiêng không đi đưa dâu. Bố của cô gái cũng kiêng không đi đưa vì họ cho rằng khi đó con nhà mình đã được gả bán cho nhà người khác. Nay hôn nhân được tiến hành trên cơ sở tự nguyện nên có nhiều đám cưới đã bỏ tục kiêng này.

2. Trong tang ma.

Lễ tang cốt để tỏ lòng thương xót đối với người chết. Song lễ phải làm theo đúng những nghi thức qui định nghiêm ngặt thành ra trong việc tang chỉ thấy nhiều điều kiêng kị phiền hà chứ không thấy bộc lộ tình cảm tự nhiên. Một số tập quán kiêng kị về việc tang ma trước đây cũng đã dần thay đổi theo hoàn cảnh xã hội ngày nay. Những hủ tục như làm ma linh đình đến nỗi phải vay nợ đã bị các nhà văn, nhà nghiên cứu văn hoá nước ta bài bác. Mặt khác, nhiều nghi thức mới về lễ tang được nhà tang lễ ở các thành phố, thị xã đưa vào áp dụng.

2.1. Kiêng kị trong các trường hợp thực hiện việc tang.

Trường hợp con chết trước cha mẹ, ở một số địa phương miền Bắc có tục kiêng không để cha mẹ đưa tang con. Con chết non gây nhiều nỗi đau thương cho cha mẹ, là nghịch cảnh. Giờ hạ huyệt, nhiều ông bố bà mẹ vì quá thương con đã ngất đi, nhiều khi nguy hiểm đến tính mạng. Chẳng những bố mẹ mà các ông bà già trong nội thân, sức đã yếu cũng không nên đi đưa tang. Tục này nhằm làm vơi nỗi đau buồn và để tránh nạn trùng tang. Với những người bị nạn sông nước, khi đang được cứu chữa, người ta kiêng không cho cha mẹ hay con cái

của nạn nhân vào vì cho rằng nếu lúc đó có mặt người thân thì không thể cứu chữa được.

Trường hợp người bị thắt cổ chết, khi phát hiện người đó đã chết hẳn, người ta kiêng tháo dây mà phải dùng dao chém đứt dây khi người đó còn treo lơ lửng. Sở dĩ làm vậy vì cho rằng có chém đứt sợi dây thì mối oan nghiệt mới dứt và gia đình người đó sẽ tránh được cái chết thắt cổ theo đuổi.

Trường hợp người chết ở ngoài nhà, ngoài làng người ta kiêng đưa xác về nhà. Lúc đó phải quàn thi hài thân nhân và tổ chức lễ tang tại nơi mất, hoặc phải dựng lán ngoài đồng để thực hiện việc tang. Nếu đưa người chết ở ngoài về nhà, sẽ mang theo âm khí, không có lợi cho việc làm ăn, sinh sống...

2.2. Kiêng kỵ trong khi tiến hành tang ma.

Trước hết, người ta phải chọn giờ, tránh tuổi, kiêng tuổi khi làm lễ nhập quan. An táng thường chọn ngày Thiên Hỉ, Thiên Đức, kị ngày Tử Khí, Quan phù...

Khi thi hài chưa đặt vào quan tài, con cháu và người thân phải cắt cử nhau coi giữ suốt ngày đêm. Họ kiêng không để cho chó mèo nhảy qua xác chết, tránh hiện tượng quỷ nhập tràng - người chết bật đứng dậy rồi sau đó ngã xuống tức thì. Dưới ánh sáng khoa học, hiện tượng quỷ

nhập tràng được giải thích là do xác chết bị hút bởi một lực cảm ứng điện trường. Có thể do chó, mèo nhảy qua hoặc một giọt nước mắt của người thân hoặc một chén rượu hắt vào xác chết cũng làm cho xác chết bật dậy.

Khi chôn cất người ta kiêng dùng quần áo, đồ dùng của người đang sống cho người đã chết. Sở dĩ, có tục kiêng như vậy vì họ cho rằng những đồ vật trên đây đã mang hơi của người sống. Nếu người chết mang đi, tức là đã chôn một phần của người sống. Từ đó cuộc sống của người sống không trọn vẹn, có thể bị ngớ ngẩn, đần độn, hay quên...

Ở những gia đình có người già mất, từ chập tối người nhà đã phải đóng cổng, kiêng lên tiếng trả lời khi chưa nhận ra tiếng của người gọi ngoài cổng. Họ cho rằng, người già mới chết còn nhớ con nhớ cháu, tối đến về nhà gọi con cháu, ai thưa sẽ bị bắt đi theo.

Con cháu kiêng mặc đẹp, kiêng đi giầy dép, kiêng đánh răng, kiêng rửa mặt, kiêng tắm rửa, trang điểm mà phải đội mũ rơm, chống gậy tre hoặc gậy vông, nằm lăn ra đường... Người ta cho rằng khi cha mẹ chết bổn phận của con cái là phải thương xót. Thương xót thì phải khóc, phải lăn mình, vật mẩy, phải đánh vào quan tài vì tội của quan tài là mang mất cha mẹ mình đi. Họ sợ trong lúc quá đau thương mất trí, con cái đập đầu vào quan tài sẽ vỡ

đầu nên phải đội mũ rơm. Họ sợ con cái lăn khóc nhỡ sảy chân ngã gãy lưng, vẹo hông nên bắt chống gậy cho vững hơn. Nằm lăn ra đường là để cản những người khiêng hoặc đẩy xe đưa cha mẹ ra đồng. Lăn đường để tỏ lưu luyến, giằng giữ mặc dù thừa biết có giữ cũng chẳng được, mà cũng không thực tâm giữ mãi thi hài ở trong nhà được.

Sau khi mới chôn ba ngày, người ta đắp mộ kỹ lưỡng trong khi làm lễ mở cửa mả. Từ đấy trở đi, kiêng không đắp mộ trong vòng tang. Tục này để phòng mồ mả bị sập, bị động trong thời gian áo quan và thi hài đang tan rữa. Con cháu đến viếng mộ thắp hương chỉ lấy đắp vào những chỗ sụt lở, kiêng trèo lên mộ, kiêng động cuốc, thuổng vào mộ.

2.3. Kiêng kị trong việc ứng xử tang ma.

Thời xưa, khi cha mẹ mất, con cái để tang ba năm. Trong thời gian đó, người ta kiêng lấy vợ lấy chồng. Người ta cũng kiêng đến nhà người khác trong dịp lễ Tết, dự hội, lễ cưới, khao vọng... trong khi mình đang có tang. Bởi vì họ cho rằng trong nhà có bố mẹ chết thì mọi người trong nhà đều nhuốm sự lạnh lẽo. Người ta không thể mang cái lạnh lẽo đó đến nơi vui mừng như đám cưới, đám hội, đám khao hay mang vào đình làng, hay vào nhà người khác trong dịp đầu năm mới đầy ắp tiếng cười được. Nếu ai đó không giữ được những điều kị trên thì sẽ bị cho là đem xúi quẩy đến cho

người khác và dân làng. Triều đình phong kiến cũng cấm ngặt sĩ tử đang có đại tang (tang cha, tang mẹ) vào trường thi. Nhiều người dùi mài kinh sử chờ đến khoa thi nhưng buộc phải bỏ lỡ cơ hội khi vấp phải tục này. Xã hội rất kị hiện tượng sĩ tử có đại tang mà lại đăng trường.

Khi trong nước có quốc tang, người ta hoãn các hoạt động vui chơi, biểu diễn, hội hè, liên hoan, giải trí... Trong đời sống cần kiêng, tránh thái độ vô ý thức, thiếu nghiêm túc.

Khi đi dự đám tang, người kiêng ăn mặc lố lăng, hở hang, loè loẹt, kiêng cười nói to, nô đùa ầm ĩ. Khi đi đường gặp đám tang, người ta thường xuống xe, ngả mũ, kiêng bóp còi ô tô, xe máy.

Ngoài ra, người sống kiêng mặc áo thừa, nằm giường thừa của người chết. Người làng khác chết kiêng không cho đưa ma qua làng, sợ độc. Trong những ngày này, những người trong họ, hàng xóm cũng kỵ làm đám cưới, đám khao. Họ coi "nghĩa tử là nghĩa tận" nên không ai nỡ tổ chức cuộc vui khi trong họ, trong xóm đang trong cảnh tang tóc đau thương.

3. Trong thờ cúng.

3.1. Kiêng nhắc tên ông, bà, cha, mẹ đã khuất.

Đối với ông, bà, cha, mẹ cũng như các bậc tổ tiên khi đã khuất, con cháu thường tránh nhắc tên,

khi gặp tiếng trùng của các bậc này, con cháu thường gọi tên chệch đi. Trong đời sống hàng ngày, khi bị người khác gọi tên có thể gây nên thù oán. Để tránh người khác xúc phạm đến các bậc tổ tiên của mình, người ta gìn giữ cách cư xử, tránh va chạm và nhất là kiêng nhắc tên của các bậc tổ tiên. Lúc giỗ tết, gia trưởng khi khấn tế đến các tên các bậc tổ tiên cũng chỉ phát âm khẽ tránh bất kính. Khi con cháu còn nhỏ thường không được biết tên của các bậc tổ tiên, e chúng thiếu gìn giữ, mang tiếng cha mẹ. Khi đặt tên con, tập quán ở nước ta thường kiêng đặt trùng tên với tên của các bậc tổ tiên.

3.2. Kiêng kị đối với nơi thờ cúng.

Trong mỗi gia đình Việt Nam, mỗi đình, chùa, miếu, đền... đều có lập bàn thờ gia tiên, bàn thờ Thành hoàng, bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh... Bàn thờ là nơi thể hiện lòng thành kính nên luôn phải gìn giữ sạch sẽ, trang nghiêm. Phía trước bàn thờ có y môn, mành hoặc trướng che để kị nhìn thẳng vào. Bàn thờ cũng có thể không che phía trước nhưng được đặt cao hơn tầm người đứng nhìn. Người ta thường thiết lập bàn thờ ở vị trí tốt nhất trong nhà như ở gian giữa, trên tầng cao. Trên bàn thờ chỉ đặt những đồ thờ, lễ vật, kiêng đặt những đồ dùng thường ngày.

Bàn thờ cũng có bát hương, có thể một hoặc nhiều bát hương. Người ta kị xê dịch bát

hương, kị bát hương không được đặt ngay ngắn, chính vị trên bàn thờ và phải lau chùi bát hương luôn sạch bóng. Vào những ngày cuối năm, người ta rút chân hương, thay bằng tro hoặc cát để vào trong bát hương. Khi đó, kị đem chân hương đun mà phải đốt lấy tro, toàn bộ tro này và tro trong bát hương kị đổ ra bếp, vườn, đường đi mà nên đổ xuống sông, ao, hồ... Khi cắm hương vào bát hương, người ta kị cắm hương xiêu đổ, nén hương bị tắt hoặc đốm lửa giữa các nén hương không đều nhau. Số lượng các nén hương được thắp cũng được chọn theo số lẻ, kiêng số chẳn.

Cỗ cúng đặt trên bàn thờ cần phải thơm ngon tinh khiết. Người khéo nấu cỗ thường không nếm thức ăn mà chỉ "ngửi" đũa khi gia giảm và phải múc nguyên ở trong nồi. Cỗ cúng phổ biến dùng thịt gà, thịt lợn..., kiêng dùng thịt chó, thịt mèo, cua, lươn, ốc, ếch để nấu cỗ cúng, một số thức ăn như bún... cũng kiêng cúng. Trong các cuộc tế lễ lớn, người ta thui chín cả con trâu hoặc con bò nhưng khi đã thái nhỏ lại kiêng bày lên cúng. Người làm cỗ cúng phải sạch sẽ, kỵ nếm bốc, ăn vụng trong khi bày cỗ.

3.3. Kiêng kỵ đối với người khấn tế.

Đối với người khấn tế, phải tắm gội sạch sẽ, ăn mặc chỉnh tề, kỵ làm những công việc phải tiếp xúc

với chất uế tạp hoặc đang ở trạng thái mệt nhọc, say rượu... Nếu trong thời gian gần, người khấn tế có đại tang hoặc gặp tai nạn gì đó thì phải thay thế người khác.

Trước đây, mỗi làng ở đồng bằng Bắc Bộ đều cử ra một người làm nhiệm vụ nuôi lợn thờ thần và trông nom đình gọi là ông Đám. Ông Đám làm chủ lễ trong các cuộc tế lễ ở đình. Ông Đám được chọn trong những người đàn ông ngoài 50 tuổi, không tàn tật, không có tang, không goá vợ, không can án. Ông Đám phải kiêng kỵ nhiều điều như: kiêng đi chân đất, kiêng để đầu trần, kiêng làm công việc thiếu vệ sinh, kiêng mặc áo quần màu trắng, kiêng dự đám tang, kiêng vợ có chửa... Nếu hoàn cảnh khiến ông Đám không kiêng kị được, ông Đám buộc phải lễ trầu rượu tạ với nhà Thánh và có lời với dân làng để làng bầu người khác thay. Sở dĩ, người ta đặt ra những điều kiêng kị đó là do nếu ông Đám mà đầu trần chân đất thì sẽ không còn tinh khiết nữa. Mà đã không tinh khiết thì khi hành sự sẽ phạm tội bất kính. Việc thờ phụng Thành hoàng làng có quan hệ đến đời sống của cả làng, nên người làm việc này phải rất cẩn trọng. Đội nón, che ô là để mặt trời không chiếu vào mặt và ngăn tà khí, bụi bặm không xâm nhập được vào đầu tóc, mặt mũi. Ông Đám không được đi chân đất vì đất cát bao gồm

nhiều tạp chất, có cả chất uế tạp nên nếu đi chân đất thì những chất đó sẽ ngấm vào da thịt. Khi đó sẽ không giữ được sự thanh sạch. Về trang phục, ông Đám phải kiêng mặc đồ trắng vì đó là biểu tượng của tang tóc, lạnh lẽo. Ông Đám phải kỵ những việc tang ma, chết chóc xúi quẩy khi làm việc phụng sự thần. Nếu vợ ông Đám có chửa tức là ông đã làm điều phàm tục, động chạm đến những cái không sạch sẽ. Khi đó, nếu thắp hương, rót nước cúng Thánh là đã phạm trọng tội với ngài. Thành hoàng làng là đấng chí tôn. Việc thờ phụng ngài là công việc hệ trọng nên phải tránh mọi sự bất kính, nếu không e thần giận, tai hoạ sẽ giáng xuống dân làng.

3.4. Kiêng kỵ đối với việc đốt vàng mã.

Vào những ngày giỗ Tết, người ta đốt vàng mã cho gia tiên, thổ công, thổ địa. Sau khi cúng lễ xong, vàng mã được đem đi đốt. Trong khi đốt vàng mã cần lưu ý:

- Kiêng đốt không hết: Quần áo, mũ ngựa, vàng thoi, vàng lá, tiền giấy... không cháy hết sẽ bị thủng khiến người cõi âm không dùng, không tiêu được.

- Kiêng làm rách vàng mã trước khi đốt. Nếu vàng mã đã bị rách thì Gia tiên, Thổ công, Thổ địa cũng không dùng được. Vì vậy phải nhẹ tay, giữ gìn không để rách.

- Kiêng sắm thiếu, khấn sai: Trước khi đốt vàng mã, người ta còn ghi tên trên từng đồ vật và chia thành từng cỗ cho từng vị. Trước và trong khi đốt vàng mã, người ta khấn gia tiên, thần linh. Nếu không khấn thì gia tiên, thần linh không nương theo khói hương về nhận.

Tục lệ thờ cúng mang ý nghĩa đẹp đẽ, thiêng liêng, thể hiện lòng biết ơn và tưởng nhớ người đã khuất. Ý nghĩa này biểu lộ ngay trong những điều kiêng kị đã nêu. Nhớ thương người đã khuất, người ta nhớ giỗ, làm giỗ, việc làm đó thật có ý nghĩa nhưng cũng không nên ăn uống linh đình. Nhiều gia đình sinh ra khó khăn, thiếu thốn vì cớ nay giỗ mai Tết. Vì thế, lễ giỗ cần tổ chức sao cho thanh đạm, giản tiện nhưng thực đủ bày tỏ lòng thành kính, không nên bày vẽ tốn kém hoặc miễn cưỡng theo tục lệ để rồi phần nhớ đến tổ tiên thì ít mà phần lo thiết đãi khách, họ hàng thì nhiều.

IX: THỜ CÚNG TRONG NHỮNG NGÀY LỄ TẾT

Trong đời sống sinh hoạt của người dân Việt Nam có nhiều ngày lễ tết. Trong những ngày này, mỗi một gia đình thường thắp hương thờ cúng tổ tiên và các vị chư thần quan trọng. Tuy vậy, tuỳ thuộc vào đặc điểm và tính chất của ngày lễ mà việc sửa soạn đồ tế và nghi thức tiến hành có khác nhau. Sau

đây chúng tôi giới thiệu hoạt động thờ cúng tại gia đình trong một số ngày lễ tiêu biểu sau:

1. Tết nguyên đán

Đây là Tết to nhất và là kỳ nghỉ dài nhất, quan trọng nhất trong năm của người Việt Nam. Nói là dài bởi thực chất Tết chỉ diễn ra chủ yếu trong ba ngày song việc chuẩn bị và dư âm của nó thì kéo dài tới cả tháng.

Công việc chuẩn bị thường bao gồm: sửa sang, trang hoàng nhà cửa, đi chợ, mua đồ, gói bánh chưng, dán câu đối, dựng cây nêu, lau rửa đồ thờ phụng.

Việc cúng tế trong 3 ngày Tết diễn ra như sau:

- Cúng giao thừa: việc cúng giao thừa được tiến hành vào 24 giờ đêm 30 tháng chạp âm lịch. Trong thời điểm này, ở các gia đình thường bày hương án và cỗ bàn, đợi đến lúc giao thừa thì cúng gia tiên. Người ta tin rằng mỗi năm có một ông hành khiển trông coi việc nhân gian, hễ hết năm thì thần nọ phải bàn giao công việc cho thần kia, cho nên công việc cúng tế ngoài ý nghĩa đón những người đã khuất về sum họp quây quần nó còn có ý nghĩa tiễn ông cũ để đón ông mới.

- Sáng mồng một Tết:

Vào sáng ngày mồng một Tết, các gia đình thường làm cỗ cúng gia tiên và cúng cả Thổ Công, Táo Quân, Nghệ sư,... Việc bày cỗ bàn thế nào tuỳ

thuộc vào điều kiện của từng gia đình, song thường là không thể thiếu: bánh chưng, cá kho, giò chả, dưa hành, thịt bò... có nhà còn dựng hai cây mía để làm gậy cho tổ tiên, ông bà.

Có những vùng làm cỗ bàn cúng vào sáng sớm song cũng có những vùng người ta cúng trưa hoặc cúng chiều.

Vào ngày mồng một Tết, việc nói năng, hành xử, quét tước thường rất được chủ nhân chú ý. Trong ngày này người ta thường không nói bậy, không chửi bậy, không nói chuyện gở, không nói điều xui xẻo,... Việc quét tước cũng nên kiêng. Thông thường khi quét nhà người ta không hót rác đem đổ mà vun vào một góc nhà, chờ ba hôm động thổ rồi mới đem đổ.

- Việc đón Tết trong 2 ngày mồng hai, mồng ba chủ yếu để dành cho việc thăm hỏi vấn an ông bà, cha mẹ, họ hàng, làng xóm, đồng nghiệp...

- Ngày mồng bốn: Đây là ngày hoá vàng. Nếu trùng vào ngày xấu hoặc chạm phải ngày tuổi của chủ nhà thì có thể hoá trước hoặc sau một ngày, có nhà để đến mồng bảy mới hoá vàng. Trong ngày này, người ta cũng làm cỗ bàn cúng tiễn tổ tiên, ông bà rồi con cháu tụ tập ăn uống vui vẻ với nhau.

2. Tết hàn thực

Tết Hàn thực nhằm vào ngày mồng ba tháng ba âm lịch xuất phát từ truyền thuyết của

Tàu, là ngày cúng Giới Tử Thôi. Trong ngày này, người ta thường ăn đồ lạnh. Nhưng ở ta, người dân thường làm bánh trôi bánh chay thay thế cho đồ lạnh và chỉ để cúng gia tiên.

3. Tết thanh minh

Trong khoảng tháng Ba, có một tiết hậu gọi là tiết thanh minh. Thanh minh nghĩa là trời vào lúc mát mẻ quang đãng. Vào ngày này, con cháu thường đi tảo mộ nhằm thăm mộ tổ tiền nhân, sửa soạn đắp điếm lại sau đó về nhà làm mâm cỗ cúng gia tiên.

4. Tết đoan ngọ

Tết đoan ngọ diễn ra vào ngày mồng năm tháng năm âm lịch.

Vào Tết này, người dân thường lấy lá nhuộm các đầu ngón chân, ngón tay. Sáng sớm, người ta thường ăn hoa quả, rượu nếp, trứng luộc, kê, bánh đa,... Người lớn có thể uống rượu và xoa ít tâm thần đơn, hoặc hồng hoàng vào thóp đầu, vào ngực vào rốn để khử trùng.

Nhiều người mua bùa chỉ đeo cho trẻ con. Bùa chỉ thường kết bằng chỉ ngũ sắc và lấy những mụn lụa, mụn the kết hoa sen, quả đào, quả khế, quả ớt. Vào buổi trưa thì làm cỗ cúng tổ tiên.

5. Rằm tháng bảy

Rằm tháng bảy còn gọi là tết Vu Lan, tết xá tội vong nhân. Theo quan niệm của Phật giáo, đây

là ngày xá tội vong nhân, nghĩa là dưới âm phủ được xá tội một ngày. Có nhiều nhà thường mua vàng mã cúng gia tiên và cúng chúng sinh.

6. Tết Trung thu

Tết Trung thu nhằm vào rằm tháng tám. Đây là ngày lễ của trẻ con song lôi cuốn rất nhiều sự tham gia của người lớn. Vào ban ngày người ta làm cỗ cúng gia tiên. Đến đêm mới chuẩn bị cỗ bàn để thưởng trăng. Trẻ con kéo ra đường tham gia vào nhiều hoạt động vui chơi như rước đèn ông sao, múa lân, múa sư tử và cuối cùng là phá cỗ.

7. Tết Táo Quân

Tết Táo Quân diễn ra vào ngày 23 tháng chạp. Tục truyền rằng mỗi gia đình có một ông Táo Quân trông coi việc bếp núc. Đây là ngày Táo Quân về chầu Trời để báo cáo mọi việc lên Thiên Đình. Vào ngày này, người ta thường mua mũ ông, mũ bà về để thờ và mua cá chép về thả để làm ngựa cho Táo Quân cưỡi về Trời.

Như vậy, người Việt Nam có khá nhiều ngày lễ, tết được lưu truyền. Phần lớn những ngày này đều bắt nguồn từ phong tục dân gian Trung Hoa, song nhân dân ta thường làm cỗ cúng tổ tiên. Đây cũng là một minh chứng cho sự ảnh hưởng sâu đậm của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong đời sống tinh thần của nhân dân ta.

B. THỜ CÚNG TRONG LÀNG XÃ

I. THỜ THÀNH HOÀNG

1. Thành Hoàng là vị thần cai quản, che chở, định đoạt phúc hoạ cho một cộng đồng người sống trong đơn vị hành chính. Thành Hoàng là một từ Hán Việt, vốn là một từ chỉ vị thần bảo hộ của Trung Quốc được du nhập vào Việt Nam từ thời Đường và tiếp tục phát triển trong các triều đại Việt Nam.

Nước ta có 2 hệ Thành Hoàng khác nhau: Hệ Thành Hoàng kiểu Trung Quốc và hệ Thành Hoàng làng của người Việt.

Hệ Thành Hoàng cả nước, tỉnh, là những vị thần vô danh, tối linh không có thần tích nhân bản, cũng không phải là một thần linh theo mô hình Trung Quốc.

Hệ Thành Hoàng làng thường dùng hai chữ Thành Hoàng để chỉ chung, còn trong văn bản thường dùng từ: Đương cảnh Thành Hoàng, Bản cảnh Thành Hoàng, Bổn cảnh Thành Hoàng,... là những khái niệm chỉ một vị thần vốn có của địa phương, một vị thần sở tại chứ không do nhà vua đưa xuống áp đặt cho dân làng phải thờ cúng. Vị thần này thường "âm phù" vua đánh giặc khi vua hành quân qua địa phương nên vua công nhận là Thành Hoàng. Các triều đại sau thường bắt dân

khai báo những vị thần mà làng họ thờ rồi nhà vua xét phong cho làm Thành Hoàng, cấp sắc phong. Nghĩa là Thành Hoàng làng người Việt là một người được dân thờ từ trước, sau đó mới được vua phong tước vương với chức danh là Thành Hoàng (vị thần làng được quan chức hoá trở thành vị quan linh thiêng của triều đình) trấn giữ làng.

Ngoài những vị Thành Hoàng được nhà vua thừa nhận thì có nhiều làng thờ Thành Hoàng mà nhân dân cho là thần như: người chết trẻ, trẻ con, người ăn xin, ăn trộm,... Sở dĩ những người này được thờ vì dân làng tin họ chết vào giờ thiêng nên thường ra oai khiến dân làng nể sợ mà thờ.

Thành Hoàng được thờ trong đình, miếu. Thần điện Thành Hoàng trong miếu chỉ là một bệ thờ trên đặt lư hương, đèn, lọ hoa và thường trên vách có một chữ Thần bằng chữ Hán. Thần điện Thành Hoàng ở đình bài trí phức tạp hơn: có khám thờ, bên trong đặt thần chủ (bài vị) có khi là tượng, đa số là ngai và áo mũ. Hai bên có tả ban, hữu ban, tiên hiền, hậu hiền là những thần linh đã phối hưởng, có kiệu, ngựa.

Sự thờ phụng Thành Hoàng tượng trưng cho làng xã và sự trường tồn của thôn ấp. Thành Hoàng là biểu hiện của lịch sử, phong tục, đạo đức, pháp luật cùng hy vọng của cả làng. Đồng thời là một thứ quyền uy siêu việt, một mối lên hệ vô hình

giúp cho làng xóm trở thành một cộng đồng có tính chất chặt chẽ, đoàn kết, thương yêu nhau.

2. Việc thờ Thành Hoàng làng ở nước ta hiện nay hoàn toàn chưa có sự thống nhất. Có làng chỉ thờ một vị thần song có làng thờ tới 3, 4 vị thần. Do đó mà sinh ra việc phân chia thứ bậc các vị thần được thờ. Thông thường các vị thần được chia làm ba hạng: Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần và Hạ đẳng thần.

- Thượng đẳng thần là những vị thần nổi tiếng đã được mọi người biết đến và trở thành những huyền thoại được lưu truyền trong sử sách: Phù Đổng Thiên Vương, Sóc Thiên Vương, Chử Đồng Tử, Mẫu Liễu Hạnh,... và các vị thần Danh sơn Đại xuyên.

Thượng đẳng thần ngoài ra là những nhân thần (hay còn gọi là á thần). Đó là những người sinh thời có công lao to lớn với đất nước, được nhân dân nhớ ơn mà thờ phụng: Hưng Đạo Đại Vương, Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Hai Bà Trưng,...

- Trung đẳng thần: Là những vị thần được dân làng thờ phụng từ rất lâu song không rõ về họ tên, công trạng chức danh. Những vị thần này chủ yếu tồn tại trong quá trình truyền khẩu của nhân dân.

- Hạ đẳng thần được đưa vào thờ phụng song tung tích hoàn toàn không rõ ràng. Đây cũng có thể là những người chết trôi, ăn xin,... do dân ta mê tín mà thờ phụng.

II. ĐÌNH, MIẾU, ĐỀN THỜ TRONG LÀNG

Trong mỗi một làng ở Việt Nam hầu hết đều có nơi thờ phụng. Đặc biệt là các làng ở Miền Bắc. Có làng có cả đình, đền và miếu, mỗi loại có một chức năng khác nhau trong hoạt động thờ phụng của dân làng.

Miếu, đền là nơi thờ chính. Đình là nơi thờ vọng. Để xây dựng miếu, đình, người ta thường chọn mảnh đất có địa thế đẹp (thông thường là mảnh đất cao ráo, thoáng, sạch, trước mặt có sông, hồ hoặc khe nước) và ở vào nơi trung tâm của làng. Miếu được dựng trên chỗ đất cao nhất với diện tích vừa phải còn đình được dựng thấp nhưng với diện tích lớn hơn. Vì miếu là nơi thờ phụng, còn đình là nơi hội họp, tụ tập của dân làng.

Đình và miếu được xây dựng khá tương xứng với nhau về mặt kiến trúc. Trong cùng là chính tẩm, hay còn gọi là nội điện, là nơi để tế thần vị. Bên ngoài là nhà đại bái dùng làm nơi tế lễ. Ngoài nhà đại bái có hai bàn tả mạc và hữu mạc làm nơi vào tế cho đông đảo dân làng.

Đồ thờ trong đình, miếu.

Cách chuẩn bị và bố trí đồ lễ thờ trong đình, miếu khác nhau tuỳ theo khả năng và cách bố trí của từng làng. Nhưng thông thường, đồ phụng thờ trong các làng bao gồm:

Mỗi vị thần có một bài vị, đặt vào long ngai hoặc long khám. Đối với các vị thần có sắc phong của triều đình thì đặt sắc phong trong hòm sắc cùng với kim sách chép lại sự tích của thần. Cũng như các bệ thờ khác, ngoài ra còn phải bố trí tam sự, ngũ sự, đài rượu, quả trầu,...

Còn nữa là các đồ nghi trượng, kiệu tứ cống, bát cống, cờ quạt, tàn lọng, bát bửu, chiêng trống,...

Có nơi còn đặt hạc gỗ, hạc đồng đứng chầu hoặc đặt ngựa gỗ, hổ đá.

III. TẾ TỰ TRONG HOẠT ĐỘNG THỜ CÚNG CỦA LÀNG

1. Sóc vọng

Đối với các làng chăm lo đến việc tế tự thì việc hành lễ vào ngày sóc, vọng là một việc làm thường xuyên, định kỳ. Sóc là ngày mồng một, vọng là ngày rằm. Hằng tháng cứ đến 2 ngày này, dân làng thường biện lễ tế thần. Sau khi tế xong, lễ vật được chia cho mỗi người một ít để hưởng lộc của thánh thần.

Ngoài ngày sóc, vọng, các tuần tiết cũng là những dịp cần phải tiến hành cúng lễ. Các tuần tiết là những ngày như: Nguyên đán (mồng một tháng giêng), ngày đoan dương (mồng Năm tháng năm), ngày nguyên tiêu (rằm tháng giêng), ngày hạ điền (lễ xuống ruộng), ngày thượng điền (ngày ăn gạo mới), ngày thần đản (ngày sinh của thần).

2. Tế kỳ phúc.

Hằng năm, dân làng thường làm lễ tế kỳ phúc vào cả bốn mùa trong năm hoặc chỉ làm vào hai mùa Xuân - Thu. Tế kỳ phúc được tiến hành theo các bước sau. Trước lúc bắt đầu vào tế sẽ có việc rước văn tế. Dân làng sẽ cắt cử một số người mang cờ quạt cùng phường nhạc lễ và một người đội mũ tế, mặc áo thụng đến nhà người được giao viết văn tế trước rồi rước văn tế ra đình.

Người viết văn phải mặc áo thụng, đội mũ tế đi theo sau long đình. Người chủ tế phải ra cửa ngoài mà nghênh tiếp bản văn tế đem vào cung kính đặt trong hương án.

Chủ tế là người chủ sự của việc tế lễ, người chủ tế phải được lựa chọn trong những người có chức vụ cao nhất trong làng. Người chủ tế phải là người có gia đình hạnh phúc, êm ấm, con cái trưởng thành.

Trong hàng ngũ bô lão, người ta còn phải chọn ra từ hai đến 4 người làm bồi tế. Vào cuộc lễ,

các bồi tế phải đứng sau chủ tế và làm theo chủ tế. Một người đông xướng và một người tây xướng đứng hai bên hương án đặt tửu đài để xướng lễ. Hai người nữa đứng hai bên chủ tế làm việc dẫn chủ tế lúc ra lúc vào đồng thời để xướng giúp khi chủ tế đã bước vào chiếu trong, xa hương án.

Ngoài ra còn cần thêm mười người nữa đứng hai bên giúp việc dâng hương dâng rượu và làm một số công việc cần thiết khác.

Trước hương án, người ta trải bốn chiếu tế: một là chiếu thần vị, kế đến là chiếu tế chủ thụ tộ, rồi tiếp là chiếu tế chủ, thứ tư là chiếu bồi tế.

Khi sắp bắt đầu tế lễ, từ chủ tế cho tới những người chấp sự đều đội mũ, mặc áo thụng, đi hia đứng thành hàng dọc hai bên. Người đánh trống đánh xong ba hồi trống tế thì người bên đông xướng: khởi chinh cơ hai người chấp sự từ hai bên tiến vào chỗ giá treo chiêng và giá treo trống đánh lên 3 hồi chiêng và 3 hồi trống, đoạn mỗi người mỗi bên đánh thêm 3 tiếng chuông và ba tiếng trống nữa, rồi mỗi người vái một vái mà lùi ra.

- Tiếp theo xướng: nhạc sinh tựu liệt thì phường bát âm nổi sáo, nổi đàn, nhị đồng thời người đánh trống cái lại nổi trống lên một lúc lâu nữa.

- Tiếp theo xướng chủ soái tế vật thì hai người chấp sự một người cầm một cây nến và một

người bưng bát hương trong có cắm một bó hương dẫn chủ tế vào nội điện xem đồ lễ đã đủ chưa và bày đặt đã nghiêm chỉnh chưa. Cần nhớ vào một bên ra một bên.

- Tiếp theo xướng chấp sự giả các tư kỳ sự (có nghĩa là ai làm việc nấy của mình).

- Tiếp theo xướng tế chủ giả chấp sự giả tấu nghệ quản tẩy sở có nghĩa là chủ tế và người chấp sự tới đứng cạnh chậu nước đặt trên giá có treo khăn lau bên cạnh hương án.

- Tiếp theo xướng tấu quán tẩy thì chủ tế rửa tay rồi xướng thuế cân thì chủ tế lấy cái khăn lau khô tay.

- Tiếp theo xướng bồi tế viên tựu vị thì các vị bồi tế vào đứng xếp hàng trên chiếu cuối cùng.

- Tiếp theo xướng tế chủ viên tựu thì chủ tế bước vào vị trí trên chiếu của mình.

- Tiếp theo xướng thượng hương thì hai chấp sự người bưng cái lư hương, người bưng hộp hương mang tới trước chủ tế. Chủ tế lấy hương (hương vòng thường là hương trầm) bỏ vào lư, đoạn bê cái lư vái một vái xong đưa trả lại chấp sự để bưng vào đặt lên hương án gian giữa.

- Tiếp theo xướng nghênh thần các cung bái thì chủ tế và bồi tế đầu sụp lạy cả xuống sát chiếu. Lúc này người tây xướng xướng hưng thì tất cả

đứng lên. Sau bốn lễ như thế thì làm lễ xướng bình thân, tất cả đứng lên thẳng nghiêm.

- Tiếp theo xướng hành sơ hiến lễ ấy là lúc dâng rượu lần thứ nhất. Liền sau đó, nội tán xướng nghệ tửu tương sơ, tư tốn giả cử mịch thì chủ tế bước tới hương án đặt đài rượu và chấp sự thì mở miếng vải đỏ trùm lên đài ra. Nội tán lại tiếp tục xướng chước tửu - có nghĩa là rót rượu.

- Tiếp theo xướng nghệ đại vương thần vị tiền là lúc hai nội tán dẫn đưa chủ tế lên chiếu nhất và xướng quỳ thì chủ tế và bồi tế quỳ xuống.

- Tiếp theo xướng tiến bước thì một chấp sự bưng rượu chuyển cho chủ tế, chủ tế nhận vái một vái rồi trả lại cho chấp sự. Lại xướng hiến tửu thì hai hàng chấp sự đều bưng cao đài rượu đi vào nội điện để dâng.

Khi các chấp sự dâng rượu xong rồi quay ra thì sẽ xướng hưng, bình thân, phục vị thì chủ tế và bồi tế cùng phục xuống rồi đứng lên. Chủ tế lùi ra chiếu ngoài.

- Tiếp theo xướng độc chúc thì hai chấp sự vào bàn trong bưng văn tế ra. Lúc này nội tán xướng nghệ độc chúc vị và lại dẫn đưa chủ tế bước vào chiếu trên; xướng đại quỳ thì chủ tế, bồi tế và hai chấp sự bưng văn tế và đọc văn tế đều quỳ xuống, xướng chủ sự trao văn tế. Chủ tế nhận

xong, vái một vái rồi chuyển cho người dọc dộc chúc. Văn tế dọc xong thì chủ tế lạy hai lạy rồi lùi ra chiếu ngoài. Rồi dâng hai tuần rượu nữa. Lời xướng lễ tương tự như tuần thứ nhất.

Hết ba tuần rượu thì xướng ẩm phúc. Hai chấp sự nội điện bưng ra một chén rượu và một khay trầu xướng nghệ ẩm phúc vị thì chủ tế bước lên chiếu thứ hai.

- Xướng quy thì chủ tế đưa hai tay cầm lấy chén rượu, vái một vái và liền một hơi uống cạn.

- Xướng thụ lộ thì chủ tế đưa hai tay cầm lấy khay trầu, cũng vái một vái và ăn một miếng.

Xong lễ hai thì đứng dậy, lùi ra chiếu ngoài.

- Tiếp theo xướng lễ tạ lễ cúc cung bái thì chủ tế, bồi tế đều lạy bốn lạy.

Nghe xướng phần chúc thì người đọc văn tế đem bản tế đi đốt.

- Tiếp theo xướng tất có nghĩa là đã xong việc tế. Công việc của phường bát âm là những lúc dâng rượu, lúc đốt văn tế thì phải tấu cử.

Sau khi lễ tất thì dân làng mới theo trật tự vào làm lễ. Lúc này thì người đánh trống phải rung trống thật to, vang.

Cuối cùng, cỗ tế được hạ xuống, mọi người đều ăn vui vẻ, hoặc chia phần cho từng nhà trong làng để ai cũng được hưởng lộc thần thánh.

IV. THỜ CỦA CÁC ĐẠO Ở NAM BỘ

Trong đời sống tâm linh của con người Việt Nam, ngoài việc tiếp nhận và tôn thờ một số tôn giáo của nước ngoài như Phật giáo, người Việt Nam còn sáng tạo ra những tín ngưỡng thờ cúng riêng tiêu biểu là tục thờ các đạo hiện vẫn tồn tại ở Nam Bộ.

1. Đạo Cao Đài

Đạo Cao Đài ra đời 1926 và tổ chức giáo hội theo hình thức sau:

- Bát quái đài (phần vô hình) là ý niệm thiêng liêng thờ phụng của đạo, gồm các vị thánh thần thay mặt thượng đế làm trưởng quản.

- Hiệp thiên đài - theo chế độ tam viên, còn gọi là "quyền vạn linh". Ba việc đó là:

Hội nhân sanh: gồm đại diện các tín đồ.

Hội thánh: đại diện các chức sắc trong đạo.

Thương hội: gồm các chức sắc cao cấp trong đạo.

Cửu trùng đài: 9 viện: (Hộ, Lương, Công, Học, Y, Nông, Hoà, Lại, Lễ).

Đạo Cao Đài hỗn dung tư tưởng bình đẳng bác ái của Phật, nhân lễ nghĩa của Nho, phù thuỷ thần tiên của Đạo và sống thiện thương người của Thiên Chúa. Trên điện thờ ở các thánh thất đạo Cao Đài, ở nơi cao nhất là hình ảnh một con mắt.

Người theo đạo coi đó là thiên nhãn - có nghĩa là mắt trời, con mắt nhìn thấu mọi việc trên đời. Ở phía dưới có bài vị của bốn vị: Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử, Giesu.

Người theo đạo Cao Đài học một số câu kinh nguyện sau:

- Kinh cúng tứ thời.
- Kinh quan hôn.
- Kinh tang tế.
- Kinh thế đạo.

Tuy theo đạo Cao Đài, nhưng những người dân theo đạo này vẫn thờ cúng tổ tiên bình thường như các gia đình Việt Nam khác.

2. Đạo Hoà Hảo

Đạo Hoà Hảo ra đời vào năm 1943 tại làng Hoà Hảo huyện Châu Đốc, tỉnh An Giang. Giáo lí của đạo Hoà Hảo chủ yếu dựa trên triết lí của Phật giáo. Người theo đạo Hoà Hảo không lập giáo đường mà mỗi gia đình theo đạo lập bàn thờ tại gia sớm tối cầu nguyện, đọc kinh. Kinh của đạo Hoà Hảo bao gồm:

- Kinh khuyên người đời tu niệm.
- Sấm giảng (lời sấm về Phật di lặc mở hội liên hoa cứu khổ).

- Giảng về tâm kệ (kệ khuyên tu tâm).
- Khuyên thiện (lời giảng về làm điều thiện).
- Những điều cần biết về tu nhân.

V. MỘT SỐ TỤC THỜ KHÁC

1. Tục thờ của người Dao

Các gia đình đồng bào Dao tôn thờ Bàn Vương (chẩu đâng) là tổ tiên chung, nên họ thờ Bàn Vương. Việc thờ Bàn Vương thường gắn với việc thờ Ngọc Hoàng, được coi là thần cai quản thiên hạ. Người Dao không lập bàn thờ Bàn Vương và Ngọc Hoàng mà chỉ cúng 3 năm một lần. Mỗi khi cúng gia đình phải giết hết gia súc để làm lễ. Điều này xuất phát từ quan niệm Bàn Vương là thuỷ tổ khai thiên lập địa nên mỗi khi cúng Bàn Vương là trở về cuộc sống sơ khai, chưa có gì thuở ban đầu.

Người Dao đồng thời cũng thờ cúng tổ tiên. Mỗi một gia đình đều đặt bàn thờ ở một nơi trang trọng nhất, trên xà cao gian giữa. Người Dao không cúng kị nhật tổ tiên mà chỉ cúng chung vào ngày tết, tiết Thanh Minh...

Người Dao còn có quan niệm thờ thần hộ mệnh cá nhân đối với nam giới thể hiện ở lễ cấp sắc. Nam giới từ 10 tuổi trở lên thì được làm lễ cấp sắc, nhưng nếu cha chưa tiến hành thì con không

được làm. Nếu người chết chưa được làm thì con cháu phải làm cho. Do người Dao quan niệm có được làm lễ cấp sắc thì mới đủ điều kiện làm thầy cúng, chết mới được về với tổ tiên. Có được cấp sắc mới được coi là người lớn. Lễ cấp sắc của người Dao cũng tương tự như lễ thành đinh ở các dân tộc ít người khác, hoặc như lễ vào giáp của người Kinh nhưng nó mang màu sắc thần quyền hơn.

Ở một số vùng của người Dao chuyên canh tác lúa nước như người Dao Thanh Y, Dao Quần Trắng ở Quảng Ninh, Bắc Giang (Lục Ngạn) đã có tục thờ Thần Nông.

Người Dao có tục cúng thóc giống. Khi cúng người ta không cho một ai vào, kể cả họ hàng vì sợ hồn lúa sẽ theo người đó đi mất. Sau khi cúng một ngày, một đêm người nhà cũng không được đến nhà khác vì sợ hồn lúa đi theo rồi ở luôn nhà người đó. Chăn nuôi cũng quan niệm có thần linh, không nên khen lợn béo hay chê lợn gầy thần sẽ quở trách mà bỏ đi.

Người Dao quan niệm mọi sinh vật đều có hồn. Khi sinh vật đó chết đi thì hồn lìa khỏi xác, biến thành ma. Và tất cả đối tượng bao quanh con người đều có ma, ma đất, ma núi, ma bếp, ma rừng,... ma ở đây mang ý nghĩa là thần. Ma được chia làm ma lành (ma Bàn Vương, ma tổ tiên, ma

đất, ma bếp, Thần Nông, Ngọc Hoàng, Tam Thanh - 3 ngôi thờ của Đạo giáo) và ma dữ (ma Ngũ Hải - ma gà, ma kỳ lân). Do đó người Dao luôn cúng ma.

2. Tục thờ của người Mường.

Dân tộc Mường là một trong những dân tộc chịu ảnh hưởng của Tô Tem Giáo. Rất nhiều họ tộc của người Mường kiêng ăn thịt chó, thịt khỉ, thịt gà, thịt kì đà, thịt rùa...khi những con vật này bị chết người Mường thường khóc thương và đem chôn.

Người Mường ở những vùng sâu còn có tục thờ đá. Khi dựng nhà mới, ba hòn đá được đặt làm đầu rau bếp hòn chính gọi là Nục Thày đặt chiếu thẳng góc với cột chính ngôi nhà, hai hòn kia gọi là Nục Theo, bên cạnh bếp đặt hòn đá to hơn gọi là Nục Chủ. Đây chính là dấu tích của việc bảo lưu tục thờ lửa - con người phát minh ra lửa bằng cách lấy 2 hòn đá quẹt vào nhau.

Người Mường có tục thờ thần quả, nhất là quả bí đỏ với quan niệm: bụng người đàn bà chửa tròn như quả bí đỏ, hoặc mang bầu. Chính vì thế trong các gia đình người Mường, người ta thường thấy những quả bí đỏ đặt cạnh cột chính ngôi nhà. Thầy mo làm lễ, cầu khấn cho gia chủ ngôi nhà mới gặp nhiều may mắn, sinh sôi nảy nở đàn đống như con người từ trong quả bí chui ra.

Người Mường có tục thờ cây, trước hết là cây lúa. Ta thường thấy ở giữa nhà người Mường Hoà Bình treo cây lúa nương đã trổ bông khá dài. Trong lễ tết cơm mới, thầy mo đọc bài mo về nguồn gốc cây lúa, gọi vía lúa về. Gia chủ thờ cúng tốt , vía lúa mẹ sẽ gọi vía lúa con về sinh sôi nảy nở.

Người Mường cũng thờ cúng cây mía với quan niệm cây mía là cây bất tử. Khi người già qua đời, trong đám tang cây mía là vật vác trên vai ông hát nhà xe, tiễn đưa người chết đến nơi an nghỉ cuối cùng. Trong đám cưới, người Mường sẽ vác theo vài cây mía, cầu chúc cho đôi trai gái sinh con đông đúc. Trong ngày tết nhiều nhà đặt cây mía lên bàn thờ tổ tiên.

Người Mường cũng tôn thờ những con vật mang ý nghĩ thiêng liêng nào đó. Trên hai lá cờ của thầy mo làm lễ cúng tang, một lá thêu con cá, một lá thêu con hươu. Trên cạp váy phụ nữ Mường thường thêu những con chim, con hươu. Những con vật đó đều là những ẩn dụ trên cạn, dưới nước, trên cao, dưới đất, như hai mặt của âm dương gắn liền nhau trong mỗi sự vật, sự việc. Con cóc được người Mường gọi là chàng Hạc. Nhiều trống đồng tìm thấy ở vùng mường, Hoà Bình trên mặt có gắn tượng hai con cóc, có mặt trống gắn tượng cóc đang giao phối. Ngoài ra có nhiều tượng cóc được gắn trên mặt trống ở những vùng người Việt cư trú.

Người Mường cũng có tục thờ cúng tổ tiên. Mỗi gia đình người Mường, không phân biệt trưởng hay thứ đều đặt hai bàn thờ tổ tiên nội và ngoại trong nhà. Họ cúng tổ tiên không vào ngày mất mà cúng vào dịp Tết Nguyên đán hay lễ cơm mới.

3. Thờ Hai Bà Trưng ở đền Đồng Nhân.

Đền Đồng Nhân thuộc địa phận đất làng Đồng Nhân (phố Hương Viên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) thờ Hai Bà Trưng. Hằng năm đến ngày mồng 4 tháng 2 âm lịch người ta tổ chức hội đền. Hội đền kéo dài trong 5 ngày, trong đó ngày mồng 5 là ngày hội chính. Quan trọng nhất trong hội đền Đồng Nhân là lễ rước kiệu Hai Bà Trưng để ra sông lấy nước. Sau đó người ta rước kiệu, rước nước về đền. Nước này được dùng trong 1 năm để làm lễ mộc dục. Hội đền Đồng Nhân gồm có các nghi thức thờ cúng để cầu thần. Do là nơi thờ Hai Bà Trưng nên vai trò chủ tế cũng có thể được giao cho nữ giới đảm nhiệm.

Ngoài ra, việc thờ Hai Bà Trưng còn được tổ chức tại đền Hát Môn (Phúc Thọ - Hà Tây). Hội đền Hát Môn, xưa kia là quốc hội. Ngày nay hội đền Hát Môn được tổ chức vào 3 dịp lễ chính.

- Ngày mồng 6 tháng 3 âm lịch, hội đền được tổ chức để kỉ niệm ngày Hai Bà Trưng bỏ mình vì nước, trong hội này có lễ dâng bánh chay.

- Ngày mồng 4 tháng 9, hội đền tổ chức để tưởng nhớ ngày Hai Bà Trưng làm lễ xuất quân. Vào dịp này người ta tổ chức lễ múa cờ độc đáo.

- Ngày 24 tháng chạp (âm lịch) là lễ mộc dục. Vào nửa đêm ngày 23 người ta rước tượng Hai Bà Trưng về nhà rồi dùng nước từ giữa dòng sông Hồng để lau chùi cho tượng. Sau này người ta thay việc tắm tượng bằng việc tắm rửa cho bài vị Hai Bà.

4. Thờ Đức Thánh Trần ở Kiếp Bạc

Đền Kiếp Bạc được xây dựng tại làng Kiếp Bạc (thuộc xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương). Đền này thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Hội đền Kiếp Bạc được tổ chức từ ngày 15 đến 20 tháng 8 âm lịch. Ngày chính hội là ngày 19 và đây cũng là ngày giỗ Trần Hưng Đạo. Trước đây, hội đền Kiếp Bạc được tổ chức theo nghi lễ quốc gia. Triều đình thường cử quan lại về để làm chủ tế. Tục truyền, ngày giỗ Đức Thánh Trần là một ngày rất thiêng liêng vì nhân dân ta tôn thờ Hưng Đạo Vương như một người cha. Chính vì vậy mà dân gian ta có câu: "Tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ"

Ở hội đền Kiếp Bạc, ngoài một số nghi lễ như dâng hương, cúng bái, dân làng còn tổ chức, biểu diễn các trò chơi dân gian, trong đó nổi bật là lễ đua

thuyền, bơi trải. Đây là hoạt động kỷ niệm ngày chiến thắng của thuỷ quân trên sông Bạch Đằng.

5. Thờ Thánh Gióng ở đền Sóc

Theo truyền thuyết, sau khi thắng giặc, Thánh Gióng bỏ lại ngựa sắt, áo giáp sắt tại núi Sóc (Sóc Sơn) rồi bay về trời. Do đó dân làng đã lập đền thờ tại núi Sóc (thuộc huyện Sóc Sơn - Hà Nội) để tưởng niệm Thánh Gióng. Hội đền Sóc được mở vào ngày mồng 6 tháng giêng và kết thúc vào ngày mồng 9. Ngoài ra, hội Gióng còn được tổ chức ở Xuân Đỉnh do đó người ta thường gọi hội Gióng Sóc Sơn là hội chính, quy tụ cả một quần thể di tích về Thánh Gióng.

Lễ hội bắt đầu vào giờ Tý ngày mồng 6. Vào giờ đó, các chức sắc trong làng đỏ đèn thắp hương để làm lễ khai quang và lễ mộc dục. Đến ngày chính hội vào mồng 7 (ngày hoá của Thánh Gióng) người ta tổ chức lễ dâng hoa tre và làm lễ chém tướng. Sau đó người ta cho diễn lại tích Thánh Gióng dùng tre đánh bại giặc Ân.

6. Thờ Bà Đen ở Tây Ninh

Núi Bà Đen ở Tây Ninh là một ngọn núi nổi tiếng gắn liền với nhiều truyền thuyết. Trong đó truyền thuyết nổi tiếng nhất kể về một người con gái tên là Đênh do từ chối một cuộc ép duyên nên

đã bỏ nhà ra đi rồi lên núi Vân Sơn theo Phật và hoá tại đây. Đến đời nhà Nguyễn do sự linh thiêng của núi Bà Đen nên nhân dân gọi là Linh Sơn Thánh Mẫu và đã đúc tượng lập điện thờ.

Hội núi Bà Đen được bắt đầu từ sau Tết Nguyên đán và kéo dài cho tới sau ngày rằm tháng giêng, chính hội là ngày rằm tháng giêng. Trong ngày chính hội, người dân tổ chức làm mâm cúng tế Bà Đen trên núi sau đó tổ chức nhiều sinh hoạt văn hoá dân gian ngay dưới chân núi. Lễ hội cũng thu hút nhiều thập khách đến tham quan và cầu may.

7. Thờ Thành Hoàng làng ở làng Bá Giang

Làng Bá Giang tổ chức lễ Thành Hoàng vào ngày 15 tháng 3 âm lịch tại xã Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Tây. Thành Hoàng của làng là Nguyễn Cả Đại Vương. Theo tương truyền là người có sức khoẻ phi thường. Ông chính là người đã làm tướng cho nhà Đinh rồi về quê nghỉ. Khi ông mất, dân làng lập đền thờ ông như người bảo hộ cho làng.

Trong lễ hội, ngoài các nghi lễ truyền thống còn có các trò vui dân gian khác như rước bánh dày, thả diều... Trong đó hội thi thả diều là một nét độc đáo của vùng này. Trong hội thi, người ta

làm một cánh diều dài 5m, rộng 1,5m, dán giấy rồi đem thả trước miếu Nguyễn Cả Đại Vương. Sau khi hành lễ trình diện thì tổ chức chấm thi. Cánh diều được giải là cánh diều bay cao, không chao đảo và có tiếng sáo véo von.

8. Hội Thành Hoàng Hà Thạch

Làng Hà Thạch (Lâm Thao - Phú Thọ) thờ nhiều Thành Hoàng phù hộ cho làng: Vua Hùng, Đức Thánh Tản Vương, Chử Đồng Tử - Tiên Dung, Trưng Trắc và nhiều vị thần khác. Vì vậy, hằng năm, làng Hà Thạch thường tổ chức nhiều phong tục tập quán của địa phương. Trong đó có một số hội tiêu biểu như:

- Lễ hạ điền được tổ chức vào ngày mồng 6 tháng giêng để mở đầu cho một mùa sản xuất mới đồng thời cầu cho mùa màng tươi tốt.

- Lễ tế thuỷ thần vào ngày 9, 10 tháng 3 âm lịch, có tổ chức hội bơi trải.

- Lễ rước kiệu thần linh vào ngày 10 tháng 10 âm lịch. Vào hội này có 3 thôn tổ chức rước kiệu của thôn mình về đình cả. Đi theo đám rước là các cô gái múa điệu rồng rắn vừa múa vừa chạy vòng quanh kiệu.

9. Thờ Thành Hoàng làng Phù Ninh

Làng Phù Ninh, xã Phù Ninh thuộc huyện Phù Ninh tỉnh Phú Thọ. Làng Phù Ninh thờ nhiều

Thành Hoàng trong đó các Vua Hùng là bậc thờ cao nhất.

Hội làng Phù Ninh được tổ chức vào ngày 12 tháng 2 âm lịch tưởng nhớ Vua Hùng đi săn qua làng. Vào ngày lễ hội, dân làng phải chuẩn bị cỗ bàn để cúng các Vua Hùng. Đặc biệt gà để cúng phải là gà trống, thân gà quấn với củ kiệu rồi luộc chín.

Ngoài ra làng Phù Ninh còn có lễ hội chọi trâu lễ chọi trâu được tổ chức vào ngày mồng 5 tháng 5. Người ta chuẩn bị trường đấu rộng $100m^2$ được rào cẩn thận. Bốn con trâu được chọn ra để chọi. Trước khi vào chọi, trâu được tắm rửa sạch sẽ và cho uống nửa lít rượu để thi đấu khoẻ hơn. Sau đó người ta làm thịt 2 con trâu thua cuộc để tế.

10. Thờ Thành Hoàng ở làng Thượng Cát

Làng Thượng Cát nằm trên địa bàn huyện Từ Liêm, Hà Nội. Người dân trong làng thờ ba vị Thành Hoàng: Quách Lăng, Đinh Bạch Nương, Đinh Tĩnh Vương. Đây là ba vị tướng từng lập công lớn trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Hai Bà Trưng. Hằng năm, đến ngày mồng 10 tháng 3 âm lịch, dân làng tổ chức đám hội để tưởng nhớ công ơn của các vị Thành Hoàng.

Từ ngày mồng 9, người ta bắt đầu dâng hương trình Thánh, sang ngày mồng 10 (ngày

chính hội) tổ chức lễ cúng tế rất trang nghiêm và tiến hành diễn lại tích ba quân tướng sĩ làm lễ thề trước lúc xông trận.

Sau các nghi thức cúng tế, người dân trong vùng sẽ tổ chức các trò chơi dân gian truyền thống. Nổi bật là các cuộc đua thuyền diễn ra tại các hồ nước trước đình làng. Cuộc đua có sự tham gia của 3 đội chèo nam và 3 đội chèo nữ, mỗi đội có 16 người. Các trò chơi được tổ chức trong 2 ngày 10 - 11 rồi tổng kết để phát giải. Ngoài ra tuỳ vào quy mô tổ chức của từng năm mà có các trò chạy quân để diễn lại cảnh Hai Bà Trưng luyện quân thuở trước.

11. Thờ Bát Nàn Vũ Thị Thục ở Tiên La

Bát Nàn Vũ Thụ Thục là một vị tướng tài giỏi thời Hai Bà Trưng. Bà đã được nhân dân tôn lên làm Thành Hoàng và được thờ trong một ngôi đền xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Hằng năm cứ đến ngày 16 tháng 3 âm lịch dân làng lại mở hội đền để tưởng nhớ công ơn của bà.

Vào ngày hội dân làng thường tổ chức rước kiệu Thánh từ đền Rối về Tiên La. Sau khi đặt bài vị Thánh tại vị trí trang trọng nhất, người ta tiến hành tổ chức các trò vui chơi như: chọi gà, đánh cờ, đấu vật, múa sư tử... nổi bật là trò bơi trải và trò trận giả. Trò diễn trận được tổ chức với sự tham gia của các cô gái, trò bơi trải có sự tham gia của

các chàng trai. Cả hai trò được tiến hành cùng một lúc trên bờ và dưới nước tạo nên không khí tưng bừng và náo nhiệt cho ngày hội.

12. Thờ Bố Cái Đại Vương

Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng được thờ ở nhiều vùng, trong đó làng Triều Khúc (Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội) thường tổ chức hội hằng năm vào ngày 10 - 12 tháng giêng âm lịch.

Hội làng được chuẩn bị tưng bừng từ tết, đến ngày mồng 9, người ta ra đình làm lễ nhập tịch để xin phép thánh thần cho làng được mở hội. Vào sáng ngày mồng 10, dân làng làm lễ tế thần rồi rước hoàng bào của Phùng Hưng từ đình sắc về đình đại. Khi đám rước về tới, các vị bô lão đại diện cho dân làng sẽ đọc văn tế bắt đầu cho buổi lễ. Trong ngày hội làng, ở đây ngoài việc tiến hành các nghi thức cúng tế còn tổ chức nhiều trò chơi như đấu vật, múa rồng, múa cờ, múa con đĩ đánh bồng... sau ngày 12 người ta lại tổ chức lễ tế rã hội bằng cách diễn lại tích Phùng Hưng chọn tướng, luyện quân.

13. Thờ Lý Thường Kiệt ở Bắc Biên

Làng Bắc Biên là một làng thuộc xã Ngọc Thuỵ, huyện Gia Lâm, Hà Nội thờ thần Thành Hoàng là Lý Thường Kiệt, vị tướng đã lãnh đạo nhân dân ta đánh tan quân Tống xâm lược. Hằng

năm cứ đến ngày mồng 6 tháng 3 âm lịch, dân làng tổ chức lễ hội để tưởng nhớ công lao của vị anh hùng dân tộc. Vào ngày hội, các nghi thức diễn ra rất long trọng và trang nghiêm có những quy định chặt chẽ. Trong đám rước, người khiêng trống cái phải là người đã cư trú ở địa phương ít nhất 1 đời. Người khiêng cồng chiêng đã cư trú ở địa phương qua 2 đến 3 đời đối với người rước cờ thần, 4 đời đối với người mang gươm hầu. Những người mang long đình phải là những nam thanh nữ tú có phẩm chất đạo đức tốt, gia đình gia giáo. Khi đám rước tiến hành, đi đầu là một chức sắc của làng, tay cầm thước, mặc quần trắng áo the thâm, đầu đội khăn xếp, tiếp theo sau là trống, chiêng, cờ, bát bửu, gươm, long đình, kiệu thần... Dân làng theo nhau đi cuối cùng.

C. THỜ CÚNG TRONG LỄ TẾT - HỘI HÈ

I. TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU

1. Tín ngưỡng thờ Mẫu là sự tin tưởng, ngưỡng mộ tôn vinh và thờ phụng những vị nữ thần gắn với các hiện tượng tự nhiên, vũ trụ được người đời cho là có chức năng sáng tạo bảo trợ và chở che cho sự sống của con người (như trời, đất, sông, nước, núi rừng...) thờ thái hậu, hoàng hậu, công chúa là những người khi sống tài giỏi, có công

với dân với nước, khi mất hiển linh phù trợ cho người an vật thịnh. Các vị nữ thần này được tôn vinh với các chức vị: Thánh Mẫu (Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Chúa xứ Thánh Mẫu, Linh Sơn Thánh Mẫu), Quốc Mẫu (Quốc Mẫu Âu Cơ), Vương Mẫu.

Tục thờ Mẫu ra đời trên cơ sở tục thờ nữ thần. Các Thánh Mẫu đều là nữ thần, được thờ trong đền, chùa, miếu, điện. Riêng Thánh mẫu Liễu Hạnh được thờ đền Sòng (Thanh Hoá) là nơi cổ xưa nhất,: Phủ Giầy (Nam Định), Phủ Tây Hồ (Hà Nội).

Do ảnh hưởng của Đạo giáo Trung Quốc, tín ngưỡng thờ Mẫu ở nước ta đã phát triển, hình thành tín ngưỡng Tam Phủ (Thiên Phủ - miền Trời có Mẫu Cửu Trùng; Sơn phủ - miền núi rừng có Mẫu Thượng Ngàn; Thuỷ phủ - miền sông nước có Mẫu Thoải) Tứ phủ (ba phủ trên) tức Tam phủ và Phủ trần gian, có Mẫu Liễu. Mẫu Cửu Trùng cai quản miền Trời, Mẫu Thượng Ngàn cai quản miền núi rừng, Mẫu Thoải cai quản miền sông nước, Mẫu Liễu cai quản miền đất đai trần gian. Đến thế kỷ XVI, trên cơ sở tín ngưỡng Tam Phủ, Tứ Phủ, với sự ra đời của Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một tôn giáo bản địa sơ khai được hình thành, đó là đạo Mẫu. So với tín ngưỡng thờ nữ thần, thờ Mẫu, đạo Mẫu đã có bước phát triển, bước đầu hình thành một hệ thống tương đối nhất quán về điện thần với

các phủ, các hàng Điện Thần của Đạo Mẫu có hàng chục vị thần linh nhưng đều quy tụ dưới sự điều chỉnh của Tam Toà Thánh Mẫu. Trong đó có một vị thần Mẫu cao nhất, mang tư cách là một vị giáo chủ - Thánh Mẫu Liễu Hạnh, được xem như là hoá thân của Mẫu Thượng Thiên. Những nghi lễ của Đạo Mẫu đã bước đầu được chuẩn hoá, trong đó nghi lễ hầu bóng là một điển hình.

Hiện nay, tín ngưỡng thờ Mẫu đã phát triển sâu rộng trên cả nước, được nhiều người Việt ở nước ngoài thờ phụng. Mỗi địa phương khác nhau, tín ngưỡng thờ Mẫu lại có sắc thái riêng do ảnh hưởng của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá.

Tam Toà Thánh Mẫu là tín ngưỡng thờ Mẫu dùng để chỉ hệ thống sáng tạo vũ trụ, gồm ba vị thánh Mẫu cai quản 3 miền vũ trụ là Mẫu Thượng Thiên (Mẫu Đệ Nhất) - cai quản miền trời; Mẫu Thượng Ngàn (Mẫu Đệ Nhị) - cai quản miền rừng núi; Mẫu Thuỷ (Mẫu Thoải - còn gọi là Mẫu Đệ Tam) - cai quản miền sông nước. Trong điện thần của tín ngưỡng thờ Mẫu, Tam toà Thánh Mẫu được thờ chung, ngang hàng với thứ bậc, vị trí rõ ràng: Mẫu Thượng Thiên choàng khăn đỏ, ngồi giữa, bên trái là Mẫu Thượng Ngàn choàng khăn màu xanh, bên phải là Mẫu Thoải choàng khăn màu trắng. Khi Thánh Mẫu Liễu Hạnh xuất hiện, bà được đề cao mang tư cách là hoá thân của Mẫu Thượng Thiên.

2. Tứ Pháp

Người Việt Nam không thờ Tứ Pháp trong gia đình nhưng tín ngưỡng về Tứ Pháp phổ biến trong phạm vi toàn đất nước.

Tứ Pháp bao gồm:

Pháp Vân (Mây)

Pháp Vũ (Mưa)

Pháp Lôi (Sấm)

Pháp Điện (Chớp)

"Pháp" hàm ý là có Phật pháp và tên của các vị thần đều là Pháp danh.

Sự ra đời của tín ngưỡng này gắn với câu chuyện về quá trình khai sinh gián tiếp của bà Man Nương - một người con gái bản địa với nhà sư ấn Độ tên là Khâu Đà La. Tứ Pháp là bốn người con của Phật Mẫu Man Nương được phân ngôi thứ như chị em ruột trong gia đình. Pháp Vân được coi là chị cả, Pháp Vũ là chị thứ, thứ ba là Pháp Lôi và út và Pháp Điện. Tuy cùng cha cùng mẹ nhưng 4 bà không được thờ chung trong một ngôi chùa quanh Phật Mẫu, mỗi người được thờ trong một ngôi chùa riêng. Các chùa này được dựng tại các làng cạnh nhau, trong mối liên minh làng xã cổ truyền.

Điện thần của các ngôi chùa Thờ Tứ Pháp không giống với các ngôi chùa thờ Phật bình

thường. Chính điện của chùa thờ Tứ Pháp không phải là tượng Phật như Thích Ca, Bồ Tát... mà các Bà giữ tư cách là chủ điện. Như chùa Dâu thờ Pháp Vân, chùa Đậu thờ Pháp Vũ...

Thờ Tứ Pháp là một nét độc đáo trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam, sinh hoạt văn hoá, diễn ra ở những ngôi chùa Tứ Pháp chủ yếu là lễ cầu mưa, lễ cầu tạnh và rước giao hiếu. Các lễ này tiến hành vào hai dịp là ngày 17 tháng giêng - ngày hoá Phật Mẫu Man Nương và ngày 8 tháng 4 âm lịch - ngày sinh Phật Thích Ca (Phật Đản) và Tứ Pháp. Từ trung tâm của nó là Luy Lâu (Bắc Ninh), tín ngưỡng Tứ Pháp đã nhanh chóng được dân các vùng lân cận mà hiện nay đã thuộc về các địa phương Hà Tây, Hà Nội, nhất là vùng phía Bắc tỉnh Hải Dương và Hưng Yên nằm trong góc nhọn của hai con sông Hồng và sông Đuống giao nhau.

Tín ngưỡng Tứ Pháp, ngoài mục đích bày tỏ và hiện thực hoá sự nhận thức khoa học về các hiện tượng tự nhiên (mây, mưa, sấm, chớp), về khách quan nó phản ánh cuộc đấu tranh với thiên nhiên, tuy chỉ là sự cầu khẩn của người nông dân đồng bằng Bắc Bộ. Lễ hội Tứ Pháp cơ bản là lễ hội nhằm giao hiếu, liên kết giữa các làng xã cổ truyền đoàn kết chống thiên tai, địch hoạ của người dân đồng bằng Bắc Bộ xưa. Vì thế lễ hội Tứ Pháp không còn chỉ là một lễ hội chùa mà đã trở thành

lễ hội làng mang đậm bản sắc vùng đồng bằng Bắc Bộ trong nền văn hoá Việt Nam.

II. LÊN ĐỒNG.

Hiện tượng đồng bóng gắn liền với tín ngưỡng thờ Mẫu. Người ngồi làm cái giá để bóng của Thánh Mẫu giáng nhập vào. Quãng thời gian một người ngồi đồng được gọi là một giá đồng, một giá đồng có thể kéo dài 1 - 2 giờ hoặc suốt cả buổi cúng lễ. Người ta gọi đây là hiện tượng đồng bóng vì đồng ở đây mang nghĩa là cùng. Người cùng bóng với Thánh Mẫu. Mọi hành động, cử chỉ, lời nói của người ngồi đồng trong suốt thời gian hành lễ chính là hành động, cử chỉ, lời nói của Thánh Mẫu.

Hoạt động đồng bóng diễn ra trong nhiều dịp:

Hầu bóng xông đền (sau lễ giao mùa)

Hầu bóng Thượng Nguyên (rằm tháng giêng)

Hầu nhập hạ (đầu tháng 4)

Hầu tiệc cô Ba (12 - 6)

Hầu Tam Phủ (24 - 6)

Hầu tán hạ (rằm tháng bảy)

Hầu ông Hoàng Bẩy (17 - 7)

Hầu tiệc chầu cô Bé Bắc Lệ (tháng 9)

Hầu tiệc ông Hoàng Mười (10 - 10)

Hầu tiệc Đệ Nhị (11 - 1)

Hầu tất niên và hạp ấn (25 - 12)

Người ngồi đồng phải tự sắm cho mình nhiều loại trang phục. Khi ngồi đồng ông hoặc chầu bà nào thì phải may quần áo phù hợp với người đó. Chẳng hạn, thánh Mẫu Thượng Ngàn giáng nhập thì phải mặc quần áo dân tộc miền núi ...Người ngồi đồng, chiếc khăn phủ kín mặt (phủ diện), tay cầm ba nén nhang đang cháy hướng lên điện thờ, khua vòng hương cháy trước mặt, miệng khấn xin Thánh Mẫu nhập. Khi ra tay báo hiệu là lúc Thánh Mẫu nhập, hiệu tay trái là thánh nam nhập, hiệu tay phải là thánh nữ nhập. Tuỳ theo sự tưởng tượng của người lên đồng là thánh nam hay thánh nữ mà người ngồi đồng có thể biểu diễn các động tác tiến lùi, múa quạt, múa kiếm... theo tiếng nhạc và lời hát chầu văn của ông công văn về đặc điểm tính cách của Ông Hoàng hay Thánh Mẫu nào đó. Cuối giá đồng người ngồi đồng ban lộc, thuốc lá, kẹo bánh, trầu cau, tiền cho người ngồi xung quanh.

Từ hoạt động đồng bóng đã sản sinh ra làn điệu chầu văn của đồng bào Bắc Bộ. Nhiều nghiên cứu tôn giáo cho đây là hoạt động tâm linh. Nhưng hoạt động đồng bóng ngày nay đã bị biến tướng thành hoạt động mê tín dị đoan.

III. TỤC THỜ BÀ CHÚA KHO

Tục thờ Bà Chúa Kho là một biểu hiện khá đậm nét của tín ngưỡng thờ mẫu. Khách thập

phương thường dâng lễ vật và cầu nguyện. Lễ vật thường là hương hoa, quả, kim hay ngân. Lời cầu nguyện đại ý là: "con đến cửa mẹ, nương nhờ ân đức, con cầu buôn, cầu bán, cầu lộc, cầu tài, cầu học giỏi vẻ vang, cầu xênh xang áo mũ, cầu tiến chức thăng quan, cầu gia đình yên ấm, cầu gia quyến an khang. Kính nương nhờ mẹ cho chúng con cầu tài được tài, cầu lộc được lộc, ban sự cầu như đắc ý. Lễ kỳ an..."

Việc vay tiền xin lộc bà có tính chất tượng trưng. Tiền vay của bà là tiền thực cũng có khi là tiền âm phủ.

Việc vay tiền bà chúa được giải thích bằng nhiều cách. Có người cho rằng bà là người coi giữ kho báu, có công bảo vệ kho tàng. Người biết giữ của sẽ biết cách làm cho đồng tiền sinh sôi nảy nở, giúp làm ăn phát đạt.

Tục vay tiền xin lộc thánh ở nước ta không chỉ có ở đền Bà Chúa Kho mà còn có ở một số tộc người khác nữa như tục vay tiền ở chùa Ông Bổn của người Hoa ở Sài Gòn Chợ Lớn; tục vay tiền Bà Chúa Xứ Núi Sam Châu Đốc, An Giang; tục vay tiền Linh Sơn Thánh Mẫu ở Điện Bà trên núi Bà Đen - ngọn núi cao nhất Nam Bộ.

IV. THỜ MẪU ÂU CƠ.

Trong tín ngưỡng dân gian của người Việt Âu Cơ được xem như là Quốc Mẫu. Chính vì thế

tín ngưỡng thờ Mẫu Âu Cơ tồn tại ở nhiều vùng của người Việt. Đền thờ Âu Cơ được xây dựng tại xã Hiền Lương, huyện Hạ Hoà tỉnh Phú Thọ.

Hội đền Âu Cơ được tổ chức hằng năm. Trong khi tiến hành lễ hội ngoài các nghi thức truyền thống như dâng hương, cúng bái... người ta còn cho diễn lại sự tích Âu Cơ dạy dân cấy lúa, trồng khoai, dệt vải, ca hát, làm bánh. Tục truyền khi đem 50 người con lên núi bà Âu Cơ đã dừng chân tại đây và dạy cho dân bản xứ nhiều điều về cách làm ăn sinh hoạt nên nhân dân nhớ đến công ơn lập đền thờ cúng tế.

V. THỜ CHÚNG SINH.

Thông thường ở mỗi làng đều có một khu đất rộng làm nghĩa địa chung, nơi chôn cất người chết cho cả làng. Do chỗ đời sống nhân dân trước kia còn đói nghèo, thiếu thốn, bệnh tật ốm đau nên nhiều người vãng lai qua làng mà chết. Trên bãi nghĩa địa chung này, người dân thường lập ra một cái am nhỏ, gọi là am chúng sinh, là nơi thờ chung cho những nấm mồ vô chủ. Mỗi cửa am thường có một bà đồng ở để sớm tối đèn hương thờ phụng. Vào tháng 3 hễ cứ đến ngày mồng 1 ngày rằm thì lại nấu cháo đổ vào cái lá đa cắm dọc hai bên đường gọi là cúng các quan hoặc cúng chúng sinh, các gia đình cũng làm lễ cúng chúng sinh ngay tại nhà mình vào ngày rằm tháng bảy.

VI. TỤC THỜ PHẬT.

Phật giáo là một trong ba tôn giáo lớn nhất trên thế giới. Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm (khoảng thế kỷ thứ hai sau Công nguyên) và phát triển cực thịnh vào thời Lý - Trần. Vào khoảng thời gian này nhân dân ta quá nửa theo Phật. Chùa chiền mọc lên ở khắp nơi. Cho tới nay, ảnh hưởng của Phật giáo đã phần nào lắng xuống nhưng dấu ấn của nó vẫn còn đậm nét trong đời sống tinh thần của nhân dân. Đặc biệt là trong các làng xã nông thôn Bắc Bộ.

Thông thường mỗi làng có một ngôi chùa thờ Phật, ở những làng lớn, đông dân có khi có tới hai ba ngôi chùa. Việc bài trí trong gian thờ Phật thường tuân theo một số đặc điểm sau:

Tầng trên nhất trong gian giữa ngôi chùa được dùng để thờ 3 vị thế tôn. Người có râu tóc xoăn tít thường được gọi là Bụt Ốc. Tiếp theo là Mụ Thiện 12 tay rồi đến Di Lặc béo phục phịch, người đời bảo ấy là ông "nhịn mặc mà ăn" nên mới béo đến như vậy. Tiếp theo là tượng Quan Âm có Kim Đồng, Ngọc Nữ theo hầu hai bên, một bên cưỡi con bạch tượng, một bên cưỡi con thanh sư. Bên cạnh tượng Ngọc Hoàng hai bên là Nam Tào và Bắc Đẩu. Ngoài cùng là tượng Cửu Long bằng đồng có phật Thích Ca đứng giữa.

Hai bên ở phía trong một bên thờ ông Tu Sương gầy gò ốm yếu, tục truyền là ông "nhịn ăn mà mặc", một bên thờ bà Thị Kính bế đứa con, bên cạnh có con vẹt, biểu trưng cho sự hoá thân của ông chồng là Thiện Sĩ. Ở phía ngoài có năm ông bụt gọi là thập điện La Hán.

Ở hai cạnh gian giữa, một bên thờ tượng Long Thần, mặt đỏ mắt sắc gọi là Đức Ông hoặc Đức Chúa tức Thổ Thần. Một bên thờ Đường Tăng có Đại Thánh và Trư Bát Giới.

Hai gian ngoài cùng thờ hai tượng Hộ Pháp, một tượng mặt mũi hiền lành cầm quả ấn, một tượng mặt mũi dữ vác thanh gươm, mỗi tượng cưỡi một con nghê.

Còn hai bên cạnh vách tường thì đắp mặt, nào là Thiên Phủ có bầy tiên gẩy đàn thổi sáo vui vầy, nào là Địa Phủ có Diêm Vương hành tội những người chết kẻ thì bị quỷ sứ cưa đầu kìm lưỡi, kẻ thì bị quỷ sứ quẳng núi gươm đao, kẻ thì được lên thiên đường hưởng sự sung sướng, kẻ thì bị trầm luân nơi khổ ải phải trải nếm đắng cay.

Ngoài cửa chùa có cửa tam quan là gác chuông mỗi buổi chiều thì thỉnh ba hồi chuông, rồi mới tụng kinh niệm phật.

Sau chùa có tĩnh thờ chư vị và có nhà thờ tổ, nhà thờ tổ là nơi những tăng ni tu hành ở đó, về

sau mất đi nhà chùa tô tượng để thờ. Lại có nhà hậu để thờ những người mua hậu chùa, cứ đến ngày giỗ thì nhà chùa phải giỗ. Có phòng riêng làm chỗ nhà sư ở gọi là nơi trụ trì, chỗ để khách khứa ngồi chơi gọi là nhà phương trượng, phía sau nơi hộ pháp của tăng ni.

Chùa là nơi danh lam thắng tích, không gian thoáng đãng, phong cảnh thanh tịnh. Vào các ngày lễ tế, dân làng thường làm cỗ chay cúng Phật. Mỗi người được một ít lộc Phật làm quà.

VII. THỜ TỨ BẤT TỬ.

Ngoài việc thờ Thành Hoàng, thờ phật, làng xã Việt Nam cổ truyền còn có tập tục thờ Tứ Bất Tử. Đó chính là: Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Liễu Hạnh.

1. Tản Viên.

Tản Viên là thần núi Sơn Tinh dựa theo truyền thuyết Sơn Tinh, Thuỷ Tinh. Đây là vị thần biểu thị cho sức mạnh đoàn kết của cả một cộng đồng nhằm ứng phó với môi trường tự nhiên như lũ lụt, gió mưa.

2. Thánh Gióng.

Nhân vật Thánh Gióng gắn liền với truyền thuyết Thánh Gióng. Cùng với việc ứng phó với môi trường tự nhiên là việc đối phó với giặc, ngoại xâm.

Việc thờ cúng Thánh Gióng thể hiện mơ ước về một cuộc sống hoà bình yên ấm của nhân dân ta.

3. Chử Đồng Tử.

Đất nước ta là một đất nước nông nghiệp truyền thống. Ước mơ sinh sống tồn tại và vươn lên làm giàu bằng thóc lúa, ruộng đồng là một ước mơ chính đáng từ ngàn năm nay. Chử Đồng Tử là một nhân vật truyền thuyết biểu trưng cho người nông dân nghèo với hai bàn tay trắng đã gây dựng nên cơ nghiệp.

4. Liễu Hạnh.

Mẫu Liễu Hạnh là một hình tượng thiêng liêng lí tưởng của người đàn bà Việt Nam muốn tiêu diệt mọi đầy ải của mình và của phụ nữ nói chung. Bà muốn nâng mình lên ngang hàng với nam giới, sánh với vua chúa, muốn xoá sạch những lý luận xấu xa nhất do luân lí phong kiến hà khắc đặt ra. Muốn như vậy, không có cách nào khác là phải vươn lên nắm lấy quyền, nắm lấy số phận, đảo ngược nó lại, lập lại trật tự mới, đặt ra một lẽ sống một lẽ công bằng mới. Vì thế bà được phong là Thánh Mẫu trong tín ngưỡng dân gian.

VIII. MỘT SỐ LỄ CHÍNH

1. Lễ mộc dục.

Lễ mộc dục là một lễ thương được tiến hành tại các hội đền, hội chùa. Đây là một nghi lễ tẩy

trần nhằm tắm rửa cho các vị thần hoặc tượng thờ trước khi tiến hành lễ hội. Trước khi làm lễ mộc dục người ta tiến hành cầu xin sự cho phép của thần linh. Lễ mộc dục được tiến hành ở điện thờ với hai bước chính:

- Dùng nước giếng hoặc nước sông tinh khiết lau sạch tượng.

- Lau khô tượng bằng nước trầm hương.

Ngoài ra một số vùng còn có quy mô tổ chức lớn hơn, người ta còn tổ chức cuộc rước nước về tắm cho tượng thần

2. Lễ kỳ an.

Lễ kỳ an hay còn gọi là lễ cầu an (còn được gọi là cầu mát) được diễn ra vào khoảng thời gian cuối Xuân đầu Hạ. Đây là mùa thường có dịch khí nên dân làng tổ chức cầu khấn để được yên lành.

Trong lễ kỳ an người ta dùng toàn đồ vàng mã, nơi thì dân làng làm lễ vào buổi tối, nơi thì mời nhà sư môn đạo trưởng cúng ba hoặc bảy ngày đêm.

- Bàn thờ trong lễ kỳ an được bài trí như sau:

Đàn nội thờ trời, đất, phật, thánh, Nam Tào, Bắc Đẩu, thần Đương niên Đương Cảnh, Ngũ Phương Chi Thần...

Đàn ngoại thờ Minh Vương, có hai viên văn võ đứng hầu. Có một hình nhân tay chống Thanh Quất trông vào Đàn Nội được gọi là Ông Giám Đồ.

- Nghi thức cầu an được tiến hành như sau:

Trước hết làm lễ cúng đàn ngoại có nhà sư và môn đạo trưởng khua trống, múa gươm, múa cờ (còn gọi là pháp thuật thu tinh cấm giáp) để thu hết các thạch tinh cốt khí, yêu ma lệ quỷ ngăn không cho báo hại đến dân làng.

Sau đó vào đàn nội phát tấu, nghĩa là đọc sớ tâu với Trời, Phật để Trời Phật phù hộ cho làng. Sau đó tụng kinh tới sáng.

Tối thứ hai cúng ở đàn nội, gọi là lễ lục cúng. Lục cúng bao gồm: hương hoa, đằng, trà, quả, thực. Do tăng ni mặc áo cà sa dâng hương hoa tiến lên bàn thờ. Sau lễ lục cúng là lễ cát khiên do thầy pháp làm. Lễ này là cắt dây oan nghiệt, để giải cứu chúng sinh.

Tiếp đó là cúng cây phướn gọi là cúng tràng phiên để tiêu trừ ma quỷ. Tối hôm sau lên đàn Mông sơn, tức đàn thí thực (dân dã gọi là cúng cháo). Đàn Mông sơn bày oản quả hương hoa và có một bát cơm úp, cháo, bỏng nếp... một đôi đũa bông để cúng Phật. Lại có một nhà sư mặc áo cà sa ngồi ghế thay Phật để trấn đàn.

Cúng thí thực xong là đến lễ phóng sinh. Người ta thả cua, cá, ốc, chim chóc để làm phúc, cầu bình yên.

Hôm sau cúng lễ tạ Trời Phật, rồi hoá vàng mã. Ở đàn ngoại dùng lễ bò, xôi, rượu, lợn để tiễn

ôn chúa. Khi tiễn, thầy phù thuỷ tay cầm nắm hương hoặc bó lửa thư phù niệm chú tay cầm ấn quyết triệt lộ, tiễn ra khỏi đầu làng, đầu chợ, ngã ba, ngã bảy mới đốt, nghĩa là tống đi cho xa kẻo sợ ôn dịch ở quanh làng mình.

3. Ngày lễ của người theo đạo Thiên Chúa

Cũng giống như những người theo đạo Phật, người theo đạo Thiên Chúa cũng có một loạt các ngày lễ quan trọng trong năm:

- Lễ Giáng Sinh - Noel được tiến hành vào giữa đêm 24 - 25 tháng 12 (dương lịch) để kỷ niệm ngày Chúa Giesu ra đời hay còn được gọi là ngày Chúa Giáng sinh. Đối với người theo đạo Thiên Chúa thì đây là ngày hội lớn nhất trong năm. Lễ Giáng sinh được tổ chức trọng thể tại nhà thờ với nghi thức tôn nghiêm trang trọng.

- Lễ phục sinh: được tổ chức vào tuần thứ ba của tháng 4 dương lịch để kỷ niệm ngày Chúa sống lại sau ba ngày bị đóng đinh trên giá gỗ.

- Lễ Chúa Thăng Thiên được tổ chức sau lễ phục sinh 40 ngày để kỷ niệm ngày Chúa lên Thiên Đàng.

- Lễ Đức Thánh Chúa hiện xuống: tổ chức sau lễ Chúa Thăng Thiên 10 ngày để kỷ niệm ngày chúa Giesu hiển linh xuống phàm trần.

- Lễ Đức mẹ hồn xác lên trời: được tổ chức vào ngày 15 tháng 8 (dương lịch) để kỉ niệm ngày Đức mẹ đồng trinh Maria lên Thiên Đàng.

- Lễ Các Thánh: được tổ chức vào ngày mồng 1 tháng 11 (dương lịch) để kỉ niệm sự hiển linh của các vị được phong Thánh.

4. Lễ hội Bà Chúa Xứ

Bà Chúa Xứ là một bức tượng ở trên đỉnh núi Sam. Người ta cho rằng tượng Bà Chúa Xứ có ý nghĩa phù trợ cho nhân dân đánh giặc Ân. Lễ hội Bà Chúa Xứ được tổ chức từ ngày 23 đến 27 tháng 4 âm lịch hằng năm, vía chính vào ngày 23 ở Châu Đốc - An Giang.

MỘT SỐ NGHI THỨC CHÍNH ĐƯỢC TIẾN HÀNH NHƯ SAU:

- Lễ mộc dục

Lễ mộc dục được tổ chức vào 24 giờ đêm 23 rạng ngày 24. Người ta dùng khăn sạch dấp nước lau bụi trên tượng thờ và thay áo mũ mới cho Bà. Nghi thức đầu tiên là thắp sáng hai cây đèn trước tượng Bà. Ông chánh bái và hai vị bô lão miện hương cầu nguyện. Một nhóm 4 - 5 phụ nữ được chọn lựa vén màn bước vào trong chuẩn bị tắm cho Bà. Lễ tắm Bà kéo dài khoảng 1 giờ sau đó thì mọi người tự do lễ bái. Lễ tắm Bà xong thì bức mành được kéo sang một bên, mọi người chen nhau đến

gần chiêm ngưỡng và khấn vái xin lộc. Lộc Bà chỉ là một cành hoa, một vài trái cây.

- Lễ thỉnh sắc Thoại Ngọc Hầu về miếu Bà.

Việc thực hiện nghi lễ này được tiến hành vào 15 giờ ngày 24. Tại miếu Bà, các bô lão trong làng và ban quản trị lăng miếu mặc lễ phục chỉnh tề sang lăng Thoại Ngọc Hầu nằm đối diện với miếu Bà. Đến trước điện thờ Thoại Ngọc Hầu, mọi người sẽ dâng hương, dâng hoa để tế lễ. Sau phần nghi thức, đoàn thỉnh bốn sắc lên long đình về miếu. Đó là bài vị của Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại, bên trái là bài vị bà chánh phẩm Châu Thị Tế, bên phải là bài vị bà nhị phẩm Trương Thị Miệt và bài vị Hội Đồng.

Về đến miếu Bà, các bài vị trên được an vị ở ngôi chính điện.

- Lễ túc yết.

Lễ được cử hành vào lúc 0 giờ 25 rạng ngày 26. Các bô lão trong làng và ban quản trị miếu lễ phục chỉnh tề, xếp hàng hai trước tượng Bà. Phía sau là bốn học trò và bốn đào Thầy chỉnh tề xếp hàng hai trước tượng Bà. Chính điện là ông chánh bái. Vật cúng gồm có: một con heo trắng, một đĩa đựng huyết có ít lông heo gọi chung là "mao huyết", một mâm xôi, một mâm trái cây, một mâm trầu cau, một đĩa gạo muối.

Vào lễ cúng. ông chánh bái và các vị bô lão thắp hương trước bàn thờ. Kế đến là phần khởi cỗ. Sau 3 hồi trống và 3 hồi chiêng, nhạc lễ bắt đầu tấu, lễ dâng hương, chúc tửu, hiến trà được tiến hành.

Sau khi dâng cúng hoa là dâng ba lần rượu, gọi là chúc tửu, ba lần dâng trà gọi là hiến trà, theo lệnh của người xướng lễ, bản văn tế được mang đến trước bàn thờ. Một người trong ban quản trị đọc văn tế. Dứt bài văn tế ông chánh bái đốt văn bản này và một ít giấy vàng, heo cúng trên bàn được lật ngửa trước khi mang đi. Phần cúng túc yết kết thúc.

- Lễ xây cầu

Sau cúng túc yết là lễ xây cầu. Người ta khiêng bàn thờ ra ngoài và thay vào đó bằng trống chầu.

Sau tiếng hô to "ca công tựu vị", ông chánh bái ca công bước tới bàn thờ đặt giữa võ ca, hai tay cầm dùi trống nâng ngang trán khấn vái. Bên trái bàn thờ có một tô nước và một cành liễu. Sau khấn vái, ông chánh bái ca công cầm cành dương nhúng vào tô nước rồi vẩy ra xung quanh. Động tác này vừa tượng trưng cho mưa vừa là động tác có tính ma thuật, ban phát năng lượng thiêng liêng xuống cõi trần cho cây cối tốt tươi hơn.

- Lễ chánh tế.

Đến 4 giờ sáng ngày 26 cúng chánh tế. Chiều ngày 27 rước Thoại Ngọc Hầu về Sơn Lăng. Chương trình hát bội chấm dứt, kết thúc cúng vía Bà.

Trong khi lễ diễn ra ở nội điện miếu Bà Chúa Xứ thì ngoài sân diễn ra các hoạt động văn hoá nghệ thuật dân gian như múa lân, múa mâm thao, mâm đĩa chén...

Lễ vía Bà Chúa Xứ không chỉ là buổi lễ tế đơn thuần trong phạm vi địa phương mà đã trở thành những sinh hoạt văn hoá dân gian phong phú không thể thiếu của nhân dân các tỉnh Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Lễ Phật Đản.

Theo quy tắc của phái Phật giáo Tiểu Thừa của những người dân Khơ Me ở Nam Bộ và những tín đồ Phật giáo thì họ tổ chức ngày Phật giáo đắc đạo (theo truyền thống đây là ngày Phật viên tịch vào cõi niết bàn). Ngày Phật Đản của phái Tiểu Thừa tiến hành sau ngày Phật Đản của phái Đại Thừa (khoảng sau hơn một tháng là vào ngày trăng tròn tháng 5 âm lịch).

Vào ngày lễ Phật Đản, người ta tổ chức các nghi thức suốt cả ngày đêm. Ban ngày người dân đem vào chùa dâng lên sư sãi và tụng kinh Đức Phật ra đời sau đó mọi người ở lại đến suốt đêm để đọc kinh ca ngợi công ơn của đức Phật. Sáng ngày 16 tháng 5 người ta dâng cơm cho sư sãi một lần nữa rồi kết thúc lễ Phật Đản.

CHƯƠNG IV

Một số bài văn khấn PHỔ BIẾN

VĂN KHẤN NÔM NGÀY 23 THÁNG CHẠP

Bài 1:

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Tên tôi (con) là ... cùng toàn gia ở thôn ... xã ... huyện ... tỉnh ...

Kính lạy Đức: Đông Trù tư mệnh Táo phủ Thần Quân.

Thổ địa long mạch tôn thần.

Ngũ phương ngũ thổ Phúc Đức chính thần.

Hằng năm gặp tiết hết năm, tháng vừa cuối chạp

Gia đình sửa lễ bạc dâng lên

Cảm tạ phúc dây nhờ thần phù hộ

Kính mong thần tấu bẩm giúp cho

Bên trong nếp sống rất hoà, ngoài mặt dám rằng cũng đẹp

Cảm thông xin tấu thực thà

Cầu trông giúp đỡ lợi lạc

Người người no ấm, cả nhà thêm tiếng tốt lẫy lừng

Việc việc thành công, một cửa ngút khí lành man mác

Muôn trông ơn đức vô cùng vậy.

Cẩn cáo (vái 4 vái)

Bài 2:

Kính lạy ngài Đông Trù tư mệnh Táo phủ thần Quân.

Con là ... dồng gia ... ở thôn ... xã ... huyện ... tỉnh ...

Nhân ngày 23 tháng chạp, gia chủ chúng con, sửa biện hương hoa, phẩm vật áo mũ

Kính cẩn dâng lên, dốc lòng bái thỉnh;

Phỏng theo tục lệ, kính lạy gia thần

Đại xá lỗi lầm, gia ân giáng phúc

Ban tài ban lộc, giúp đỡ toàn gia

Lớn bé vui hoà, khang ninh thịnh vượng.

Cẩn cáo.

VĂN KHẤN TIẾT TRỪ TỊCH

Việt Nam,...tháng ...ngày... trừ tịch, niên...

Tự tôn ...

Thừa mệnh thân phụ ... cùng gia quyến sửa soạn cỗ rượu, hoa quả, kính dâng lên:

Chư vị tổ tiên trong nhà

Trước liệt vị xin thưa rằng

Thời gian thấm thoắt, ngày xuân sắp hiện

Nhớ công tiên tổ phù hộ ở trên

Nghĩa nặng ơn sâu lòng buồn khôn chứa

Uống nước nhớ nguồn, muốn tỏ tình riêng

Cơm canh trầu rượu, hoa quả dâng lên

Báo gốc nhớ công, bộc bạch tâm thiêng

Cúi mong lượng trên soi thấu

Ngõ hầu hiếu tâm không thẹn.

Cẩn cáo.

VĂN KHẤN MỒNG MỘT TẾT

Việt Nam,…tháng …ngày... trừ tịch, niên…

Tự tôn …

Thừa mệnh thân phụ … cùng gia quyến sửa soạn cỗ rượu, hoa quả, kính dâng lên:

Chư vị tổ tiên trong nhà

Trước liệt vị xin thưa rằng

Tuế tự đã chu

Tiết nhằm Nguyên đán

Đầy mắt Thiều Hoa

Sẵn bày kỷ án

Bạc thiết gia hào

Kính dâng báo bản

Linh sảng thấu cho

Lai hâm chớ quản

Cẩn cáo.

VĂN CÚNG THỔ CÔNG

Nước Việt Nam, năm ..., thứ ..., tiết xuân ngày mồng 1 tháng giêng.

Tín chủ là ... đồng gia ...

Ngự tại ...

Kính cẩn dâng trầu, rượu, vàng bạc, đèn nhang, hoa quả cùng mọi phẩm vật

Cung mời

Đức gia bản thổ công tại vị ở trước

Đức thổ địa thần kỳ tại vị ở trước

Xin chư thần giáng làm chứng cho lòng thành, phù hộ cho cả nhà gia chủ, từ già đến trẻ, từ đầu năm đến cuối năm, được hưởng phúc bình an, không tai không nạn, không ách, đắc tài sai lộc, vạn sự hanh thông.

Thượng hưởng.

VĂN KHẤN HẬU THỔ

Duy: Tuế thứ kiến sóc Việt ... nhật. Tỉnh, phủ, huyện, xã ... tang chủ là ... cẩn bày lễ vật, cảm chiếu cáo vu:

Hậu thổ địa kỳ chi thần vị tiền

Mà thưa rằng: nhân vì cố phụ (hay cố mẫu, cố tổ ...)

Từ bỏ cõi trần

May nhờ bản thổ

Tàng liễm gia thân

Thiết nghĩ: Đất táng cát hung, việc quan hoạ phúc, ơn sâu che chở, nhờ Đức tôn thần

Nay: việc táng đã yên, kính dâng lễ vật

Lòng thành bày giãi, kính tạ thâm ân

Phục vọng đại đức

Soi dạ ân cần

An lạc phù cho thể phách

Tháng ngày an chốn mộ phần.

Cẩn cáo.

VĂN KHẤN TIÊN TỔ TIẾT XUÂN THU

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh .. huyện ... xã ... thôn ...

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Tín chủ con là ... đồng gia cúi lạy trước bàn thờ, kính dâng lễ mọn: hương, đăng cùng các vật phẩm, gọi là tỏ chút lòng thành dâng lên tiên tổ.

Lạy các vị thần linh

Trước linh vị thưa rằng:

Gốc của vật do Trời sinh ra

Gốc của Người là nhờ Tiên Tổ

Nghĩ việc đức ở đời mà tìm

Thực là điều căn dặn về nề nếp

Cho gia tộc ngày thêm danh tiếng

Các chi cành khắp chốn nở hoa

Để lại mai sau cho con cháu hiền hoà

Nhờ việc đức mà nay nhà nhà thêm ấm

Phải chăng tổ tiên xưa cùng ngành cùng gốc

Khiến nay cháu con mỗi tiết Xuân Thu

Lại thấy được công ơn của Tiên Tổ

Mong sao cho tốt đẹp mãi về sau

Chính là điều để mọi người suy ngẫm

Ngày ngày làm điều ích

Việc lễ được đặt ra

Mây sáng lại anh linh

Rõ ràng chẳng phải xa

Là điềm tốt rõ ràng

Để mai này soi rọi

Muôn xin Tiên Tổ mở lòng phù trì ban cho phúc vậy.

Dĩ văn.

VĂN KHẤN TIỄN QUAN ĐƯƠNG NIÊN CŨ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh ... huyện ... xã ... thôn

Ngày ... tháng ... năm ...

Tín chủ con là ... tuổi ... đồng gia kính cẩn sắm lễ vật hương đăng ... thành tâm dâng lên Hành khiển cùng Đức phán quan.

Kính mong Đại vương soi xét
Lượng trời chẳng ghét khoan dung
Giúp vua giữ ngôi hoàng cực
Âm thoả dương vui mát mẻ tiết Xuân Phong
ơn Trời đã gây dựng giềng mối
Nhờ Đất mà sinh sản hợp dạo tiết lòng
Tiết thuộc Nguyên tiêu mừng năm mới
Lễ làm trừ tịch tiễn Đại Vương
Xét thấy năm tháng đội ơn rất lớn
Xem ngày vừa hết nhờ Đức quan trên
Năm khác cờ hoa đón ngài trở lại
Lại nhờ ban phúc được như lòng
Muôn trông Đức Đại Vương
Kính cẩn bày lời.

VĂN KHẤN ĐÓN QUAN ĐƯƠNG NIÊN MỚI

Kính trông Đại Vương

Thông minh tài trí

Văn võ thánh thần

Ban ân ban đức

Ngài tôn vâng đế mệnh phân công

Để xử lý âm dương đều thoả mãn

Minh bạch nơi vương tâm chính trực

Cai quản cương vực nhờ anh quân

Trừ tịch đã làm lễ tống cựu

Nguyên tiêu nay làm lễ nghinh tân

Năm trước trọng trách đảm đương, đội ơn nhờ Đức chính trực

Ngày nay thúy hoa lại thấy, ngửa trông lượng cả khoan dung.

Cúi lạy nhờ ơn đức Đại Vương.

Kính cẩn bày lời.

VĂN KHẤN HOÁ VÀNG

Kính lạy ngài niên Đại Vương, ngài Phán quan

Kính lạy đức Bản cảnh Thành Hoàng, cùng các ngài Thổ địa, Táo quân, Long mạch tôn thần…

Lạy các cụ cao, tằng, tổ khảo, tổ tỷ, các vị cô, dì, tỉ, muội, thúc, bá, huynh đệ nội ngoại…

Hôm nay là ngày … tháng giêng năm ...

Tín chủ chúng con …ở tại …

Nhân lễ hoá vàng *(khai hạ)* chúng con thành tâm sửa lễ mọn gồm hương hoa, trà tửu, phù lưu, quả phẩm, cùng lễ mặn, kim ngân minh y *(vàng mã)* cung trần trước án, kính cáo, kính thỉnh chư vị giá lâm.

Tiệc xuân đã mãn

Nguyên đán đã qua

Nay xin lễ tạ tôn thần

Lễ tiễn tiên linh về âm giới

Kim ngân xin thiêu hoá

Gọi chút lòng trước chư vị toạ thiền

Kính xin chư vị

Lưu phúc lưu ân

Phù hộ độ trì

Cháu con nội ngoại

Gia cảnh bình an

Toàn gia thịnh vượng

Tâm thành kính cẩn

Lễ bạc kính dâng

Lượng cả soi xét

Cúi xin chứng giám

Cẩn cáo.

VĂN KHẤN DÂNG SAO GIẢI HẠN

Bài 1:

Lễ kỳ an (3 lần)

Kính lạy Đức Hữu Thiên chí tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Kính lạy: Đức Tả Nam Tào lục ty duyên tho tinh quân, Đức Hữu Bắc Đẩu cửu hàm giải ách tinh quân.

Kính lạy các ngài Thành Hoàng bản thổ, Long Mạch chính thần.

Hôm nay là ngày ...

Tín chủ chúng con là ...

Ngụ tại ...

Trước án toạ liệt vị cao minh, tinh quân, chư thần, xin kính báo

Nhân lễ nguyên tiêu

Tuân theo nếp cũ

Gia đình tín chủ

Sắm biện lễ nghi

Cúi mong chư vị

Chấp kỳ bạc lễ

Phù hộ độ trì

Giải trừ vận hạn

Điềm lành đem đến

Mệnh vị an cư

Thân cung khang thái

Chúng con chí thiết kêu cầu, kính mong bề trên chấp lễ chấp bái, mở rộng đèn trời soi xét.

Cẩn cáo.

Bài 2:

Lễ kỳ an (3 lần)

Con lạy chín phương trời, mười phương đất, chư ?hật mười phương

Con lạy chư vị tinh quân, Nam Tào, Bắc Đẩu tinh quân

Con lạy Đức Thiên quan đương niên

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Tín chủ con là ... tuổi ...

Ngụ tại ...

Năm nay là năm .. con gặp sao... chiếu mệnh

Nhân dịp đầu năm, mười rằm tháng giêng

Tín chủ nhất tâm, sửa biện lễ mọn

Trai bàn tỉnh quả, minh y kim ngân

Trà tửu, phù lưu, Hàn âm trư nhục

Cúi mong chư vị, bạc lễ chấp kỳ

Giải hạn nhân tinh, giáng trần ban phúc

Cho gia đình con khang ninh trường thọ

Vận hạn tiêu tan, gia nội hanh thông

Chúng con chí thiết chí thành, một lòng bái lạy.

Cẩn tấu.

VĂN KHẤN TẠI MIẾU THẦN LINH NGHĨA ĐỊA

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Tín chủ con là ... tuổi ...

Ngụ tại ...

Kính lạy chư vị thần linh thổ địa, Long Mạch chính thần

Hiện có mộ phần chân linh ...

Táng tại bản xứ ...

Nay tín chủ thiết kêu thiết cầu, mong chư vị lại làm giáng chiếu, độ cho vong linh an nhàn, yên ổn, siêu thoát u đồ

Gia ân cho tín chủ chúng con bình an mạnh khoẻ

Gọi là chút lễ mọn, bầy tỏ tấc thành

Cảm cung cáo vu, kính xin chứng giám.

KHẤN TẠI KHU LĂNG MỘ

(Vái 4 vái)

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhân tiết Thanh Minh năm ...

Hôm nay là ngày ...

Tử tôn trong họ tộc gồm...

Ngụ tại ...

Đứng trước mộ phần Tiên Tổ

Kính mong các đấng Thần Linh, Thổ Phủ Long Mạch, Tiền Chu tước, hậu Huyền Vũ, Tả Thanh Long, Hữu Bạch Hổ

Cùng liệt vị tôn thần cai quản bản địa

Cúi lạy xin được gia ân, gia hộ cho mồ mả bình yên

Nhân tiết Thanh Minh, toàn bộ tộc nghiêng mình kính cẩn (vái 4 vái)

Kính lạy chư vị tổ tiên

Đứng trước phần mộ, con cháu gần xa, lễ bạc tâm thành. Nhất tâm thỉnh cầu

Kính mong chư vị, lai dáo dương cơ, giám cách giáng lâm nạp thu lễ vật

Ban tài ban lộc

Bồi đắp hậu sinh

Tống ách khai hanh, phục duy thượng hưởng

(vái 4 vái)

VĂN KHẤN TỔ TIÊN

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Cháu là ... Ngụ tại ...

Trước linh vị tổ tiên thưa rằng

Thấu khắp mọi nơi tháng 3 dương khí

ơn trời đất sinh ra người và vật
Nhờ công lao vun đắp của tiên linh
Trước hãy lo việc tu sửa mộ phần
Sau mong được cháu con thịnh vượng
Nay nhân đã sửa xong phần mộ
Vậy kính mong chư vị thần linh
Cùng tổ tiên nơi suối vàng thấu rõ
Nay đã vì đạo sáng của Trời
Cùng với tiết xuân hoà của người
Cầu tổ tiên gia ân phù trì
Cho mọi sự thành công tốt đẹp.

Kính cẩn tâu bày.

VĂN KHẤN VONG LINH NGOÀI MỘ

(Dùng khi đi sửa sang mộ phần ai đó trong họ hoặc thăm viếng)

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kính lạy ...

Hôm nay là ngày ...

Nhân tiết ...

Con là ... thăm viếng phần mộ, thành tâm sửa biện lễ vật hương hoa, cáo yết tôn thần, cúng viếng hương linh, xin được quét dọn, sửa sang phần mộ

Nhờ công ơn võng cực, đức độ cao dầy của hương linh, nhờ sự độ trì của thần linh khiến gia cảnh bình an, khang thái.

Tiếp theo nếp cũ chúng con
Nguyện sống hoà thuận, làm ăn chăm chỉ
Miếu hiền nhân hậu, lưu phúc về sau
Rạng rỡ gốc nhà, đẹp lòng tiên tổ
Cúi xin thần linh chứng giám
Hương linh đồng lai thấu cho tấc lòng
Thụ hưởng lễ vật, trà tửu phù lưu
Quả phẩm kim ngân, lòng thành giám cách
Kính mong chư vị phù hộ độ trì
Giải tai cứu hạn, hung nghiệt xua đi
Ban tài ban lộc, mọi sự hanh thông
Độ cho gia đạo hung long, quế hòe tươi tốt.

Cẩn cáo.

VĂN LỄ CÁO TỔ TIÊN TẾT TRUNG NGUYÊN

Bài 1:

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Kính lạy ...

Trước linh vị thưa rằng nhân tiết Trung Nguyên

Ngửa xin soi xét, lạy độc văn kinh

Mồng cho âm dương lưỡng lợi, cầu sao mọi việc tốt lành

Kính cẩn dâng lời.

(vái 4 vái)

Kính lạy ...

Trước vị tiền thưa rằng lễ là việc lớn

Đúng vào dịp này việc lành đang làm không phải vô ích

Lễ do nghĩa xếp đặt, văn bởi tình mà sinh ra

Trộm nghĩ rằng

Tiên linh nhà ta cùng chư vị tổ tiên

Lúc sinh thời có nhân duyên tuân theo đạo Phật

Nên có phần đóng góp công đức vào chùa

Ngóng trông về sau lúc qua đời

Mọi sự nương nhờ xưa nay đã định

Sáng cõi âm chốc lát, đẹp mộng trần mênh mang

Hoa rụng đâu có trở lại cây

Nước tắc khó tìm về nguồn cũ

Đó là điều người xưa từng nói vậy

Con cháu hậu sinh tìm điều tốt đẹp trong gia phả

Tìm lại công đức tiền nhân để ghi tạc trong lòng

Nay nhân tiết Trung Nguyên

Lễ theo như Phật giáo

Bày biện lễ chay cầu giải thoát oan khiên thuở trước

Lại cùng chiếu tế để điều tốt đẹp cho đời sau

Mong vong linh tổ tiên xét giúp đỡ mọi người vậy

Kính cẩn dâng lời.

Bài 2:

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính lạy đức bản gia Đông trù tư mệnh Táo Phủ Thần Quân

Kính lạy chư vị tổ tiên

Kính lạy chư vị hương linh nội ngoại

Hôm nay là ngày rằm tháng bảy

Con là □

Nhân tiết Trung Nguyên, động lòng nhớ tới công đức rộng lớn của tổ tiên, ông bà cha mẹ đã sinh ra chúng con.

Gây dựng cơ nghiệp, dạy dỗ chúng con nên người

Quả là đức cù lao khôn báo, công trời biển khó đền

Trước linh toạ cúi xin lượng trên thương xót. Linh thiêng giáng lâm chứng giám tấm lòng thành, thụ hưởng lễ vật cùng với kim ngân minh y, phù hộ độ trì cho con con cháu cháu được đắc tài đắc lộc, mọi việc hanh thông, sở cầu tất ứng, gia đạo hưng long.

Tín chủ lại mời: các vị vong linh y thảo phụ mộc phảng phất trên đất này nhân lễ Vu Lan về hâm hưởng

Kính mong chư vị chấp lễ chấp bái, chấp kêu chấp cầu. Đồng lai giám cách.

Kính cẩn dâng lời.

VĂN KHẤN CHÚNG SINH

Lễ kỳ an (3 lần)

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính lạy Đức Đông trù tư mệnh Táo Phủ Thần quân

Hỡi vong linh cô hồn phảng phất
Tiết Vu Lan xá tội gần xa
Âm cung cửa ngục mở ra
Vong linh không cửa không nhà bơ vơ
Chạnh lòng thương kẻ thất cơ
ít nhiều bố thí gọi là đem tâm

Hỡi chúng sinh không mồ không mả
Hồn lang thang xó chợ đầu đường
Quanh năm đói rét cơ hàn
Không manh áo rách che làn gió bay
Cô hồn phảng phất đó đây
Mau về hội tụ nhân ngày Trung Nguyên
Dù rằng chết phải nỗi oan
Chết bởi nghiện hút, chết ham làm giàu
Chết tai nạn, chết ốm đau
Chết đâm, chết chém đánh nhau vì tình
Chết bom đạn chết đao binh
Chết bởi chó dại sản sinh không thành
Thương ơi chết ở giữa dòng
Vong hồn trôi nổi biết rằng nơi đâu
Trăm nghìn kiểu chết khác nhau
Giữa đường xe cộ biết đâu mà lường
Nay tín chủ thành tâm sắm biện
Cơm canh cùng cháo tẻ trầu cau
Tiền vàng quần áo các màu

Mau về tiếp nhận trước sau gọi là

Rồi dắt nhau về nơi âm giới

Phù hộ cho tín chủ bình yên

Hanh thông mọi việc bình yên

Trẻ già trai gái thành tâm thỉnh cầu

Lễ kỳ an (vái 3 vái)

Khấn xong đốt tiền vàng, quần áo giấy loại nhỏ của chúng sinh, đồng thời rắc gạo, muối ra các hướng.

VĂN KHẤN NGÀY SÓC VONG

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm

Tín chủ con là ... đồng gia ... kính cáo

Con lạy Đức Đông trù tư mệnh Táo Phủ Thần quân, Long mạch tôn thần, đồng chư vị Thần tài...

Con lạy chư vị tiên tổ hương linh

Tuân theo lễ luật mồng một đến ngày, kính bày lễ sóc

Thành tâm sắm biện, trà tửu hương hoa
Kính cẩn lạy dâng tôn thần, tiên tổ
Cúi xin phù hộ cứu khổ trừ tai
Tiến lộc tiến tài, cháu con hiếu thảo
Gia đình hoàn hảo, mọi việc hanh thông
Trăm lạy nghìn trông, thần công mạc trắc.

Phục duy thượng hưởng.

VĂN KHẤN GIA TIÊN NGÀY GIỖ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hôm nay là ngày ...

Cháu nối việc phụng thờ tên là ... cùng...

Ngụ tại ...

Cúi đầu trăm lạy trước linh vị ...

Nhớ tới ngày kị

Kính dâng lễ mọn: hương hoa trà tửu, kim ngân tỉnh quả

Bày tỏ tấc thành trước liệt vị tôn thần toạ thiền

Kính cáo gia thần

Tưởng nhớ công ơn biển trời khi trước

Lại nhìn xem cảnh vật tươi đẹp hôm nay

Trộm nghĩ:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Cúi trông thấu tỏ tấm lòng ngưỡng mộ

Âm phù cho gia cảnh phấn chấn, con của sinh sôi

Mắt tuệ xét soi, xui tránh mọi hung tai quấy nhiễu

Phép thiêng vùng vẫy, khiến gặp nhiều phúc lộc yên vui

Lại mời chư vị gia thần, gia tiên chứng giám lễ thường che chở giúp đỡ

Cầu mong sao xiết

Cung kính dâng theo điều nguyện.

Cẩn cáo.

NHẤT KY HỢP CÚNG VĂN

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hôm nay là ngày ...

Thừa tự cháu là ... cùng ...

Nhân ngày này tháng này giỗ nhiều vị, hoặc gần hoặc xa trước sau xa cách

Xin cùng đến ngày hôm nay hợp kính nhất duyên

Trên bàn thờ cỗ bàn bày biện, hoa quả chi nghi

Con cháu gần xa kính mời chư vị chứng giám

Lại kính mong tổ tiên cùng chư vị

Hôm nay cũng như các ngày giỗ khác

Cung vọng liệt vị tổ tiên cùng về chứng giám

Kính mong chư vị nhận cho lễ vật, ban phúc gia ân

Nếu có lỗi lầm kính xin đại xá.

Cẩn cáo.

VĂN KHẤN THẦN TÀI

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - tự do - hạnh phúc

Năm ... tháng ... ngày ...

Tín chủ là ...

Ngụ tại ...

Kính dâng hương đăng hoa quả ... kính cẩn thưa rằng

Kính cáo ngũ phương ngũ thổ long thần
Tiền hậu địa chủ tài thần
Tiếp nhận lòng thành, che chở ban ân
Thêm tài thêm lộc mọi sự đều lành
Cúi mong soi xét, nguyện ước thành tâm
Phúc để trăm năm, giúp cho tín chủ.

Kính cẩn dâng lời.

VĂN KHẤN ĐỨC ÔNG

Lễ kỳ an (3 lần)

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính lạy đức ông Tu Đạt tôn giá, Thập Bát Long thần, già Lam chân tể

Hôm nay là ngày ...

Tín chủ là ...   Ngụ tại ...

Kính lạy Đức ông, gia quyến chúng con thành tâm kính lễ, hương hoa vật phẩm, gọi chút lòng thành mong ngài soi xét

Trộm nghĩ:

Chúng con sinh ra nơi trần tục

Tránh sao được sự lỗi lầm

Trước Phật đường sám hối ăn năn

Kính mong Đức Già Lam chân tể

Mở lòng tế độ che chở chúng con

Làm ăn thuận lợi trong năm

Tiêu trừ bệnh tật tai ương

Vui hưởng lộc tài may mắn

Cúi mong ngài: Chấp lễ chấp bái, chấp kêu chấp cầu

Dãi tấm lòng thành, xin ngài phù hộ

Lễ kỳ an (3 lần)

VĂN KHẤN ĐỨC ĐỊA TẠNG

Lễ kỳ an

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam mô đại từ đại bi bản tôn địa tạng vương Bồ Tát

Hôm nay là ngày ...

Tín chủ con là ...Ngụ tại ...

Thành tâm cúi lạy trước Phật đài, kính dâng hương hoa phẩm vật, cung thỉnh Bồ Tát đại từ đại bi giáng lâm giáng phúc cho tín chủ

Bái đảo đại đức, giáo chủ u minh

Phật phó chúc nơi cung trời đạo lợi
Chở che cho gia quyến chúng con
Như mẹ hiền phù trì con đẻ
Nhờ ánh ngọc Minh Châu trừ hạn ách
Mây từ che chở trí tuệ hanh thông
Tâm đạo khai hoa não phiền nhẹ bớt
Lúc đang sống một lòng thiện niệm
Theo gương đại sĩ tế độ chúng sinh
Khi vận hạn được ơn cứu độ
Của Bồ Tất cùng vị chư linh
Lúc lâm chung vượt cõi u đồ
Lại được tái sinh lên cõi thiện
Cúi mong Bồ Tát, tế độ cho hương linh gia tiên
Cõi u minh hết thảy đều siêu thoát
Cung trần cầu xin giám cách
Lễ kỳ an (3 lần)

Vái 4 vái.

VĂN KHẤN TRƯỚC ĐIỆN TAM BẢO

(Vái 5 vái)

Lễ kỳ an

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ Tát

Hôm nay là ngày ... tháng ... năm ...

Tín chủ con là ...Ngụ tại ...

Thành tâm trước Phật dài, lễ vật hương hoa, nhất tâm kính lễ

Kính mong Phật tổ chứng giám, chư vị Bồ Tát vị tha

Đức ông Thập Bát Long Thần mở lòng nhân từ đại xá

Che chở gia ân cho tín chủ đồng gia quyến đẳng

Trí tuệ được mở mang, khiến nghiệp chướng tiêu tan

Tâm đạo tỏ tường, cõi lòng được thanh thản

Chúng con xin nhất tâm thiên nguyện

Cầu mong cho gia cảnh bình yên

Bốn mùa tám tiết gia đạo hưng long

Quanh năm thịnh vượng, lộc tài đưa đến

Chúng con cúi lạy trước Phật đài, cửa từ bi quảng đại

Nhất sự nhất xá, vạn sự cho qua

Giãi tỏ tấc lòng, cúi tin giám cách

Lễ kỳ an (3 lần)

(Vái 5 vái)

VĂN KHẤN CẦU SIÊU CHO GIA TIÊN

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trước tam bảo chúng con trộm nghĩ

Mười phương Phật đạo giác, soi tỏ chốn đường mê

Ba cõi Đức đại sư, thả thuyền từ nơi bể khổ

Tín chủ là ...

Ngụ tại ...

Trước Phật đài làm lễ cầu siêu độ

Cho gia tiên là ...

Mất ngày ...

Mai táng tại ...

Chúng con kính mong được hồng ân Tam bảo, đại xá cho vong linh. Bởi lúc bình sinh nơi trần thế, tuệ cạn chướng sầu, nghiệp dày phúc mỏng

Sai lầm đã lắm, ân oán khó qua

Nay lễ cầu siêu, tỏ lòng sám hối

Kính lạy trước tam bảo mười phương chư Phật

Kính lạy Đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính lạy Đức quan âm Đại hải Bồ Tát

Kính lạy Đức địa tạng vương Bồ Tát

Chư vị đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn

Cứu vớt vong linh

Được thoát cõi u đồ, nấp bóng đài sen của Phật

Để được hưởng một kiếp thảnh thơi thân cung mát mẻ

Lại xin cầu nguyện cho chúng con
Sở nguyện tòng tâm, tứ thời mạnh khoẻ
Điều lành hay đến, việc dữ tránh xa
khang thái vinh hoa, gia môn phổ cập
Lễ kỳ an (3 lần)
(vái 5 vái)

VĂN TẾ THÀNH HOÀNG

Duy thôn ... xã ... huyện ... tỉnh ...

Tuế thứ niên ... nguyệt ... nhật

Hội chủ là ... kỳ lão là ... và các gia quyến trong thôn gần xa lớn nhỏ

Kính đem rượu tốt trầu thơm, các thứ dâng trước ngôi cao, mạo muội kính lạy:

- Công thần triều Hùng, cứu đời yên dân, Trấn Quốc Đại Vương, Tôn thần vị tiền

- Trưng Triều công thần, giữ nước giúp dân, ngăn hoạ trừ tai Sơn Tinh công chúa, Tôn thần vị tiền

- Trần triều điện quý phu nhân, cứu dân lợi vật, giải khốn trừ nguy, Thuỷ tinh công chúa tôn thần vị tiền

- Và kính mời các vị triều trước mở mang bờ cõi, khai dựng làng thôn, dạy dân để phúc, đức lớn công to, chư vị tổ tiên, các họ Thần vị tiền

Lại kính mời các ngôi tôn thần bản thổ, quan liêu bộ chúng trong đình

Kính trông chư vị tôn thần

Tài gồm văn võ kiêm cả Thánh thần

Đuổi giặc Bắc để yên nhà, công đức dài lâu ghi sử đỏ

Trừ giặc Nam cướp phá, danh thơm còn mãi với nhân dân

Triều Hùng đã nổi tiếng thơm

Xứ Động Linh còn lưu đền sở

Dẹp giặc Hán, nơi nơi tắm gọi sóng ân

Chiêu dân mở xã một vùng, nhờ công dạy dỗ

Đến thời Trần vì nghĩa trai làng đi dẹp giặc

Trọng tướng tài, dân thôn lập miếu phụng thờ

Ba vị thiêng liêng, trước sau vẫn ơn nhờ phù hộ

Bốn mùa hương khói, người người theo cũ, kính cẩn đều thiêng

Nay theo tiền lệ

Ngày (ky) đến kỳ

Tuy nhiên lễ bạc nhưng mọi người nhất dạ tâm thành

ý nguyện thật tình, cầu cho sự bình yên vô sự

Buôn bán hanh thông của người tươi tốt

Cấy cày gặp vận, thóc lúa đầy kho

Già khoẻ vui, trẻ thịnh vượng trăm năm nhờ che chở

Đi gặp may, ở yên lành mãi mãi nhờ công giúp đỡ

Muôn trong sức lực phò giúp của chư vị Thánh thần

Kính cẩn dâng lời

VĂN KHẤN ĐỨC THÁNH THẦN

Kính lạy Đức Trần triều hiển thánh nhân Hưng Đạo Đại Vương, thái sư Thượng phụ quốc công chí trung đại nghĩa, dực bảo trung hưng thượng đẳng thần vị

Kính lạy Hưng Đạo Đại vương phu nhân hiệu Thiên Thành công chúa, truy phong Nguyên từ quốc mẫu, sắc phong Thiên uý Thái trưởng công chúa

Kính lạy:

Trần triều tứ vị vương tử thần vị

Trần triều nhị vị vương cô thần vị

Trần triều tứ vị nhất phẩm phu nhân thần vị

Trần triều vương tế Điện suý thượng tướng quân, quan nội hầu Phạm tôn thần vị

Tín chủ con là ...

Ngụ tại ...

Nhất tâm bái đảo, một dạ kêu cầu

Kính mong chư vị gia ân làm phúc, phù hộ độ trì cho toàn gia chúng con

Đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối

Tai qua nạn khỏi vạn sự hanh thông

Điều lành mang đến việc dữ mang đi

Cầu tài đắc tài, cầu lộc đắc lộc

Thêm người thêm của, vật thịnh nhân an

Vãng cát cư an, mọi điều như ý

Tín chủ đồng gia chúng con cúi đầu kính lễ mong chư vị nhất sự nhất xá, vạn sự vạn xá

Thấu tỏ tấc lòng, đồng lai chứng giám

Cẩn tấu.

VĂN KHẤN BÀ CHÚA KHO

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hôm nay là ngày ...

Tín chủ con là ... đồng gia ... Ngụ tại ...

Kính lạy tam giới Thánh chúa, Tam phủ công đồng

Cúi lạy: Tam toà thánh Mẫu, Tứ phủ chầu Bà

Ngũ vị Thánh quan, Tả hữu quan Hoàng

Ngũ vị Thánh cô, Bà chúa sơn Trang cùng Thập nhị tiên nương

Cúi lạy: Quan đương niên hành khiển

Đức đại vương Thành hoàng bản cảnh

Ngũ hổ thần tướng, Thanh xà, Bạch xà cộng thần linh

Kính lạy đức Bà Chúa Kho Thánh Mẫu hiển hoá anh linh, cảm thông các sự. Chấp lễ chấp bái phù hộ độ trì chứng minh cho tâm thành của gia chủ chúng con là ...

Trước Thánh vị, con xin tu thiết kim ngân, hương hoa lễ vật, chí thiết nhất tâm, lòng thành dâng lễ

Mong được sám hối cầu xin ban ân

Gia quyến bình an, sở cầu đắc nguyện

Cầu lộc đắc lộc, cầu tài đắc tài

Mọi sự đều hanh thông

Toàn gia khang thái

Chúng con xin khấu đầu bái lễ

Trước chư vị và Thánh Mẫu Chúa Kho

Cho chúng con được đắc cầu như ý.

Cẩn tấu.

VĂN KHẤN MẪU LIỄU HẠNH

Bài 1: Tế bốn mùa

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trộm nghĩ rằng:

Thần cao quý từ Thiên đình làm cho con họ Phạm

Triều Lê tốt đẹp kế đến Thiên Bản, Nga Sơn

Một thời oanh liệt cõi trần gian

Lòng từ với hai họ Trần Mai chốn cũ còn tạc ghi trên đá

Khác đời riêng biệt quán linh thanh

Lời truyền vốn từ nơi phủ tía

Yểu điệu mà tiếng vang như Lữ Hoàng Võ Hậu

Dọc ngang ba ngàn thế giới như nữ Nghiêu, vợ Thuấn hãy còn truyền

Tài gọi gió làm mưa khác chi thần

Ra tay dẹp ác trừ gian cứu đời cơn bĩ cực

Nhân tiết (xuân) trời đẹp, kính cẩn dâng lễ bạc tâm thành

Mong Thánh Mẫu nhiều lần chứng giám

Để cho dân (tín chủ) hưởng ngũ phúc dài lâu

Cho mạnh nước trường tồn mãi mãi

Và hương thôn (tín chủ) ngày một khang ninh

Muôn điều trông ngóng

(vái 4 vái)

Bài 2: Ngày lễ Khánh hạ

Cung kính ngửa trông vị Tôn thần cao quý

Núi non tốt đẹp

Trời đất thiêng liêng

Thánh Mẫu quyền nơi trần thế

Gốc tại thiên đình

Vâng theo mệnh vua, vui cùng hạ giới

Đại An cảnh đẹp, tiên nữ giáng phàm

Non nước dạo chơi, để xa trần thế

Rèn luyện chính khí, chuyên tu tâm kinh

Cho khí chẳng mất, cũng chẳng thiếu thừa
Tâm không xuất nhập cũng không tranh dua
Cốt giữ khí dương, phát tựa lôi đình
Đầy đủ khí tốt, tâm rộng biển đông
Chân thành tự tại, vạn dặm vượt qua
Lòng từ cứu độ, già trẻ bình an
Giúp nước trừ tà, sông xanh biển lặng
Công đức đã tỏ lưu danh muôn đời
Nơi nơi phụng sự, người người kính nhớ
Y theo lễ tết, trông cậy sức thần
Nay tỏ tấc lòng, muôn trông lượng cả
Nguyện cầu soi xét, mong được hiển vinh
Kính trông Thánh Mẫu hiển linh
Phù trì gia ân cho tín chủ được hưởng đại phúc.

Kính cẩn dâng lời.

VĂN KHẤN BÁCH NGHỆ LỄ TIÊN SƯ

Hôm nay là ngày ...

Con là ... Ngụ tại ...

Kính lạy đức ... tổ sư, cùng chư vị tiên sinh

Dám xin cáo với tiên sư

Tài hơn so với mọi người

Trí giỏi không biết trước được

Tạo thành muôn vật đủ mọi thứ cho đời

Trời đất đặt khuôn chẳng qua là chước lược

Dù tinh dù thô cũng được có nghề

Chế tác tuỳ theo ý người sử dụng

Nay nhân tiết lành

Kính bày lễ vật

Tiên sư soi xét

Tấm lòng sắt son

Phù hộ cho gia quyến làm ăn thành đạt, thân thể bình yên, lại thêm lộc, thêm tài hoạch phát

Muốn trông công đức tiên sinh ban ơn giúp đỡ vậy.

Kính cẩn dâng lời.

VĂN KHẤN TIẾT THƯỜNG TÂN *(CƠM MỚI)*

Tín chủ con là ...Ngụ tại ...

Hôm nay ...

Kính lạy chư vị tiên sư Thánh đế, Thổ địa Long mạch chính thần.

Kính lạy chư vị tổ tiên - hương linh nội ngoại

Dám xin cáo với đức tiên sư Thánh đế họ Thần Nông ngồi ở chín trùng, nối liền mãi mãi

Nhân thời tuỳ đất mọi việc lo toan

Đẽo cày làm bừa dạy dân cấy hái

Đương dại thường thấm đức cao sâu

Muôn thuở phải chịu ơn mưa móc

Nay nhân tiết cơm mới xin bày lễ bạc

Kính thỉnh đức tiên đế cùng chư vị Tôn thần

Kính mời tổ tiên, hương linh đồng lai phối hưởng

Diêu soạn thú tu, trà tửu kim ngân

Phù hộ cho tín chủ được sở nguyện tòng tâm

Gió hoà mưa thuận mùa lai mùa thắng lợi

Sức khoẻ dồi dào, chăm công việc

Xóm làng yên ổn không sợ rối ren

Quan lại thanh liêm, chẳng lo đói khát

Sống lâu trong thế cuộc bình yên

Vui vẻ cùng cảnh nhà khoái lạc

Thực dội ơn đức tiên đế cùng chư vị gia thần, gia tiên vậy.

Kính cẩn dâng lời.

VĂN KHẤN GIAO THỪA

Nước Đại Việt, năm ... , ngày mồng một tháng giêng xuân tiết

Đệ tử con là ...Ngụ tại ...

Cùng toàn thể gia đình cúi đầu trăm bái

Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, trầu nước thêm một vật phẩm dâng lên

Vọng bái:

Trước bệ ngọc đức Tổng vương hành khiển, Ngũ đạo chí đức tôn thần

Lâm tào phán quan tại vị ở trước

Đức thổ địa nơi đây tại vị ở trước

Đức Thành Hoàng bản cảnh địa tại vị ở trước

Cầu chư vị chứng giám

Cúi đầu kêu xin

Chư vị phù hộ cho toàn gia chúng tôi, từ già đến trẻ quanh năm được tăng phúc tăng thọ, người an, vật thịnh, vạn sự hanh thông.

Cẩn cáo.

VĂN KHẤN GIA TIÊN

Nước Đại Việt, năm ... , ngày mồng một tháng giêng xuân tiết

Nay con giữ việc phụng thờ tên là ... sinh quán tại ... cùng gia quyến cúi đầu trăm bái

Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, cỗ bàn cùng mọi vật phẩm dâng lên

Kính mời các cụ họ ..., kỵ, ông, bà, cha mẹ, chú bác, anh, em, cô, dì, chị, em cùng về chứng giám

Giám mong

Tiên tổ bảo hộ gia đình, từ già đến trẻ, hạnh phúc an khang, vạn sự hanh thông, người tăng vật vượng.

Thượng hưởng.

VĂN TẾ THẦN XE TANG

Duy: Niên hiệu ... năm, tháng, ngày .... Tỉnh, phủ, huyện, xã, tế chủ ... cẩn bày lễ vật thứ phẩm chi nghi, cảm chiếu cáo vụ linh thần vị tiền mà thưa rằng: Vì có phụ thân từ bỏ cõi trần

Nay đem linh cữu đến đặt lên trên xe. Ngửa trông thần quy bảo hộ, đòn trục vững vàng, dây dợ bền bỉ để cho linh hồn được yên, không phải kinh sợ.

Cẩn cáo.

VĂN TẾ TẠI TRẠM NGHỈ

Ô hô!

Xót tình con hiếu

Sao dung kẻ ác

Mà người hiền lành

Xui lòng con bối rối nghĩ quanh

Hỡi ơi!

Công đức phụ (mẫu) thân, cao sâu khôn tả

Thân hôn sớm tối, tơ tóc chưa đành

Vừa đây: màn trướng vào ra, vẫn thấy dung nhan vui vẻ

Giờ đã:

Âm dương cách biệt, trông vào chăn gối vắng tanh

Châu lệ ròng ròng, đau lòng tưởng nhớ

Hương hồn phiêu diêu, về chốn u minh

Nay nhân:

Trạm nghỉ dừng chân, thiết tuần điện tế

Lễ bày phẩm vật, tỏ tấm ai tình

Chén rượu tuần nhang, gọi là báo đáp

Non xanh nước bạc bày giải trình thành

Cẩn cáo.

VĂN TẾ ĐỀ CHỦ

Duy niên hiệu ... tuế thứ kiến sóc, việt ... nhật. Tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã ... tang chủ cẩn dĩ ... cáo vu hiền khảo (hiền tỷ) ... công, huý ..., tự ... hiệu ..., phủ quân.

Vị tiền viết:

Vành ô sương phủ

Đỉnh Hồ (Dĩ) mây che

Luống than xe mây mờ mịt

Khôn ngăn giọt lệ đầm đìa

Nấm mồ đã tủng vừa an, sửa thần tế điện

Ngọn bút thơ mao lại điểm tỏ tấm lòng quê

Nay nhân:

Mọi việc xong xuôi, nghinh thần nhập thất, phục dung chân linh

Bỏ chốn cũ theo chốn mới, để bằng để y

Bỏ cháu con tận đạo chưng thường, ấy mong ấy mỏi.

Cẩn cáo.

TẾ THÀNH PHẦN

Ngày, tháng ... các tên đứng tế ... Đồng gia quyến đẳng, cẩn dĩ ... vật phẩm chi nghi, kính dâng lên ...

Hiển khảo là ... phủ quân ... lại trước mộ mà thưa rằng:

Ô hô, thấy buồn che đỉnh Hồ (Dĩ), ngùi trong cuộc thế mênh mang

Bể thẳm hoá cồn dâu, khôn rõ hoá cơ, đóng mõ

Thương thay! Một phút ngàn thu, u hiển âm dương, chia cách ngả

Tủi nhẽ! Trăm năm ba thước, cha con cách biệt dôi đường

Nay nhân:

Đất tốt đã phong

Nấm mồ vừa đắp

Đứng trước hoa cô sầu úa

Gọi là chén rượu tuần nhang, khôn ngăn nức nở.

Cẩn cáo.

TẾ PHẢN KHỐC

………………..

Thống duy: Thân phụ (mẫu)

Lìa bỏ trần ai

Đã được an táng

Yên chốn tuyền đài

Linh phụng linh vị

Về lại nơi đây

Sớm hôm phụng tự

Chẳng dám đơn sai

Phục duy: Linh đức

Phủ giám soi xét.

Cẩn cáo.

VĂN TẾ NGU

Duy năm, tháng, sóc việt ... ngày, chúng tử

Tôn đảng cẩn bày lễ vật kính dâng lên

Hiển khảo ... phủ quân

Trước linh toạ khóc mà thưa rằng

Sao chìm Nam cực

Mây ám Dao trì

Than thở hoá cơ khôn thấu

Buồn thương tử đạo thêm bi

Cù lao, đức cả, cố phục ơn sâu, cao hậu sánh cùng trời đất

Ngon ngọt của thường, thần hôn lệ trọng, phân li chưa báo tóc ty

Bỗng chốc âm dương xa khuất

Xui nên nam bắc phân kỳ

Trộm nghĩ thân thể biến đi rồi, lặng lẽ đã yên u trạch

Buồn tưởng hương hồn về đâu nhẽ, bàng hoàng chửa biết sở quy?

Bảng lảng đoái trông hình bóng

Bùi ngùi không hạn kỳ

Nay nhân: (sơ ngu thì viết) ai hiến ngu sự

(tái ngu ...) ai hiến cấp sự

(tam ngu) cáo thành ngu sự

Dùng để phỉ nghi

Đức khôn điều bể rộng trời cao, biết bao cho thấu?

Thành gọi chút nén nhang bát nước, tế dĩ an chi.

Cẩn cáo.

VĂN TẾ TIỂU TƯỜNG VÀ ĐẠI TƯỜNG

Mây mờ Hồ lĩnh

Sương nhuốm xuân đường

Xưa đầm ấm một nhà phụ tử

Nay chia phôi đôi ngả âm dương

Ngửa trông công đức khó đền, tuôn rơi máu lệ

Mơ tưởng âm dương khôn thấy, đau quặn can trường

Thấm thoắt vừa hai năm trọn

Ngờ đâu đã tới biển tiểu đường

Mây chí kinh thành, khôn xiết báo đền ơn cả;

Bao hàng lã chã, gọi là tỏ giã tình thương.

Cẩn cáo.

VĂN TẾ TRÙ PHỤC

Thống duy phù thân

Lánh xa trần thế

Trước mắt thấy xuân đường (mẹ thì đổi ra huyên đường) sương nhuốm, não dạ thương tâm

Ngẩng đầu nhìn đỉnh Hồ (mẹ thì đổi là đỉnh Dĩ) mây che, đau lòng nhỏ lệ

Kể năm đã trải hai đường
Tính tháng đã vừa đàm tế
Tuy rằng biến hung ra cát, đang phục tận trừ
Nhưng mà lòng hiếu thờ thân, bể trời không ví
Gọi là tuần rượu nén nhang
Để tỏ trời kinh đất nghĩa.

Cẩn cáo.

VĂN KHẤN NGÀY GIỖ

Nhân ngày huý nhật
Tưởng nhớ chân linh
Cẩn bày lễ bạc
Trà rượu cơm canh
Kính dâng hiền thảo
Phù gia đạo bình an khang thái
Tấm lòng hoài niệm
Nói chẳng biết tỉnh.

Cẩn cáo.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

CÁC VỊ THÁNH THẦN ĐƯỢC THỜ Ở BẮC BỘ

Nhân vật	Nơi thờ tự
- Hưng Đạo Đại Vương	Đền Thượng - Lào cai
- Cô Đôi Cam Đường	Đình Bảng - Tiên Du
- Ông Hoàng Bẩy	Bảo Hà - Lào Cai
- Liễu Hạnh	Trấn Yên - Yên Bái
- Cao Sơn - Quý	Trấn Yên - Yên Bái
- Tản Viên Sơn Thánh Minh	Nhiều vùng
- Xuân Nương	Tam Thanh - Phú Thọ
- Bà Vũ Thị Thục	Phù Ninh - Phú Thọ
- Hùng Hải Công	Sông Thao - Phú Thọ
- Phật Nguyệt	Thanh Ba - Phú Thọ
- Đông Hải Đại Vương	Phong Châu - Phú Thọ
- Mãnh Hộ Thành Hoàng	Phú Thọ
- Cốt Tung	Làng Liễu Trì
- Trần Nguyên Hãn	Lập Thạch - Vĩnh Phúc
- Phùng Lộc Hộ	Thổ Tang - Vĩnh Phúc
- Chàng Hối	Thịnh Kỷ - Vĩnh Phúc
- Vinh Hoa Công Chúa	Tiên Nha - Vĩnh Phúc
- Nguyễn Danh Phương	Tam Đảo
- Lũ Luỹ	Tiên Lãng - Vĩnh Phúc

Nhân vật	Nơi thờ tự
- Hai Bà Trưng	Mê Linh - Vĩnh Phúc
- Nguyễn Khoan	Vĩnh Lại - Vĩnh Phúc
- Lê Ngọc Trinh	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc
- Thành Hoàng Trần Quốc Chẩn	Vân Sa - Hà Tây
- Bố cái Đại Vương Phùng Hưng	Đường Lâm - Hà Tây
- Giang Văn Minh	Đường Lâm - Hà Tây
- Nguyễn Thị Ngọc Dung	Làng Mía - Hà Tây
- Tản Viên Sơn Thánh	Sơn Tây - Hà Tây
- Trạng nguyên Vũ Duệ	Vạn Vĩ - Đan Phượng - Hà Tây
- Nữ tướng Sa Lãng	Đan Phượng - Hà Tây
- Tướng Vũ Hùng	Hà Tây
- Chử Đồng Tử - Tiên Dung	Tự Nhiên - Hà Tây
- Cao Sơn Đại Vương	Khê Hồi - Hà Nội
- Quách Lãng, Đinh Bạch Nương và Đinh Tĩnh Nương	Hoa Lư - Ninh Bình
- An Dương Vương	Cổ Loa - Hà Nội
- Lý Ông Trọng	Đình Chèm - Hà Nội
- Tam vị thành hoàng	Đông Ngạc - Hà Nội
- Phùng Hưng	Quảng Bá - Hà Nội
- Tô Hiến Thành	Văn Hiến - Láng Hạ

Nhân vật	Nơi thờ tự
- Bắc cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân	Đền Ghềnh - Gia Lâm
- Nàng Tía	Thánh Từ - Hà Nội
- Ba ông tướng họ Đào	Ngọc Động - Gia Lâm
- Tứ vị thánh Nương	Đền Lộ - Hà Tây
- Nàng Quốc	Đa Tốn - Gia Lâm
- Trương Thu Thuyết	Văn Giang - Bắc Ninh
- Ý Mục Đại Vương	Đình Bối Khê
- Thuỷ tinh công chúa	Khoái Châu - Hưng Yên
- Linh Lang Đại Vương	Đền Cót - Hà Nội
- Phương Hoa công chúa	Khoái Châu - Hưng Yên
- Bái Tế Đại Vương Nguyễn Siêu	Đông Kết - Hưng Yên
- Nhị Khanh	Khoái Châu - Hưng Yên
- Quan Đại từ Đồ Đinh	Khoái Châu - Hưng Yên
- Không Lộ Thiền Sư	Chùa Keo - Thái Bình
- Đỗ Đô	Vũ Thư - Thái Bình
- Lý Nam Đế	Đền An - Thái Bình
- Trần Nhật Hiệu	Dương Xá - Thái Bình
- Thục Côn công chúa	Nam Định
- Lê Cả Hiệu	Tuân Lục - Nam Định

PHỤ LỤC II

CÁC NGÀY LỄ TIẾT PHỔ BIẾN TRONG NĂM

- Mồng 1/2/3 tháng 1	Tết Nguyên đán
- 15/1	Rằm tháng giêng
- 8/2	Lễ vía Đức Phật Thích Ca xuất giá
- 15/2	Lễ vía Phật Thích Ca Niết Bàn
- 19/2	Lễ vía Bồ Tát Quan Âm
- 21/2	Lễ vía Bồ Tát Phổ Hiền
- 3/3	Tết hàn thực
- 16/3	Lễ vía Đức Bồ Tát Chuẩn Đề
- 4/4	Lễ vía Bồ Tát Thù Sư Lợi
- 15/5	Lễ vía Đức Phật Thích Ca Đản Sinh
- 5/5	Tết đoan ngọ
- Tháng sáu	Lễ vía Đức Bồ Tát Quan Âm thành đạo
- 7/7	Tiết khuất sảo

- 15/7	Lễ vu lan
- 15/8	Rằm Trung thu
- 30/8	Lễ vía Đức Bồ Tát Địa Tạng Vương
- 9/9	Tết trùng cửu
- 19/9	Lễ vía Đức Bồ Tát Quan Âm xuất gia tu đạo
- 30/9	Lễ vía Đức Phật Dược Sư
- 17/11	Lễ khánh đản Đức Phật A di đà
- 8/12	Lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo
- 23/12	Tết Táo Quân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tín ngưỡng, phong tục - Những kiêng kỵ dân gian Việt nam - NXB Thanh Hoá - 2004.

2. Những lễ hội Việt Nam tiêu biểu - NXB Văn hoá thông tin - 2003.

3. Gia lễ - NXB Thành phố Hồ Chí Minh - 1999.

4. Phong tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình Việt Nam.

5. Phong tục Việt Nam xưa và nay - NXB Văn hoá Thông tin - 2004.

6. Từ điển bách khoa Việt Nam - NXB Từ điển Bách khoa.

7. Từ điển văn học Quốc âm - NXB Văn hoá Thông tin - 2000.

8. Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam - NXB Văn học - 1992.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 5
Tín ngưỡng và nghi lễ thờ cúng 7
Chương I: **Nghi lễ thờ cúng trong cung đình xưa** 10
I. Lễ tế nam giao 10
II. Giỗ tổ Hùng Vương 13
III. Lễ Tịch điền 14
IV. Lễ tế Thần Nông 17
V. Lễ tế Trời Đất 18
VI. Tục dâng sao giải hạn. 19
Chương II: **Nghi lễ thờ cúng trong sản xuất** 21
Lễ cấp thuỷ 21
Lễ cầu ngư 21
Lễ cầu đảo 22
Lễ cầu mưa 23
Lễ ăn cơm mới 23
Lễ tế cá Ông Voi 26
Tục giết sâu bọ 26
Lễ tổ nghề kim hoàn 27
Lễ nghinh ông 27
Hội làng nghề Bát Tràng 28
Thờ Thiên Cương 29
Hội làm nghề đồng sắt 30
Lễ cúng biển ở Mỹ Long 31
Lễ cúng Trăng 31
Hội làng nghề đúc đồng 32
Hội xuống biển 32
Hội lễ Bà Thiên Hậu 33

Hội Đền Bia 34
Hội đền biển Dinh Cố..34
Hội Nghề bói toán 35
Hội làng tranh Đông Hồ 35
Chọi Trâu ở Đồ Sơn..36
Lễ tống phong..37
Lễ đâm trâu 37
Hội đua thuyền Cát Hải 38
***Chương III*: Nghi lễ thờ cúng trong**
đời sống sinh hoạt...39
A. Thờ Cúng Trong Gia Đình 39
I. Thờ Cúng Tổ Tiên...39
II. Thờ Thổ Công..54
III. Thờ Thần Tài 57
IV. Thờ Thánh Sư 58
V. Thờ cúng trong tang lễ..58
VI. Lễ Mừng Thọ, Yến Lão 74
VII. Nghi lễ cưới hỏi...76
VIII. Những điều kiêng kị trong tập tục cổ truyền.........91
IX: Thờ cúng trong những ngày lễ tết 104
B. Thờ cúng trong làng xã 109
I. Thờ Thành Hoàng 109
II. Đình, miếu, đền thờ trong làng..112
III. Tế tự trong hoạt động thờ cúng của làng................113
IV. Thờ của các đạo ở Nam Bộ 119
V. một số tục thờ khác 121
C. Thờ Cúng Trong Lễ Tết - Hội Hè...133
I. Tín Ngưỡng Thờ Mẫu 113
II. Lên Đồng. 138
III. Tục Thờ Bà Chúa Kho..139
IV. Thờ Mẫu Âu Cơ.· 140
V. Thờ Chúng Sinh. 141

VI. Tục Thờ Phật......142
VII. Thờ Tứ Bất Tử......144
VIII. Một số lễ chính......145
***Chương IV*: Một số bài văn khấn phổ biến**......153
Văn khấn nôm ngày 23 tháng chạp......154
Văn khấn tiết trừ tịch......156
Văn khấn mồng một Tết......157
Văn cúng Thổ Công......158
Văn Khấn Hậu Thổ......159
Văn khấn tiên tổ tiết Xuân Thu......160
Văn khấn tiễn quan đương niên cũ......161
Văn khấn đón quan đương niên mới......163
Văn khấn hoá vàng......164
Văn khấn dâng sao giải hạn......165
Văn khấn tại miếu thần linh nghĩa địa......168
Khấn tại khu lăng mộ......169
Văn khấn tổ tiên......170
Văn khấn vong linh ngoài mộ......171
Văn lễ cáo tổ tiên tết Trung nguyên......173
Văn khấn chúng sinh......176
Văn khấn ngày Sóc Vong......178
Văn khấn gia tiên ngày giỗ......179
Nhất ky hợp cúng văn......181
Văn khấn thần tài......182
Văn khấn đức ông......183
Văn khấn đức địa tạng......184
Văn khấn trước điện Tam Bảo......186
Văn khấn cầu siêu cho gia tiên......187
Văn tế Thành Hoàng......189
Văn khấn Đức Thánh thần......192
Văn khấn Bà Chúa Kho......193
Văn khấn Mẫu Liễu Hạnh......195

Văn khấn bách nghệ Lễ Tiên Sư 198
Văn khấn tiết thường tân (cơm mới) 199
Văn khấn giao thừa 200
Văn khấn gia tiên 201
Văn tế thần xe tang 202
Văn tế tại trạm nghỉ 202
Văn tế đề chủ 203
Tế thành phần 204
Tế phản khốc 205
Văn tế ngu 206
Văn tế tiểu tường và đại tường 208
Văn tế trừ phục 208
Văn khấn ngày giỗ 209
Phụ lục 210
Phụ lục I: Các vị thánh thần được thờ ở Bắc Bộ 210
Phụ lục II: Các ngày lễ tiết phổ biến trong năm 213
Tài liệu tham khảo 215

TÌM HIỂU NGHI LỄ CƯỚI HỎI, THỜ CÚNG TRONG DÂN GIAN

Biên soạn: **Hà Hương Dung**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. TRỊNH TẤT ĐẠT

Biên tập nội dung: **Đinh Như Quang**

Trình bày bìa: **Hạ Vinh Thi**

In 700 cuốn khổ 13 x 19cm, tại XN in Nhà xuất bản LĐ - XH.
Giấy phép xuất bản số 21 - 2005/CXB/02-84/TĐBK/NXBTĐBK
cấp ngày 06 tháng 10 năm 2005.

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2005



TỦ SÁCH TRI THỨC
BÁCH KHOA PHỔ THÔNG

TÌM HIỂU NGHI LỄ CƯỚI HỎI, THỜ CÚNG TRONG DÂN GIAN

Tổng phát hành:

NHÀ SÁCH BẢO THẮNG

344 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (04) 5621402 - 0903413075 * Fax: (04) 8533228



BT: 197

Giá: 23.000đ